

NAM XUÂN THỌ

**PHAN
THANH GIẢN**

(1796 - 1867)

IN LẦN THỨ HAI
Sửa - chữa cần - thận



TỦ SÁCH
**NHỮNG MẢNH GƯƠNG
TÂN VIỆT**

VIỆT NAM CHÍ-SĨ

NAM XUÂN THỌ

PHAN
THANH GIẢN

(1796 - 1867)

IN LẦN THỨ HAI
Sửa-chữa cần-thận



TỦ SÁCH
NHỮNG MẢNH GƯƠNG
TÂN VIỆT

TÂM NIỆM

ÔNG NGUYỄN VĂN KÍNH

Thanh-tra học-chính liên-tỉnh

ở Vĩnh-long

đã tận tình giúp-dỡ rất nhiều tài-liệu trong tập sách
này. Cảo-bản thành hình, trân-trọng ghi dòng cảm-tạ.

NAM XUÂN THỌ

Dầu dàu mây bạc cõi Ngao-châu !

Tú-tài Nguyễn Đình Chiểu

khóc Phan Thanh Giản

Một tấm lòng son tạc xứ xanh

Ân-sát tỉnh An-giang Phạm viết Chánh

điếu Phan Thanh Giản

I

SINH TRONG THỜI LOẠN

Phan-thanh Giản tự Tịnh-bá, lại có một tên tự nữa là Đạm-như, hiệu Lương-khê, biệt-hiệu Mai-xuyên, sinh giờ thìn ngày 12 tháng 10 năm bình-thin (1796), tại làng Tân-thạnh, huyện Vĩnh-bình, phủ Định-viễn, trấn Vĩnh-thanh (sau đổi ra làng Bảo-thạnh, tổng Bảo-trị, huyện Bảo-an, phủ Hoảng-trị, tỉnh Vĩnh-long; nay là làng Bảo-thạnh, quận Ba-trị, tỉnh Bến-tre).

Nguyên xưa, tổ-phụ Thanh Giản là Phan-thanh Tập (có nơi chép là Chính), hiệu Ngẫu-cử, vốn là người Tàu đời nhà Minh. Khi nhà Minh bị Mãn-Thanh dứt, gia-dình họ Phan cũng như hầu hết các con dân nhà Minh không từng-phục Mãn-Thanh, bỏ nước lặn sang qua Việt-nam, ở tỉnh Bình-định, phủ Hoài-nhân, huyện Bồng-sơn, tổng Trung-an, làng Hội-trung. Nơi đây Phan-thanh Tập cưới Huỳnh thị Học, sinh ra Phan-thanh Ngạn.

Năm tân-mão (1771) nhà Tây-sơn dấy binh, Phan-thanh Tập dắt gia-quyển vào Nam.

Khi ấy, đất « Nam-kỳ » thuộc về chúa Nguyễn phúc Ánh, sửa-sang đất-dại miền Nam gọi là Gia-định, chia địa-phận ra làm bốn dinh :

- 1) Phan-trấn dinh
- 2) Trấn-biên dinh
- 3) Trấn-vĩnh dinh
- 4) Trấn-định dinh

PHAN THANH GIẢN

Đến khi gồm được đất nước, Phúc Ánh lên ngôi hiệu là Gia-long, tổ-chức lại cơ-quan cai-trị, thì đất Nam-kỳ kêu là Gia-định trấn, đặt một vị Tổng-trấn đầu tiên là Nguyễn-văn Thành, gồm coi cả năm trấn là:

Phan-yên trấn
Biên-hòa trấn
Vĩnh-thanh trấn
Vĩnh-tường trấn
Hà-tiên trấn

Năm mậu-thin (1808) vua Gia-long đổi Gia-định trấn làm Gia-định thành.

Đến năm nhâm-thin (1832), Tổng-trấn Gia-định thành là Lê văn Duyệt mất rồi, thì vua Minh-mạng liền bỏ chức Tổng-trấn, chia đất Nam-kỳ ra làm sáu tỉnh:

3 tỉnh miền đông	}	1) Biên-hòa (tức Biên-hòa trấn ngày trước)
		2) Gia-định (tức Phan-yên trấn)
		3) Định-tường tức (Vĩnh-tường trấn)
3 tỉnh miền tây	}	4) Vĩnh-long (tức Vĩnh-thanh trấn khi xưa)
		5) An-giang
		6) Hà-tiên (tức Hà-tiên trấn)

I. Tỉnh Biên-hòa gồm 2 phủ 7 huyện:

Phủ Phước-long gồm 4 huyện: Phước-chánh, Bình-an, Nghĩa-an, Phước-bình.

Phủ Phước-tuy gồm 3 huyện: Phước-an, Long-thành, Long-khánh.

II. Tỉnh Gia-định có 4 phủ 9 huyện:

Phủ Tân-bình gồm 3 huyện: Bình-dương, Bình-long, Tân-long.

Phủ Tân-an gồm 2 huyện: Cửu-an, Phước-lộc (phủ Tân-an nay làm tòa Tham-biện Tân-an).

PHAN THANH GIẢN

Phủ Hòa-thạnh gồm 2 huyện : Tân-hòa, Tân - thanh
(nay làm tỉnh Gò-công).

Phủ Tây-ninh gồm 2 huyện : Tân-ninh, Quang-hóa
(nay cải làm Trảng-bàng).

III. *Tỉnh Định-tường có 2 phủ 4 huyện :*

Phủ Kiến-an gồm 2 huyện : Kiến-hưng — Kiến-hòa (nay
làm tỉnh Mỹ-tho).

Phủ Kiến-tường gồm 2 huyện : Kiến - phong, Kiến-
long.

IV. *Tỉnh Vĩnh-long 4 phủ 8 huyện :*

Phủ Định-viễn gồm 2 huyện : Vĩnh-bình — Vĩnh-trị
(nay thuộc về tòa Tham-biện Vĩnh-long).

Phủ Hoảng-an gồm 2 huyện : Tân-minh, Duy-minh.

Phủ Hoảng-trị gồm 2 huyện : Bảo-trị, Bảo-an.

Phủ Lạc-hóa gồm 2 huyện : Tuấn-nghĩa, Trà-vinh.

V. *Tỉnh An-giang có 3 phủ 8 huyện :*

Phủ Tuy-biên gồm 2 huyện : Tây-xuyên, Phong-phú.

Phủ Tân-thành gồm 3 huyện : Vĩnh-an, Đông-xuyên,
An-xuyên.

Phủ Ba-xuyên gồm 3 huyện : Phong-nhiên, Phong-
thạnh, Vĩnh-định.

VI. *Tỉnh Hà-tiên có 3 phủ 7 huyện :*

Phủ Quảng-biên gồm 2 huyện : Khai - biên, Vĩnh-
trường.

Phủ An-biên gồm 3 huyện : Hà-châu, Long-xuyên,
Kiên-giang.

Phủ Tịnh-biên gồm 2 huyện : Hà-dương, Hà-âm.

Đại-phàm xem sử không thể không rõ địa-lý. Biết sơ-
lược như thế rồi, chúng ta mới nhận thấy rằng : ban đầu
gia-quyển họ Phan-thanh ở về Thang-trông (thuộc tỉnh
Định-tường, Mỹ-tho ngày nay), rồi dời xuống Mân-thít

PHAN THANH GIẢN

(thuộc trấn Vĩnh-thanh, Vĩnh-long ngày nay), kể đến huyện Bảo-an, phủ Hoảng-trị, cũng ở trong tỉnh Vĩnh-long, sáu mới dời qua lập nghiệp tại làng Tân-thạnh, huyện Vĩnh-bình, phủ Định-viên, trấn Vĩnh-thanh (sau đổi ra làng Bảo-thạnh, huyện Bảo-an, phủ Hoảng-đạo, tỉnh Vĩnh-long ; nay là làng Bảo-thạnh, quận Ba-tri, tỉnh Bến-tre).

Lập nghiệp tại làng Tân-thạnh, cất nhà ở gầnh Mù-u, bãi Ngao tức Ngao-châu, Phan-thanh Ngạn tục gọi là Xán, hiệu Mai-thự, cưới Lâm thị Bút người làng Phú-ngãi, tổng Bảo-thuận, sinh ra Phan-thanh Giản giữa lúc chúa Nguyễn phúc Ánh chiêu quân kịch-chiến với Tây-sơn.

Thanh Ngạn để vợ con ở lại nhà lên tỉnh Vĩnh-long làm thơ-lại.

Mậu-ngọ (1798), lãnh phạt-sự vận lương trên chiếc thuyền « Hồng-nhật », tới vịnh Đà-nẵng rủi gặp bão, thuyền lương trôi tấp tận đảo Hải-nam, Thanh Ngạn may còn sống sót, lần về quê-quán. Rồi nhờ có nhiều công-lao, Thanh Ngạn được thăng chức Thủ-hạp.

Nhâm-tuất (1802), Lâm thị Bút qua đời, mới có 26 tuổi (1776 — 1802). Mất mẹ, Phan-thanh Giản vừa mới lên bảy tuổi. Và cũng trong năm này, nhà Nguyễn nhất thống Nam Bắc, Nguyễn Ánh lên ngôi xưng hiệu Gia-long.

Gia-long năm thứ hai (quí-hợi : 1803), Phan-thanh Ngạn không thể ở vậy nuôi con, liền cưới người vợ thứ là Trần thị Dưỡng. Người mẹ kế này cũng không đến nổi khắc-nghiệt với Thanh Giản, cho Giản học với nhà sư Nguyễn văn Noa ở chùa làng Phú-ngãi.

Ất-hợi (1815), Thanh Ngạn bị vu-hãm can án, vì các quan-lại ghét Ngạn cang-trục. Ngạn bị khép tội phải phạt một năm tù. Thanh Giản bấy giờ đã 20 tuổi, thân hành lên tỉnh, xin vào yết-kiến quan Hiệp-trấn Lương ở Vĩnh-long, mà xin chịu tù thế cho cha. Quan Hiệp-trấn Lương

PHAN THANH GIẢN

không thể nào làm khác được, chỉ an-ủi Giản nên cố lo tương-lai, và hết lòng giúp-dỡ cho Giản ăn học.

Giản thọ ân. Hằng ngày Giản siêng cần học-tập, ngày hai buổi chẳng khi nào quên nhân ra đời ba giờ vào khám thăm cha, chịu cực-khổ thay cha. Các quan thấy thế đều cảm-dộng.

Chứng Thanh Ngạn mãn hạn tù, Hiệp-trấn Lương bèn khuyên Thanh Ngạn nên để Giản ở lại Vĩnh-long mà học cho tiện. Thanh Ngạn rất vui lòng. Từ ấy, Phan-thanh Giản ở học tại tỉnh, thọ giáo với một người họ Võ (không rõ là tên gì. Nhưng chắc-chắn không phải là cụ Võ-trường Toàn như nhiều người đã nói. Vì khi cụ Võ-trường mất (nhâm-ti : 1793) Phan-thanh Giản chưa ra đời). (1)

Bấy giờ trong tỉnh lại có một người đàn-bà tên là Ân cũng thương Thanh Giản hiếu-thuận siêng cần, thường cho cơm áo. Thanh Giản lấy làm cảm-khích, dốc lòng gắng-gỗ...

(1) Xin xem *Võ-trường Toàn* — Tản Việt xuất-bản.

II

CON ĐƯỜNG HỌC-VẤN

Nhờ một tấm lòng hiếu-thuận hơn người, Phan-thanh Giản đã gạt-hái được nhiều kết-quả tốt-đẹp trong buổi thiếu thời. Ở với mẹ ghẻ, Giản vẫn tránh được cái nạn mẹ ghẻ con chồng thâm-hại, đến nỗi người mẹ ghẻ cũng phải mến. Xử việc liệu lý, Phan-thanh Giản vẫn được lòng cả mọi người, đến quan trên như Hiệp-trấn Lương cũng động lòng mà hạ cố, đến bà góa tên Ân cũng xem Giản như con mà giúp cho từ miếng ăn tấm mặc.

Chưa chường mặt trên trận đời, nhưng Thanh Giản đã thọ ân nhiều quá. Nặng mang một tấm lòng con hiếu, một dạ giới-mài đạo-hạnh, lẽ cố-nhiên Phan-thanh Giản phải cố-gắng thế nào cho không phụ bao nhiêu tấm lòng kỳ-vọng ở mình. Thanh Giản đã có được những động-lực đùn-dẩy kích-thích, tài-năng ngày một nảy-nở, tâm-chi ngày một được rèn-giũa cho trong-sáng. Và tiền-trình... chắc chắn vô hạn lượng. Thanh Giản chắc hẳn cũng lắm lúc tự hiểu mình như thế.

Năm Ất-dậu (1825) nhằm năm Minh-mạng thứ 6, Thanh Giản ra thi tại trường Hương Gia-định, đỗ Cử-nhân. Năm sau (bính-tuất : 1826) thi Hội tại Kinh, Thanh Giản đỗ Tiến-sĩ.

Một điều nên biết khoa thi hội có đến 200 người, mà

PHAN THANH GIẢN

chỉ lấy đỗ được có 10 ông Tiến-sĩ (1) : Bắc-Việt 7 người, Trung-Việt 2, và Nam-Việt 1. Một người ở Nam-Việt đây chính là cụ Phan-thanh Giản vậy. Xem thể thi đủ biết công-phu học-tập của Thanh Giản rất già-dạn và nhiều cố-gắng đến bậc nào.

(1) Các sách hầu hết đều chép là khoa bình-tuất (1826) có 11 người đỗ Tiến-sĩ, ở Bắc 10 người và 1 người trong Nam. Theo cụ Huỳnh-thúc Kháng đã đính-chính trong một bài báo, thì khoa ấy chỉ có 10 Tiến-sĩ và chia ra như đã chép ở trên. Hai người ở Trung-Việt, thuộc tỉnh Nghệ-an, đỗ khoa ấy là Ngụy-khắc Tuân và Võ-thời Mẫn.

Ta có thể tin ở cụ Huỳnh hơn. Và những tài-liệu sau này, hầu hết cũng đều theo cụ Huỳnh và theo ông Lê-thọ Xuân là người rất cần-trọng. Vì, ta hãy nghe cụ nói những lời có thể làm khuôn vàng thước ngọc cho ta ngày nay mỗi khi cầm viết viết sử : « . . . Cụ Phan-thanh Giản một danh-thần nước ta, trải ba triều Minh-mạng, « Thiệu-trị và Tự-đức, cách nay trên dưới độ 70 năm chưa bao xa, « đáng lẽ người Nam thuật Danh-nhân cận-đại nước nhà được rõ-« ràng đích-xác hơn người nước ngoài kể chuyện nước Nam và « người Nam thuật chuyện nước ngoài, nhất là cái người đức vọng, « phẩm-cách, văn-học chánh-tích như cụ Phan-thanh Giản.

« Thế mà phần đông trong báo-giới thịnh-thoảng có bài thuật « đôi đoạn lịch-sử nhà danh-nhân ấy, mà ở trong có điều lơ-mờ, sai-« lầm, hoặc xem lẫn chuyện người khác vào. Văn thuật chuyện « danh-nhân có tính-chất lịch-sử không phải như lối văn tiểu-thuyết « cùng truyện ký mà có thể vơ càn tài-liệu cùng lấy lý riêng mà « đoán chừng. Sự sai-lầm đó, vu cho người xưa đã là một điều « không trung-thiệt, còn di ngộ cho muôn nghìn đời sau lại là một « điều không thể cho là không quan-hệ mà bỏ qua được...

HUỲNH THÚC KHÁNG

báo Đông-dương số 52 ngày 5-4-1941

Kính cần chép luôn ra đây một đoạn văn-tâm trung-thiệt của cụ Huỳnh, thú-thật tôi đã noi theo mấy lời chỉ-giáo ấy nhiều lắm mà tận-tụy dè-dặt phê-phán tài-liệu khi viết các tập truyện ký, để không đắc tội với người xưa, và không dám khinh mạn người sau. Nếu có những sơ-sốt — chắc không tránh khỏi — xin các bạn lượng thứ (Soạn-giả).

PHAN THANH GIẢN

Đỗ tiến-sĩ rồi, Thanh Giản vâng lời cha để làm lễ cưới Nguyễn thị Mỹ người làng Mỹ-lộc, huyện Phước-lộc, phủ Tân-an, tỉnh Gia-dịnh. Năm ấy Phan-thanh Giản được 31 tuổi.

Xem thế, lại một lần nữa ta phải kính-phục đức-độ Phan-thanh Giản. Đến tuổi ngoài ba-mươi, con người ấy mới nghĩ đến việc thất-gia, há không là một gương tốt cho thanh-niên ?

Tháng 8 năm ấy (1862) Phan-thanh Giản được bổ Hàn-lâm-viện biên-tu. Sang tháng 11 được bổ làm Tham-hiệp tỉnh Quảng-bình.

Năm đinh-hợi (1827) nguyên-phối của Thanh Giản là Nguyễn thị Mỹ hạ sinh một gái. Nhưng đứa con đầu lòng không sống, và người vợ trẻ cũng không thọ.

Thanh Giản lên đường vào Kinh nhậm chức ở Quảng-bình, trong lúc đi đường, trải qua rừng vắng, Thanh Giản bồi-hồi ngâm mấy vần lai-láng :

*Muôn dặm đường xa mới tới Kinh,
Bao nhiêu non nước bấy nhiêu tình.
Rừng không người vắng chim kêu rợn,
Trắng lặn sao mờ gió thổi rình.*

Năm mậu-ti (1828) nhằm năm Minh-mạng thứ 9, Thanh Giản nghe viên Huấn-đạo Nguyễn văn Đức ca-tụng đức-hạnh một người phụ-nữ tên Trần thị Hoạch, người làng Đơn-vệ, huyện Minh-linh, tỉnh Quảng-trị, con cụ Án Trần công Án. Thanh Giản khi ấy đã 33 tuổi. Mà Trần thị Hoạch cũng đã 30 tuổi nhưng chưa chồng vì rất kén. Thanh Giản hâm-mộ tiếng-tấm Trần thị, mới cậy người mai-mối mà cưới.

Nếu Thanh Giản cưới vợ rồi lập gia-đình thì cũng là chuyện thường, còn có gì đáng nói. Nhưng ở đây, chúng ta lại phải phục vợ chồng Thanh Giản là người rất phi thường. Vì sau khi cưới hỏi nhau rồi, chẳng được bao lâu,

PHAN THANH GIẢN

Thanh Giản ngậm-ngùi nỗi cha già trong Nam vô võ, mới than-thở với vợ, xin Trần thị hãy tưởng tình mình mà vào Nam phụng-dưỡng cha già. Vợ chồng mới cười, ân-tình còn đang nồng, thế mà Trần thị Hoạch vui lòng đảm-nhận cái nhiệm-vụ của Thanh Giản giao cho. Thanh Giản sa nước mắt vì cảm-dộng. Ngày đưa vợ về làng Bảo-thạnh, vợ chồng Thanh Giản đều ngùi-ngùi, riêng Thanh Giản đã bần-khoăn cảm-dộng rất mực mà đưa tặng vợ một bài thơ lâm-ly tinh-tử :

*Từ thuở vương xe mỗi chỉ hồng
Lòng này ghi tạc có non sông.
Đường mây cười ló ham giông-ruổi
Trương liễu thương ai chịu lạnh-lung.
Án nước nợ trai đành nỗi bận
Cha già nhà khó cậy nhau cùng.
Mấy lời dặn bảo con lâm-biệt,
Rằng nhờ rằng quên lòng hồi lòng !*

Đừng tưởng Thanh Giản sở-dĩ đưa vợ về Bảo-thạnh là vì còn có hầu-thiếp thiếu gì. Không. Thật ra Thanh Giản là người không ưa sắc đẹp đàn-bà, một phần cũng nhờ công-phu học-vấn sâu-dày. Một điều minh-chứng cho việc Thanh Giản không luyến sắc, là sau đó chính Trần thị có xin cưới cho chồng một người thiếp tên Thịnh ở làng Bảo-thạnh. Nhưng Thanh Giản cho thị Thịnh về lấy chồng khác. Và tội-nghiệp ! Thị Thịnh có lẽ cũng cảm vì đức-độ của Thanh Giản mà từ đó cứ ở vậy cho đến chết !

Lại thêm một bằng-chứng nữa. Về sau, Thanh Giản làm Kinh-lược-sứ ba tỉnh miền tây Nam-Việt, một hôm có quan Tổng-đốc Vĩnh-long là Trương văn Uyên đến thăm, nhân vui miệng có hỏi :

— Sao quan lớn không dùng hầu-thiếp.

Thanh Giản đáp :

— Tôi không đủ ngày giờ lo việc quốc-gia, có ngày giờ

đầu mà lo việc hầu-thiếp. Tôi chỉ thích hoa qui, vì sắc nó đẹp tự-nhiên, hương nó thơm dịu-dịu, sắc hương người có sánh được đâu. Vả lại tính nó có rõ-ràng ngay-thẳng nó mới dám nhìn mãi mặt trời mà không chút thẹn. Vậy nên tôi yêu-qui nó hơn đàn-bà đẹp.

Đấy, cái công-phu học-vấn của Thanh Giản có thể tóm lại ở bốn chữ : « Sùng Nho trọng Đạo ». Ở chương này, xin chép tỉ-mỉ về đức-độ của Thanh Giản để làm một tấm gương sáng cho chúng ta soi.

Khi trẻ có hiếu đến cảm được người chung quanh. Rồi trót thọ ân người, Thanh Giản đã cố-gắng đỗ-dạt để mong báo-dền.

Có gì cảm-động bằng khi Thanh Giản đi thi, bà Ân là người đã chu-cấp cho Thanh Giản rất nhiều, khi ấy có may cho Thanh Giản một cái áo lương. Thanh Giản không bao giờ quên kỷ-niệm, gìn-giữ áo ấy cho đến chết vẫn còn, mà thời thường hay lấy ra xem và nhắc-nhở cho con-cháu biết gốc-tích.

Đối với quan Hiệp-trấn Lương là người đã đỡ đầu cho Thanh Giản, Thanh Giản luôn luôn kính-trọng, thăm-nom xem như cha mẹ. Còn đối với thầy học, Thanh Giản khi được về-vang rồi, mỗi khi có dịp về thăm thầy, đi gần tới nhà thầy thì lật đật xuống võng mà đi bộ vào nhà, rất mực cung-kính đối với thầy học.

Năm nhâm-dần (1842), cha mất, Thanh Giản thương-tiếc vô cùng. Lúc về chịu tang, Thanh Giản tuy là một viên quan, song chỉ dùng một chiếc ghe thường mà đi. Khi ghe đi ngang Ba-lai, cai đồn kêu xét. Người bạn chèo bảo là ghe quan lớn. Người cai đồn vẫn nạt, nhất định kêu ghe phải ghé lại xét. Thanh Giản bảo bạn chèo cho ghe cặp bến, rồi lên trình đồn theo phép, không tỏ ra vẻ quan-dạng gì cả. Viên cai đồn làm phận-sự xong mới cho đi. Thanh Giản về đến nhà chịu tang xong rồi, một hôm cho đòi viên cai đồn

PHAN THANH GIẢN

Ba-lai đến. Người cai đến nơi nhìn biết cụ, lấy làm sợ-sệt. Nhưng Thanh Giản mỉm cười :

— Người lo tròn phận-sự ta khen lắm. Ta dạy người : từ đây cứ lo phận-sự như thế. Dù là ghe quan lớn cũng cứ thi-hành phận-sự mà thôi.

Thanh Giản bèn từ xin cho viên cai được thăng-thưởng chức Chánh-đội-trưởng.

Những ngày cư tang, Thanh Giản thường ra mộ phần của cha mà lo sửa-sang. Dân-chúng trong làng thấy thế xin làm việc đào đất nhỏ cỏ thay cụ, nhưng Thanh Giản bảo rằng :

— Đây là phận-sự của tôi, để tôi làm. Cha mẹ sinh ta, nuôi ta, cực-khổ nào có cậy ai.

Có một ngày kia Thanh Giản lên thăm mộ cha, đi đường gặp một người tên Cung đang vác tre đi phía trước. Chùng Cung day ngang qua, ngọn tre quất trúng cụ rách áo, trầy da. Cụ bèn lên tiếng bảo tên Cung hãy để cây tre xuống, và bảo đưa cái mác cho cụ. Cung thất sắc, lo-lắng. Chẳng dè cụ tiếp lấy cái mác, rồi thân-nhiên ngồi trảy nhánh, chặt ngọn tử-tế, rồi bảo Cung vác đi, kéo dề vạy còn dụng người khác nữa.

Đức-độ của Thanh Giản đại-để đáng kính, đáng yêu đường ấy, chẳng trách về sau này trở nên một trang rường-cột của quốc-gia cũng phải.

III

NẮC THANG DANH-VỌNG

Phan-thanh Giản bắt đầu xuất chính từ năm binh-tuất (1826), ngồi chức Hàn-lâm-viện biên-tu, rồi cải bổ chức Tham-hiệp ở Quảng-bình.

Năm Minh-mạng thứ 9 (mậu-tí : 1828) mưa lụt. Thanh Giản dâng sớ xin... vua hãy sửa mình trau đức. Bị vua Minh-mạng quở.

Năm Minh-mạng thứ 12 (tân-mão : 1831), Thanh Giản ngồi ghế Hiệp-trấn tỉnh Quảng-nam. Bấy giờ trong tỉnh có giặc Mọi nổi lên do tên Cao Gồng đốc-chiến. Thanh Giản quân thua. Vua Minh-mạng quở-trách, giáng Thanh Giản làm Tiền-quân hiệu-lực. Thanh Giản chán than-van, bèn hết sức đương đầu với giặc. Năm sau, giặc yên, Thanh Giản được sung chức Hàn-lâm-kiều-thảo nội-các hành-tâu, Hộ-bộ Viên-ngoại-lang, rồi thăng Hồng-lô-tự-khanh, kiêm công-việc Hình-bộ ; và năm Minh-mạng thứ 13 (nhâm-thìn : 1832), được cử làm Phó sứ sang nhà Thanh bên Tàu.

Năm Minh-mạng thứ 15 (giáp-ngo : 1834), sứ-bộ sang Tàu về nước, Thanh Giản được thăng Đại-lý tự-khanh, sung Cơ-mật-viện Đại-thần. Trong năm này, dân Cao-miền xâm địa-hạt Châu-đốc. Vua Minh-mạng sai Đông - các Trương minh Giảng và Võ-hiến Nguyễn tri Phương đem binh vào đánh. Hai viên đại-thần cả thắng, lấy đất đặt tên lại là Trấn-tây.

PHAN THANH GIẢN

Sang năm sau (Minh-mạng thứ 16, ất-vị : 1835), Thanh Giản được bổ làm Kinh-lược Trấn-tây (Hà-tiên — Nam-vang). Làm xong phận-sự, Thanh Giản trở về triều được sung chức Bõ-chánh ở tỉnh Quảng-nam.

Năm Minh-mạng thứ 17 (binh-thân 1836), tháng giêng, vua muốn chơi núi Ngũ-hành ở tỉnh Quảng-nam, Thanh Giản dâng sớ ngăn giá :

— Hạt dân nghe ngự-giá sắp vào đều có lòng vui. Nhưng lúc này đang độ cấy-cày, nếu lo công mà bỏ tư thì dân lấy chi được no-ấm.

Vua Minh-mạng đọc sớ, đình cuộc du-lãm Ngũ-hành-son, nhưng không bằng lòng nên nói với các quan Co-mật rằng : « Thanh Giản thăm theo lời thầy Mạnh chỉ-trích vua Tề ». Vua bèn sai Ngự-sứ Võ duy Tân đến Quảng-nam xem xét tình-hình dân-sự.

Võ duy Tân vốn phường du-mị, cru lòng độc. Tân dâng sớ tâu với vua rằng : « Nhân dân ai cũng trông vua. Trong tỉnh thì quan-lại làm nhiều điều nhũng-tệ ».

Thế là Thanh Giản bị giáng làm Lục-phẩm thuộc viên, giữ việc quét dọn các bàn ghế ở công-đường tại Quảng-nam.

Vua hôn-mụi. Nhưng Thanh Giản không phiền, chỉ đau lòng, lo làm phận-sự quét dọn đến nỗi các quan cũng phải nhăn mày ngùi-ngậm.

Năm Minh-mạng thứ 19 (mậu-tuất : 1838), vì sơ ý kiểm-soát không thấy có một tờ sớ vua phê mà quên đóng ấn, Thanh Giản lại bị giáng chức ; vua sai ra coi việc khai mỏ vàng ở Quảng-nam và mỏ bạc ở Thái-nguyên.

Năm Minh-mạng thứ 20 (kỷ-hợi : 1839), Thanh Giản được thuyên Thống-Chánh-sứ và Phó-sứ, rồi chuyển làm Hộ-bộ Thị-lang. Bấy giờ có Vương hữu Quang người gốc Gia-định, làm Tổng-đốc Bình-định, dâng sớ xin thiêu-hủy bốn tuồng « *Lối phong thập* » là tuồng chủ-y phỉ-báng trời

PHAN THANH GIẢN

đất thần linh. Vua Minh-mạng không bằng lòng. Triều-đình cũng cho là lời tâu không chính-đáng, có ý buộc tội Vương hữu Quang. Thanh Giản không đồng ý với các quan Cơ-mật, cực-lực phản đối, làm sớ trần-tình bày rõ lẽ chánh tà, công-nhận lời của Vương hữu Quang là chân-chính. Rốt lại lẽ phải phải thắng. Tuồng « *Lời phong thập* » bị đốt. Vương-hữu Quang và Thanh Giản được khen-ngợi trung-chính. Nhất là Thanh Giản từ ấy rất được nể vì.

Đại-nam chinh-biên đã chép về Thanh Giản : « Ngộ sự cảm ngôn ». Nghĩa là : Gặp việc dám nói.

Năm Minh-mạng thứ 21 (canh-ti : 1810), Thanh Giản sung chức Phó chủ-khảo trường Thừa-thiên. Năm này vua Minh-mạng mất. Vua Thiệu-trị nối ngôi.

Năm Thiệu-trị thứ 2 (nhâm-dần : 1842), nghe tin cha mất, Thanh Giản bỏ tang.

Năm Thiệu-trị thứ 4 (giáp-thìn : 1844), Thanh Giản được bổ Đô-sát-viện tá-phó ngự-sử, sung Cơ-mật-viện đại-thần.

Năm đinh-vị (1847), vua Thiệu-trị mất. Vua Tự-đức nối ngôi.

Tự-đức năm đầu (mậu-thân : 1848), vua Đạo-quang nhà Thanh sai Chánh Án-sát Quảng-tây là Lao sùng Quang mang sắc-phong sang nước ta.

Ngày được tin Lao sùng Quang sắp đến, vua Tự-đức sắc sai đình-thần đốc suất tráng-dinh làm sứ-quán, dựng thẻ-lầu, lo nghênh-tiếp sao cho hiệp thể nước nhà, và cho xứng là một nơi văn-hiến. Lao sùng Quang là một vị Tiến-sĩ, tài học vang lừng ở Trung-quốc. Vua Tự-đức thấy thế mới sắc cho đình-thần góp-nhặt những văn-phẩm kiệt-tác xưa nay, dồn thành một tập gọi là *Phong-nhũ thống biên*. Trong tập này, phần nhiều là văn thơ của hai thi-hào lỗi-lạc thời ấy là Tùng-thiện Vương Miên Thẩm và Tuy-lý Vương Miên Trinh,

PHAN THANH GIẢN

Lúc Lao sùng Quang mang sắc-phong sang từ Nam-quan vào đến kinh-dô Huế, dọc đường từ trạm Thanh-khoa (Thanh-hóa) vào đến kinh đều có trần-thiết hần-hoi, kể có trên dưới 75 câu đối, mà phần nhiều do cụ Nhữ bá Sĩ một danh-nho ở Thanh-hóa soạn (1), rồi đệ về bộ cho cụ Phan-thanh Giản nhuận-chính

Chính cụ Nhữ bá Sĩ có chép trong một tập bút-lục của cụ về sự nghênh-tiếp bắc sứ, rằng :

« Bắc-sứ quán ở phía nam khe Lãn-thủy, nơi giáp-giới tỉnh Thanh, tỉnh Nghệ. Bắc sứ đến Hà-nội, đi thuyền « từ sông Nhĩ-hà vào đến tỉnh Thanh thì lên bộ. Từ trạm « Thanh-khoa vào Nam đều có công-quán. Bộ tư cho tỉnh : « phạm công-quán đều phải có đối liên. Mỗi quán có 7 sớ : « 1/ Nghi-mộng, 2/ Phương-đường, 3/ Bái-đường, 4/ « Khâm-sứ quan cư, 5/ Tả-hữu tùy-gia, 6/ Hậu-mạng quan « cư, 7/ Tiền-lộ quan cư. Tất cả có 75 câu liên giao tỉnh « soạn, gửi về bộ nhuận-chính rồi giao về tỉnh dán theo. (2)

Được truyền-tụng nhất là đôi liên này :

**Đề thần tự bắc nhi nam, Vương thần tự nam
nhi bắc, qui lộ lai lộ.**

**Nhân giả dĩ đại sự tiêu, Trí giả dĩ tiểu sự đại,
lạc thiên úy thiên.**

(1) Cụ Nhữ bá Sĩ hiệu Nghi-an, một sư nho danh-tiếng, thầy của các ông Thám-hóa Mai anh Tuấn, Hoàng-giáp Nguyễn Lễ, và là nhạc-phụ ông Bằng-nhân Phạm Thanh..

(2) Sớ-dĩ chúng tôi chép luôn ra đây việc nghênh bắc sứ và đôi liên này, vì xưa nay rất nhiều sách báo có chép chuyện ấy nhưng chẳng giống nhau. Ở đây, chúng tôi dựa theo một bài báo của cụ Huỳnh thúc Kháng mà viết như trên.

Về câu đối chép như trên, hầu hết các bài đăng báo về trước thường có chép luôn rằng : « Lao sùng Quang xem xong, tấm tắc khen và viết : Khán liêu bất giác hạn xuất triêm thân. *Nghĩa* : Xem xong bất-giác mồ hôi ra đầm mình.

PHAN THANH GIẢN

Ông Lê thọ Xuân dịch nghĩa :

Tôi của Hoàng-đế từ bắc sang nam, tôi của nhà vua từ nam sang bắc, lấy đường về làm đường tôi

Kẻ có nhân lấy lớn đãi nhỏ, kẻ có trí lấy nhỏ đãi lớn, khiến trời vui là sợ trời.

Năm Tự-đức thứ 2 (kỷ-dậu : 1849), nhà vua mở trường « Kinh niên », bổ Phan-thanh Giản chăm-nom việc soạn sách và giảng sách.

Năm Tự-đức thứ 4 (tân-hợi : 1851), mấy tỉnh miền Nam dân-sự nhiều-nhưong, nhà vua sai Nguyễn tri Phương và Phan-thanh Giản vào trấn đất Nam-kỳ.

Cụ Huỳnh thúc Kháng bảo rằng : « Câu ấy không rõ bằng vào đâu thế? Lao sùng Quang học giỏi thi hay, lúc vào kinh có thi xướng họa với cụ Thương-sơn (tức Tùng thiện Vương) một nhà danh thi đối lại sứ-thần nước lớn, không lẽ thấy câu đối mà phê câu đê-hèn tự ty tự hạ như thế ».

Vả chẳng, trong quyển « Tùng thiện Vương » của Ưng Trinh, thấy có chép đoạn này :

« Lao sùng Quang đọc tập PHONG-NHĨA THỐNG BIÊN » thi có « thiện-cảm khác thường, ở chưa mấy ngày đã sinh lòng kính trọng « người Việt-nam, tự trực-tiếp với Tùng thiện Vương, thân đến « tại Kỳ-thưởng viên, khách chủ bút đàm, vì vậy cho nên có tập « *Thương-sơn thi-thoại* ». Trong khi nói chuyện bằng ngòi bút, « Lao sùng Quang viết :

Độc đáo bạch âu hoàng điệp cú

Mãn hoài tiêu sắt đãi thu hàn.

« Độc đến câu « Bạch âu hoàng điệp »

« Cả người ớn lạnh với hơi thu. »

« Độc thơ mà đến ớn lạnh cả người, thế thì cảm-giác biết « chừng nào? Nguyên trong tập *Hà-thượng* (của Tùng thiện « Vương) có câu :

Thân tợ bạch âu tùy xứ túc

Giao như hoàng điệp nhập thu sơ.

« Người được an nhàn,

« Âu trắng thung dung theo ngọn nước,

« Bàn đầu sợ khoáng,

« Lá vàng tán lạc với hơi thu.

PHAN THANH GIẢN

Khi hai họ Nguyễn, Phan vào Nam làm nhiệm-vụ, vua Tự-dức thân tiễn, và trao một bài thơ ngũ ngôn ân-cần :

**Nông-nại long hưng địa
Tùng lai đức trạch thâm
Mao nghê giai ngã tử
Bảo chương lại khanh tâm
Huyền thần cảm nan lý
Căn bàng diệp tự thâm
Cam đường ửng bãi bãi
Trường sử hậu nhân ngâm.**

Thượng tâu Thị dịch :

*Đồng-nai (1) là đất long hưng,
Xưa nay đức trạch đượm nhuần sâu xa.
Già trẻ đều con của ta,
Giữ-gìn êm-thắm nhờ mà lòng người.
Rủn dầy đờn khảy khó tươi,
Gốc sâu lá mới tốt-tươi um-tùm.
Cam đường phơi-phới bóng râm,
Khiến người sau có tiếng ngâm lâu dài.*

Năm Tự-dức thứ 5 (nhâm-tí : 1852), Phan-thanh Giản cùng với Nguyễn tri Phương ở trong Nam dâng sớ về triều, trong có 8 điều. Đại-lược :

« Con âu trắng không có cơ tâm, bề rộng trời cao, ở đâu cũng « thung-dung tự thích ; còn nhìn quanh mình thì bạn-bè điều tạ « dần dần, như lá vàng gặp lấy gió thu, sự lão, sự tử, ở không-gian, « chính là luật chung của vũ-trụ. Vì thân người như con âu trắng ; « vì đời người như ngọn lá mùa thu ; đọc câu thơ rợn óc cả người, « Lao sùng Quang không còn dám tự-phụ mình là tiến-sĩ văn-« chương của Trung-quốc.

Đan-cứ câu chuyện bút đàm giữa Tùng thiện Vương với Lao sùng Quang để làm tài-liệu, minh-chứng việc tiếp bắc sứ, hoặc giả nhân có chuyện cụ Tùng thiện với họ Lao đàm tâm tương đắc, rồi mô-phỏng thêm câu chuyện đề câu « Khán liễn... » ấy chăng ?

(1) Đất Đồng-nai xưa kia cũng gọi là « Nông-nại ».

PHAN THANH GIẢN

— Xin chẳng nên gần-gũi kẻ nịnh, thấp-hèn lanh-lợi như chín dứa châu-chực hát-xướng mà vua đang yêu-vì. Xin đừng cho tìm mua châu-ngọc quý-báu ; trong con dúi lạnh không làm được áo-cơm, trong con tranh-chiến không làm được grom-giáo, đã tổn lại gây cho dinh-thần cái tình dảng lạ, nạp báu, để cầu thân. Xin bớt cho binh-lính rảnh-rang tập võ, kéo khi có giặc thì quân không tinh, chỉ làm bia đỡ đạn.

Vua Tự-đức xem sớ, tuy khen lắm và ban cho Thanh Giản một tấm kim-khánh khắc bốn chữ « Liêm, Bình, Cần, Cẩn », nhưng còn việc chính thì vẫn không sửa-đổi gì !

Nghĩ kỹ thì tầm mắt của Nguyễn tri Phương và cụ Phan cũng đã thấy xa lắm rồi. Trong Nam, từ đời Minh-mạng, sau vụ án Lê văn Duyệt, kế tiếp vụ Lê văn Khôi công-phần dấy loạn, tình-thế trong nước thường không yên. Còn ở đảng ngoài, từ đời vua Minh-mạng, nhà vua đã mấy lược hà-khắc người phương tây, nghi-ngờ ghen-ghét những người có binh-quyền đến gây nên cái tệ án Lê văn Duyệt, khiến cho mỗi nước chông-chênh. Nay đến đời vua Tự-đức, có lẽ cụ Phan nghĩ cho nhà vua văn-học tài-ba ấy có thể là một bậc anh-quân sớm biết sáng-suốt nhận-định thời-cuộc, cho nên cụ mới cùng với cụ Nguyễn tri Phương hằng nhắc-nhở cho nhà vua : nhiệm-vụ trị nước yên dân, và bao giờ cũng không quên nhắc đến việc : cần luyện-tập binh-lính để đủ sức khi phải dụng võ.

Nhưng việc đâu vẫn hoàn đấy. Trong triều vẫn không có sự sửa-đổi gì cho nước mạnh dân giàu, mà cái học hư-văn lại càng thêm thịnh.

Cho đến năm 1858, tiếng súng của liên-quân Pháp-Y đã bắn vào cửa Hàn kia thế mà đến năm tân-dậu (1861), vua Tự-đức vẫn mới truyền cho các tỉnh chọn lấy những người khoẻ-mạnh để làm lính võ-sinh. Và đến năm ất-sửu (1865) lại mới mở ra khoa thi võ tiến-sĩ,

PHAN THANH GIẢN

Chết thật. Giặc tới bên nhà mới lo... rên dao, để cự với súng. Mà nói té tội. Dân ta cũng có súng chứ. Nhưng mà tới khi ấy, quân-lính của mình mỗi đội có 50 người thì chỉ có 5 người cầm súng điều-thương cũ, phải chằm ngòi mới bắn được. Chả trách dân ta phải ngậm hờn. Nhưng đó là việc sau, ở vào giai-đoạn... Pháp-Việt giao-binh.

Ở chương này, hăng chép về những việc của cụ Phan cho đầy-dủ về đoạn đời của cụ trong khi vào trấn đất Nam-kỳ lần thứ nhất.

Cụ Phan cùng với Nguyễn tri Phương vào trấn đất Nam-kỳ, hăng lấy làm lo, vì tự biết mình đã phải đương lấy trọng-nhậm. Đối với toàn dư-dồ Việt, hình-thế Nam-kỳ cũng như cuống họng. Giữ cho vững đất-đai miền Nam tức là giữ vững cái mạng-mạch của toàn Việt. Biết thế, nên hai cụ dốc lòng chăm-lo việc hành-chính cho vừa lòng dân-chúng dưới quyền.

Ngoài việc hành-chính, trong năm Tự-đức thứ 8 (ất-mão : 1855) Thanh Giản dâng sớ xin lập miếu thờ cụ Võ-trường Toàn nơi huyện Bình-dương, làng Hòa-hưng.

Cụ Võ-trường gốc người tỉnh Gia-định, huyện Bình-dương. Khi Tây-sơn dấy binh, cụ Võ ở ẩn dạy học. Nhiều danh-thần triều Gia-long như Ngô tùng Châu, Trịnh hoài Đức, Lê quang Định, Ngô nhân Tịnh đều là học-trò cụ. Hơn nữa, chính cụ đã gây nên cái học-phong sĩ-khi cho những thế-hệ sau cụ. Từ những môn-sinh cao-đệ, cho đến những người như Nguyễn đình Chiêu, Huỳnh mần Đạt, Phan văn Trị, sớ-dĩ đã hy-sinh tuấn-tiết vì nước-nhà lúc bị xâm-lãng đều là người có chịu ảnh-hưởng của cụ (2). Trong lúc Nguyễn Ánh chống Tây-sơn, khắc-phục được Gia-định rồi, thường triệu cụ Võ-trường đến bàn-luận việc nước. Vua muốn phong quan-tước cho cụ, cụ

(1) Có nơi chép là năm Tự-đức thứ 5 (1852).

(2) Xin xem *Võ-trường Toàn* — Tân Việt xuất-bản.

nhất-định chỉ chuyên đào-luyện tinh-thần đoàn hậu tấn. Vua rất khen và tiếc không được dùng tài cụ. Năm nhâm-tí (1792), cụ Võ-trường mất tại làng Hòa-hưng (Gia-định). Đức Nguyễn Ánh truy-tặng cho cụ huy-hiệu « *Gia-định xử-sĩ Sùng-đức Võ tiên-sinh* », lấy hiệu này khắc vào mộ-chi cụ Võ ; và một đôi liên truy-diệu :

« Triều hữu huân-danh, bán thuộc Hà-phần cựu học

« Đầu nam phong-giáo, tề khâm Nhạc-lộc dư uy.

Cụ Võ chết đi, không có con cái chi cả, nhưng mọi người đều mến-mộ ân-đức cụ, các học-trò đều tôn-kính cụ như cha. Cho đến về sau, khi Nguyễn Ánh lên ngôi, trong lục-bộ Thượng-thư cũng có lời truy-niệm :

« Sinh tiền giáo-huấn đức nhân, vô tử như hữu tử

« Một hậu thình danh tại thế, tuy vong già bất vong.

Nghĩa : khi sống, dạy-dỗ được nhiều người giỏi, tuy không con mà cũng như có con ; Lúc thác rồi, danh-tiếng để lại trên đời, tuy đã mất mà thật là không mất.

Cụ Võ phẩm người như thế, cho nên cụ Phan-thanh Giản khi về trấn đất miền Nam, tưởng đến cái cao đức của người xưa, dù không là học-trò cụ, cũng kính cụ Võ như bậc sư-bá mà hết lòng tôn-kính sùng-bái. Và về sau khi ba tỉnh miền đông (Biên-hòa, Gia-định, Định-trường) thuộc Pháp, cụ Phan cũng không quên đến năm di-hài của cụ Võ mà cùng với các ông Đốc-học tỉnh Vĩnh-long là Nguyễn Thông tỏ với Hiệp-trấn An-giang là Phạm hữu Chánh, giao chó Tú-tài Võ Gia lo việc cải-táng hài-cốt cụ Võ. Đến ngày 28 tháng 10 năm Tự-đức thứ 18 (ất-sửu : 1865), linh-cữu cụ Võ-trường được dời về mai-táng ở làng Bảo-thạnh là quê-hương cụ Phan ; và nơi đây vẫn còn là đất của dân ta. Rồi hai năm sau, ngày 28 tháng 3 năm đinh-mão (1867 — Tự-đức thứ 20), chính tay cụ Phan soạn một bài văn bia định khắc ở mộ cụ Võ-trường. Nhưng buổi bấy giờ tình-hình trong nước đã bị liên-quân Pháp-Y

làm rồi quá nhiều. Cho nên thợ khắc chưa rời thì đến tháng bảy năm này, vì thất luôn ba tỉnh phía tây mà cụ Phan có nhiệm-vụ gìn-giữ, cụ phải ngậm-ngùi tuần-tiết. Thế là công-việc dựng bia cho cụ Võ-trường bị ngưng trong một thời-gian. Về sau ông Trương ngọc Lang đứng ra lo việc mướn thợ khắc bia đến rằm tháng tám năm nhâm-thân (1872) mới rời. Và sợ người sau lầm-lẫn, ông Trương ngọc Lang còn cho khắc thêm mấy chữ «Tiền nhâm-tí chỉ nhâm-thân cộng bát-thập nhất niên». Nghĩa là khi cụ Võ-trường mất là năm nhâm-tí (1792) đến năm nhâm-thân (1872) mới dựng bia xong, cộng 80 năm, tính theo ta thì là 81 năm.

Bài văn bia của cụ Phan-thanh Giản rất nghiêm thiết :

«... Tiên-sinh không khứng ra làm quan, nên đại-khả, « không thấy được sự-nghiệp. Từ thuở Tiên-sinh lấy lối học « nghĩa-lý để giáo-hóa, chẳng những đương thời đào-tạo « được nhiều bậc nhân-tài, mà còn truyền-thuật giảng-luận « trau-giồi về sau. Tới nay trong dân-gian lục-tỉnh Nam-kỳ « tỏ lòng trung-nghĩa, cảm-phát dám hy-sinh tới tinh-mạng, « xét kỹ ra tuy nhờ đức thân-nhân của quân-vương nhuần « gọi cổ kết nhân-tâm, nhưng nếu không có công-đức mở « mang huấn-dụ của Tiên-sinh từ thuở trước, thì làm sao « có được nhân-tâm như thế ấy. »

Cái chỗ dụng ý và dụng tâm của cụ Phan là khích-lệ nhân-tâm. Đã tỏ lòng sùng-bái người cao-đức để treo gương, cụ Phan lại tưởng-niệm đến trang nghĩa-liệt nữa để gây lòng trung-nghĩa cho binh-sĩ. Như cụ đã tưởng-niệm Mai bá Hương, người làng Tân-hương (Cái-quao, Trà-vinh) làm chức xá-lại.

Khi Nguyễn Ánh đánh nhau với Tây-sơn ở Nam-kỳ, Mai bá Hương vâng lệnh quân-đốc một đoàn thuyền tải lương về Gia-định. Trước ông định đi ngã Thủ-thừa, nhưng không được. Ông trở lại đi ngã Bao-ngược. Đến

PHAN THANH GIẢN

khúc sông làng Bình-ninh, cách vàm Nhật-tảo bốn năm nghìn thước thì gặp chiến-thuyền Tây-sơn chặn đánh. Trong lúc nguy-cấp, không thể chông-cự nổi mà cũng không thể để mất lương về tay đối thủ, ông bèn truyền lệnh cho đục thuyền nhận chìm tất cả. Ông cũng tử tiết.

Đến khi cụ Phan-thanh Giản về trấn đất Nam-kỳ, cụ mới đề vào miếu Mai bá Hương một đôi liên truy-niệm ;

**Nghĩa báo nam thiên, cương thượng thường bởi
cao tiết**

**Khi hiểm tây tặc, giang tiền do khởi nộ phong
ba.**

Ông Đòng Hồ đã dịch :

« Thờ vua hết dạ thẳng ngay,

« Gò cao tiết nghĩa càng ngày càng cao.

« Hiểm xưa hạn cũ tuôn dào

« Dòng sông sóng giận ào ào chưa nguôi.

Đương lấy trách-nhiệm chần dân ở miền Nam, Phan-thanh Giản tự biết là không dễ, nên lúc nào cũng tự mình làm gương. Nhưng việc nước cứ mãi đồn-dập nặng-nề dường quyết buộc chết thân ấy. Nhưng việc càng khó, giá cụ Phan càng cao.

Cho đến khi tiếng súng Pháp-Y bùng nổ...

IV

PHÁP-VIỆT GIAO BINH

Tiếng súng mở màn cho cuộc Pháp-Việt giao binh là tiếng súng đại-bác ở chiếc chiến-thuyền « Catinat » do Leheur de Ville-sur-Arc chỉ-huy.

Nguyên người Pháp lấy cờ triều-dinh Việt-nam chém giết giáo-sĩ, mới sai Leheur Ville-sur-Arc đem chiến-thuyền Catinat vào cửa Đà-nẵng (Tourane), rồi cho người đem thư lên trách triều-dinh Việt-nam về việc giết các cố đạo. Triều-dinh Việt-nam không trả lời hãn-hoi. Quân nước Pháp bèn bắn phá các đồn-lũy ở Đà-nẵng rồi bỏ đi. Ấy là trận mở màn, nhằm tháng 8 năm binh-thìn (1856) là năm Tự-dức thứ 9.

Chiến-thuyền Catinat đi rồi, dưới thuyền có vị giám-mục Pellerin đã trốn được vua quan ta mà theo Leheur de Ville-sur-Arc về Pháp. Sau đó ba tháng, sứ-thần Pháp ở Xiêm là ông Montigny lại sang nước ta để điều-dinh mọi việc. Tàu của Montigny đi vào đóng ở cửa Đà-nẵng, rồi cho người đưa thư lên, đại-khái nói : Xin cho người nước Pháp được tự-do đi lại buôn bán, đặt Lãnh-sự ở Huế, mở cửa hàng buôn bán ở Đà-nẵng, và cho giáo-sĩ được tự-do đi giảng đạo. Nhưng triều-dinh nước ta bác tất cả.

Bấy giờ, ở nước Pháp Nã-phá-luân đệ-tam (Napoléon III) lên làm vua. Nhân có giám-mục Pellerin xin vào bệ-kiến, kể tình-hình cấm đạo ở Việt-nam, lại có ông chủ-giáo thành Rouen là Mgr de Bonnechose và Hoàng-hậu Eugénie

nói vào, Napoléon III mới quyết ý sai quan đem binh sang đánh nước ta.

Trước khi thuật đến chuyện Việt-Pháp giao binh, giờ ta hãy giữ lại đoạn sử cấm đạo để xem kỹ, hầu chiêm-nghiệm xem nó có phải là cái nguyên-nhân gây chiến như hầu hết các sách đều nói chẳng ?

Như chúng ta đã biết, hai nước Pháp-Việt bắt đầu giao thiệp thân-mật là từ đời đầu nhà Nguyễn, giữa Nguyễn Ánh và đức Giám-mục Bá-da-lộc (Evêque d'Adran). Và Pháp-Việt ký tờ giao-ước đầu tiên tại Versailles ngày 28-11-1787, triều vua Louis XVI. Nhưng tờ giao-ước không thi-hành được, chỉ có Bá-da-lộc tự đứng ra lo giúp cho Nguyễn Ánh mà thôi. Sau đó, khi Nguyễn Ánh lên ngôi, nước Pháp tiếc ngẩn-ngơ vì đã dễ mất cơ-hội xen vào việc ở Viễn-đông. Tuy-nhiên, bấy giờ cũng có nhiều người, hoặc trong chính-giới, hoặc trong thương-giới đã nhiều lần bàn-bạc lo-tinh lại việc sang giao-thiệp với nước Việt-nam. Nhưng khi ấy nước Pháp có loạn lộn. Louis XVI bị truất ngôi, cuộc cách-mạng 1789 thành công. Việc nước họ bộn-bề, chính-phủ họ không rảnh lúc nào mà nghĩ tới việc Viễn-đông được. Đến khi Nả-phá-luân đệ-nhất lên cầm quyền nước Pháp (1804-1814), ngang với triều vua Gia-long ở nước ta (1802 — 1820), Nả phá-luân cũng có ý gây thế-lực nước Pháp ở Viễn-đông để đối-dịch với người Anh cũng đang gây thế-lực ở Ấn-độ. Nhưng Nả-phá-luân cũng không rảnh mà lo việc Viễn đông được, vì còn bận đánh dẹp ở châu Âu. Rồi Nả-phá-luân thất thế. Họ vua cũ phục-hung (La Restauration) vua Louis XVIII lên ngôi nước Pháp trong năm 1815. Thủ-trưởng nước Pháp bấy giờ là Richelieu mới viết một bức thư cho Chaigneau (đang làm quan ở triều-đình vua Gia-long nước ta), thư đề ngày 17-9-1817, trong nói rằng :

« Có mấy người đi buôn bằng tàu nước ta đã sửa-soạn
« hoặc định sửa-soạn cho tàu bè sang xứ Bắc-kỳ và xứ Nam-

« kỳ. Chính-phủ có khuyến-khích những cuộc thí-nghiệm ấy,
« mong rằng những cuộc ấy khiến cho ta gây nên một cuộc
« thông-thương vĩnh-viễn ở các xứ ấy. Ông (Chaigneau) có
« thể hiệp với ý-kiến của chính-phủ, trước hết nhân địa-vị
« của ông, dùng các cách mà làm cho công-cuộc của các
« nhà thương-mại ta được thành-trụ, sau nữa ông cho tôi
« biết rằng cần phải làm những thế nào nữa để đạt tới mục-
« đích của những nhà ấy, nghĩa là sự lập-thành cuộc thông-
« thương vĩnh-viễn và thường thường với xứ ông đang ở đó.

(Theo tài-liệu của Dương Quảng Hàm)

Thế là nước Pháp đã cậy Chaigneau làm tay trong để dọn đường cho cuộc giao-thiệp Pháp-Việt sắp tới. Mà Chaigneau có thành công không? Thì đây :

Sau khi Chaigneau tiếp thư của Richelieu trong tháng 9 thì cũng ngay trong tháng ấy, một chiếc tàu buôn Pháp là La Paix của một công-ty thành Bordeaux sang Việt-nam. Ít lâu lại có chiếc Henry đến. Rồi trong tháng 12 thì có chiếc tàu binh Cybèle đến cửa Đà-nẵng nữa. Đến chi đây, tàu binh để ủng-hộ tàu buôn chăng?

Sử chép :

« Hai chiếc tàu buôn (La Paix và Henry đã nói trên)
« chở hàng-hóa sang bán. Chẳng may những hàng ấy
« không thích-hợp với người Việt, nên không bán được hết
« và mua đủ hàng trở về. Đức Gia-long thấy thế xá cả thuế
« cho, và bảo kê rõ cho các thứ hàng nên chở sang, ngài
« sẽ tiếp-dãi tử-tế ».

Chẳng bao lâu thì tàu Pháp cũng lại sang. Lẽ cố-nhiên. Cho nên năm 1819, chiếc Henry lại sang cùng với chiếc Larose. Lần này, Chaigneau lấy cớ là nhớ quê-hương, mới xin phép vua Gia-long cho về Pháp, xuống tàu Henry trong tháng 11. Không nói nhưng chắc ai cũng biết thế nào Chaigneau cũng mang tin-tức về cho Chính-phủ Pháp.

Chaigneau về Pháp năm 1819. Sang năm 1820, vua Gia-long băng. Vua Minh-mạng lên nối ngôi.

Đến tháng giêng 1821, vua Louis XVIII lại cử Chaigneau sang Việt-nam với sứ-mạng : Lãnh-sự ở Huế.

Theo phép lịch-sự, sang tới Việt-nam, Chaigneau vào bệ-kiến đức Minh-mạng, dâng lễ-vật nói là của vua Pháp kính tặng nhà vua : 1 chiếc đồng-hồ mạ vàng, 2 chân đèn có nhiều ngọn, 2 cái bồn bằng đồng mạ vàng, 16 bức ảnh về các trận, 1 khẩu súng rất đẹp để trong hộp qui, 2 cây súng lục, 1 tấm gương to.

Vua Minh-mạng nhận lễ-vật, nhưng vẫn tỏ ý lãnh-dạm nghi-ngờ. Mà nhà vua nghi-ngờ cũng có lý. Một phần vì tàu Pháp đi lại rộn-riếp, một phần vì thấy Chaigneau thường biên thư luôn về Pháp.

Năm 1822, một chiếc tàu chiến Pháp tên Cléopâtre đến cửa Đà-nẵng. Thuyền-trưởng là Courson de la Ville Héllio xin vào yết-kiến. Vua Minh-mạng không cho, mà cũng không sai quan tiếp-dãi gì cả.

Lại một khi có sứ-thần nước Anh xin vào chầu, nhà vua cũng từ-chối. Còn một điều này nữa : từ đời vua Gia-long, theo lệ thường năm, các cố đạo ngoại-quốc đến ở trong nước Việt, cứ ngày Tết thì họp nhau làm lễ dâng mừng tuổi vua. Đến đời Minh-mạng, nhà vua truyền bỏ lễ ấy, làm hẳn ra mặt cự tuyệt, khinh-bĩ, ghét-bỏ. Các người Âu đều lấy làm lạ về thái-độ của nhà vua. Nhà vua vẫn thản-nhiên làm như không hay biết sự giận-tức của người nước ngoài. Cho nên hai ông Chaigneau và Vannier là hai người Pháp đã giúp rất nhiều cho nhà Nguyễn, làm quan nhà Nguyễn, và cũng mang tên Việt-nam là Nguyễn văn Chấn và Nguyễn văn Thắng, thế mà vua Minh-mạng vẫn ngang nhiên nhiên lần đề lộ ý không muốn dùng họ nữa.

Chaigneau và Vannier thấy nhà vua đã xử lạt-lẽo, lại thêm các quan ghét-ghen, tự biết không nên ở lâu nữa.

Ngày 15-11-1821, Chaigneau và Vannier xin nghỉ, xuống tàu về Pháp.

Thế là trong triều-dinh Việt-nam, không còn một người Pháp nào nữa. Trước kia, khi Bá-đa-Lộc làm trung-gian cho Pháp-Việt giao-hảo, thì vị Toàn-quyền ở Ấn-độ là De Conway can-ngăn vua Pháp không nên giúp binh cho Nguyễn Ánh, nên tờ giao-ước Versailles không thi-hành. Song Bá-đa-Lộc thấy xa, nhất định không bỏ cơ-hội tốt cho người Pháp có mặt ở Viễn-dông, mới lãnh tri tỉnh thuê ngay hai chiếc tàu ở Ấn-độ, rồi rủ nhiều người Pháp sang Việt-nam, gồm có : Đại-tá Ollivier, Thủy-sư D'Ayot, bác-sĩ Despiaux, kỹ-sư Théodore le Brun, Trung-úy Barizy, Đại-úy Girard de l'Isle-Sellé và các Thiếu-úy Guillon, Guilloux, Chaigneau, Vannier, De Forçant v.v.. . Rồi đến khi vua Gia-long lên ngôi, vì lẽ không đồng ngôn-ngữ phong-tục nên các quan ta và Pháp ghét nhau, đến nỗi họ bỏ đi gần hết. Tới năm 1809 chỉ còn có vài người là Ollivier, Chaigneau, Vannier và De Forçant. De Forçant lại chết sớm. Chỉ còn có ba người ở lại và chịu mang cái tên Việt-nam là : Ollivier tên Việt là Nguyễn văn Phụng, Chaigneau là Nguyễn văn Chấn, Vannier là Nguyễn văn Thắng. Họ cũng cưới vợ người Việt (1).

Rồi, như ta đã biết, năm 1824 Chaigneau và Vannier về Pháp. Triều-dinh Việt-nam từ ấy hoàn toàn không còn người Pháp dự vào. Điều ấy đáng mừng cho Việt-nam hay đáng lo ? Ở tập sách này vấn-đề ấy không thuộc phạm-vi nên không đề-cập đến, chỉ tóm so-lược để chúng ta hiểu rõ hơn cái nhiệm-vụ khó-khăn sau này mà cụ Phan-thanh Giản phải gánh.

(1) Xin xem « VIỆT SỬ GIAI-THOẠI » về những cuộc tình-duyên Việt-Pháp của Đào trình Nhất — Tân Việt xuất-Bản.

Chaigneau và Vannier đi rồi, vua Minh-mạng cảm thấy như đã nhỏ được cái gai ở mắt.

Năm 1825 lại có một chiếc tàu chiến Pháp tên Thétés đến cửa Đà-nẵng. Thuyền-trưởng là De Bougainville có đem một bức thư của vua Pháp, xin vào yết-kiến. Vua Minh-mạng sai đem phẩm-vật cho Bougainville, nhưng không nhận thư, nói rằng không có ai dịch được thứ chữ Pháp. Thế là hết chuyện.

Cũng trong năm ấy, có một giáo-sĩ tên Rogerot cùng sang Việt-nam trên chiếc chiến-thuyền Thétés, ở lại Việt-nam để đi giảng đạo. Vua Minh-mạng hay tin ấy cả giận. Ngày 18-2-1825 nhà vua hạ dụ cấm đạo. Ấy là đạo dụ thứ nhất nói về việc cấm đạo. Lời dụ rằng :

« Ta đạo của người tây làm hư-hoại lòng người. Đã lâu « nay nhiều chiếc tàu của người Âu-châu sang đây buôn « bán thường để lại các người đạo-sĩ ở đây. Các người ấy « làm mê-hoặc lòng dân và bại hoại phong-tục. Như thế « chẳng phải là cái tai-họa lớn cho nước ta ru? Vậy ta nên « ngăn-cấm các điều bậy-bạ ấy để khiến cho dân ta theo « về chính đạo »

Khâm thử

Năm 1826, Chính-phủ Pháp lại sai cháu ông Chaigneau sang làm Lãnh-sự. Vua Minh-mạng vẫn không nhận. Đến năm 1829, Lãnh-sự Pháp không kham chịu sự bạc-dãi, lại phải về nước. Từ đó trở đi, Pháp-Việt tuyệt giao. Nhưng về việc buôn-bán, thỉnh-thoảng các tàu buôn nước ngoài cũng có đến Sài-gòn, vì ở đây do Tổng-trấn Gia-dịnh thành là Lê văn Duyệt coi giữ, có ý bênh-vực người Pháp hơn. Và cũng vì thế mà về sau Duyệt cũng bị vua Minh-mạng ngờ luôn nên gây nên thảm án và thảm họa nội loạn Lê văn Khôi vậy !

Tháng giêng 1833, nhà vua lại hạ dụ cấm đạo lần thứ hai:

« Ta truyền cho tất cả các người di đạo từ quan đến

« dân, nếu biết sợ oai-quyền ta thì phải thật lòng bỏ đạo.
« Các hàng quan-lại phải xét-xem các giáo-dân ở hạt mình
« có vâng theo thượng lệnh không, và bắt họ phải đứng
« trước mặt mà dẫm chân lên câu-rút, xong rồi hẵng tha
« cho lần này. Còn các nhà thờ cùng các nhà ở của giáo-sĩ
« thì phải triệt-phá đi hết. Sau này còn có người dân nào
« phạm tội theo tà đạo ấy, thì trừng-phạt rất nghiêm để
« cho tiệt gốc loạn ».

Về phần các giáo-sĩ và giáo-dân, kết-quả như thế nào, khỏi phải nói nhiều, hẵng ai cũng biết.

Tháng giêng 1836, nhà vua lại hạ dụ cấm đạo lần thứ ba :

« Hễ giáo-sĩ người Âu nào bắt được trên tàu khách vào
« trong nước thì phải xử tử. Hễ giáo-sĩ người Âu nào bắt
« được ở trong nước cũng phải xử tử. Những người nào
« giấu-diếm các người ấy ở trong nhà cũng phải xử tử. Nội
« các quan hễ có án tố-giác ra một người đạo-sĩ nào ở
« trong hạt mình cũng phải xử tử, vì đã không biết tìm hết
« các cách để bắt lấy ».

Một mặt ban dụ, một mặt nhà vua lại sai Phan-thanh Giản soạn các huấn-diệu để dạy dân, ấy là tập « *Minh-mạng chính-yếu* ».

Triều-đình Việt thi-hành chính-sách đối-đãi gắt-gao với giáo-sĩ và giáo-dân. Triều-đình Pháp phản-kháng, nhưng vô hiệu-quả. Ngọn lửa hiềm-khích cừu-thù nhóm khởi, hăm-dọa bao nhiêu tính-mạng con người.

Vua Minh-mạng vẫn biết thế nào rồi cũng phải giao-thiệp với tây-phương ; muốn cho dịu bớt tình-hình đang căng thẳng, nên năm 1838, nhà vua sai sứ sang Pháp điều-đinh. Nhưng sứ-bộ Việt-nam sang tới nước Pháp, vua Pháp không tiếp. Vì sao ? Bởi một lẽ rất dễ hiểu là vua Pháp bấy giờ là Louis Philippe (1830 — 1848) vì có hội ngoại-quốc truyền giáo (Société des missions étrangères) can-thiệp vào tình-hình Việt-Pháp.

Biết là ở lại cũng vô-ích; thêm nhục quốc-thể, sứ-thần ta phải trở về. Ấy là lần đầu tiên nước ta phái sứ sang Pháp, và sau này sứ-bộ Phan-thanh Giản sang Pháp là lần thứ hai. Nhưng đó là việc sau, sẽ chép rõ ở đoạn sau.

Giờ ta hãy xem việc hành-dộng của vua Minh-mạng. Phái sứ-thần điều-dinh, việc không xong, nhà vua chắc cũng tự biết, nhưng vẫn phải phái đi cho ra thể thống một dân nước văn-hiến biết lễ-nghĩa. Trong khi sứ-thần còn ở Pháp, bên này nhà vua hằng cũng chuẩn-bị đối-phó với tình-hình biến chuyển. Nhưng chẳng được bao lâu, khi sứ-thần thất-bại vừa trở về tới Huế thì nhà vua đã mất (11-1-1841).

Vua Thiệu-trị nối ngôi. Để gầy lại tinh thần-thiện Pháp-Việt, vua Thiệu-trị khi vừa lên ngôi thì hạ lệnh tha cho nhiều cố-đạo bị giam-cầm chưa đem hành hình, rồi cho họ xuống tàu Héroïne về Pháp. Tình-hình được-dịu bớt một ít lâu.

Ngày 25-2-1843, Thuyền-trưởng tàu Héroïne là Favin Lévêque lại xin tha cho 5 giáo-sĩ : Berneux, Miche, Chavier, Galy, Duclos. Triều-dinh Việt trước còn thoái-thác nhưng sau cũng tha cả.

Năm 1845, Triều-dinh ta có bắt một vị Giám-mục tên Lefèvre, khép án xử tử. Bảy giờ có một sĩ-quan hải-quân người Mỹ đứng ra xin tha mãi không được, liền báo tin cho vị Thiếu-tướng hải-quân coi đạo thuyền nước Pháp tại khu biển Trung-hoa và Nhật-bản là Cécile. Thiếu-tướng Cécile được tin, ngày 12-6-1845 đi tàu Alemene sang xin cho, Giám-mục Lefèvre mới được tha.

Tướng thế là êm. Chẳng ngờ cũng vì việc truyền giáo mà rồi lại khiến cho hai dân-tộc bạn phải đi đến nước làm đổ máu nhau một cách đau lòng.

Nguyên năm 1847, Chính-phủ Pháp lại sai Đại-tá Lapierre chỉ-huy tàu chiến Gloire và Trung-lá Rigault de

Genouilly chỉ-huy tàu chiến Victorieuse đến cửa Đà-nẵng, lấy lẽ là vâng lệnh vua Pháp xin Triều-dinh Việt-nam hãy bỏ những dụ cấm đạo và cho người trong nước được theo đạo tự-do.

À, thì ra sứ-mạng của họ chỉ có thế. Nhưng làm gì mà như chực đánh nhau ấy, chi mà phải đem sang đến hai tàu chiến và tướng võ chỉ-huy. Hay định dùng võ-lực cưỡng-ép buộc ta phải theo? Hay sợ vua quan ta không khứng rồi hành hung nên họ phải dự-phòng?

Khó hiểu. Và cũng vì khó hiểu, Triều-dinh Việt-nam cũng phải ngửa trước mà lo phòng-thủ: sửa-soạn chiến-thuyền, đem tinh-binh túc chực ở các đồn-lũy.

Ta nghi họ. Họ nghi ta. Việc thương-thuyết chưa xong thì súng nổ. Ai bắn trước? Sử chép:

« Ngày 15-4-1847, vì thấy quân ta sửa-sang trên bộ « dưới nước, nghi rằng quân ta sẽ khởi thế công, quân « Pháp ra tay, khạc đạn đại-bác làm đắm cả các chiến-thuyền của ta ».

Chưa hết bắt hòa, lại bắt hòa. Vua Thiệu-trị nổi xung, bao nhiêu đồ-dạc kỷ-niệm qui-báu của người Pháp đều đem ra hủy-phá hết. Và trong dân-gian lại được nghe một đạo dụ ghê hồn:

« Bắt hết các giáo-sĩ và giết hết các người phương tây « ở trong nước. Cứ mỗi đầu người Pháp là 30 đinh bạc, « ai chém được nhiều ít tùy theo số mà lãnh thưởng ».

Trong cuộc đánh nhau vì quyền-lợi, tình-cảm và lý-lẽ không có chỗ đứng, và không phải là chuyện bàn được rõ trắng đen ai phải quấy. Chỉ nên than dài, hỡi trời! Nhân-loại tương tàn hầu như là một nghiệp chương nghìn đời phải chịu chuyển-luân!

Giữa lúc đất nước dậy sóng gió, thịnh-linh vua Thiệu-trị nhuốm bệnh rồi băng ngày 4-11-1847.

Người lên nối ngôi là vua Tự-dức. Tướng xe trước

ngiêng xe sau khéo tránh, nào hay cũng vẫn loanh-quanh trong vòng cấm, giết. Ngay trong Tự-đức năm đầu, nhà vua hạ một tờ dụ :

« Đạo Gia-tô, trước kia hai vua Minh-mạng, Thiệu-trị « đã cấm, thật là một tà đạo, vì theo đạo ấy thời không « thờ-phụng tổ-tiên, lại lấy mất những người sắp chết để « làm thứ nước phép mà làm mê lòng người, còn làm « nhiều điều dị-doan ghê-gớm nữa.

« Vậy các giáo-sĩ người phương tây là kẻ có tội nhất, « thì buộc đá vào cổ mà ném xuống bể. Ai bắt được một « người thời thưởng cho ba mươi nén bạc. Các giáo-sĩ « bản-quốc tội nhẹ hơn các người kia thì đem tra hỏi xem « có chịu bỏ điều lầm-lỗi không. Bằng không chịu thì đem « khắc chữ vào mặt và đem dày vào những chỗ nước độc. « Còn những người dân theo đạo mà không chịu bỏ, đều « là những đứa ngu-dốt khốn-nạn, bị mấy kẻ giáo-sĩ làm « mê-hoặc, tình thật đáng thương, vậy trảm vì lòng thương « dân truyền không nên chém giết hoặc đem dày hoặc bỏ « tù những kẻ ấy nữa. Các quan chỉ nên trừng-trị nghiêm- « ngặt rồi lại cho về quê-quán ».

Tháng ba năm 1851, vua Tự-đức lại hạ một đạo dụ cấm đạo, thêm ngặt hơn lần trước.

Nhưng ai giết cứ giết. Giáo-sĩ truyền đạo vẫn còn thấy lên-trốn và cứ dạy đạo trong dân-gian.

Làm sao bây giờ ? Chẳng lẽ giết hết. Mà làm sao giết cho hết lòng tin-nguỡng. Vua Tự-đức dù có tiếng là vị vua văn-học sáng-suốt cũng phải chịu, không phương diệt lòng tin-nguỡng của con người ; cực-chẳng-dã phải xuống dụ hỏi ý các quan coi phải đối-phó thế nào. Vì thật ra thì nhà vua cũng như hai vua Minh-mạng, Thiệu-trị khi trước, không phải có lòng ghét đạo, mà chỉ sợ cho dân-chúng mê đạo rồi sẽ làm nội ứng cho nước ngoài xâm-lãng.

Chỉ có thế. Và chỉ vì thế mà nước ta bị nhiều điều rối-

rầm rồ đến nỗi người nước ngoài lợi-dụng tinh-thế, mượn cớ mà dụng võ để kiếm lợi-quyền, cái lợi-quyền xây trên xương máu của hai dân-tộc Pháp-Việt là hai dân-tộc đáng lý phải là hai dân-tộc bạn thân-yêu từ đời Gia-long. Nhưng chỉ vì thiếu thành-thật, lại thêm lắm nghi-ngờ mà ra cớ sự ?

Tháng chín năm 1855, vua Tự-đức lại ban một đạo dụ cấm đạo nghiêm-nhặt khốc-liệt.

Đến đây, tính ra từ đời vua Minh-mạng thì có bốn đạo dụ, Thiệu-trị một, và Tự-đức thì cũng được ba phen ban dụ rồi.

Kết-quả như thế nào ? Chẳng những không trừ được hết, lại còn khiến người nước ngoài lấy cớ để đến. Ngày 16 tháng bảy 1856, Leheur de Ville-sur-Arc ngồi tàu Catinat sang đệ thư trách. Vua Tự-đức không tiếp. Các quan không nhận chuyển đệ thư-lìn. Leheur de Ville-sur-Arc ra lệnh bắn đồn ! Rồi bỏ đi Hương-cảng.

Cũng trong năm 1856, sau khi tàu Catinat bỏ đi, tới tháng chạp, một tàu chiến Pháp tên Capricieuse lại đến. Rồi cũng không nên được việc gì, lại bỏ đi.

Tháng giêng năm 1857, Charles de Montigny sau khi làm tròn nhiệm-vụ sứ-thần, vâng lệnh Nã-phá-luân đệ-tam sang Xiêm ký một tờ thương-ước và hòa-ước, sang Cao-miền thương thuyết về vấn-đề truyền giáo, rồi lại sang ta. Trong khi ấy, vua Tự-đức sai đắp đồn-lũy ở dọc sông Hương và đem quân đến Đà-nẵng. Charles de Montigny đến nơi thì cũng không xin hỏi được gì cả. Đến tháng hai, Montigny bỏ đi Hương-cảng. Trước khi đi, Montigny có viết một bức thư gởi vua Tự-đức, trong có lời dọa hễ còn giết-chóc nữa thì nước Pháp tất dùng quân-lực sang đánh.

Được thư, nhà vua nổi giận lên. Tháng bảy năm 1855, lại thêm một đạo dụ thứ tư, đối với người còn theo đạo, tuyên-bố dụng cực-hình.

Cả Pháp lẫn Việt, hết cả nhân-tình ! Lại thêm một

ước Y-pha-nho (Espagne), nhân vì giáo-sĩ người Y cũng có bị giết-hại, thấy thế cũng xui Pháp hưng binh, hứa giúp cho một tay.

Khi ấy, sẵn có một đội tàu chiến Pháp đã qua Trung-quốc để hiệp với tàu chiến Anh ra oai dẹp phong-trào bài ngoại mới phát lên ở tỉnh Quảng-dòng, vua Nả-phá-luân đệ-tam mới truyền lệnh cho tướng chỉ-huy đoàn tàu ở Quảng-dòng là Thủy-sư Đê-dốc Rigault De Genouilly hãy sẵn-sàng sang Nam, tìm phương-lược đối-phó.

Được lệnh, tháng 7 năm Mậu-ngọ (1858) nhằm năm Tự-đức thứ 11, Rigault de Genouilly chỉ-huy liên-quân Pháp-Y độ 3.000 người với 14 tàu chiến, kéo đến cửa Đà-nẵng.

Không nói-năng gì nữa, súng thay người lên tiếng. Liên-quân Pháp-Y vừa tới nơi thì xả súng bắn liền, rồi lên hạ thành An-hải và thành Tôn-hải.

Triều-đình họp nghị, sai Đào Tri và Tổng-dốc Nam-Nghĩa là Trần Hoảng ra đánh. Đào Tri đem quân đến nơi thì hai thành ấy đã mất rồi. Triều-đình lại sai Lê đình Lý làm tổng-thống đem 2.000 cấm binh vào án ngự.

Lê đình Lý đánh với quân Pháp một trận ở xã Cẩm-lệ bị đạn, về được mấy hôm thì mất.

Vua Tự đức liền sai Kinh-lược-sứ là Nguyễn tri Phương làm tổng-thống, Chu phúc Minh làm đề-dốc, dẫn quân họp với Đào Tri chống với liên-quân Pháp-Y.

Nguyễn tri Phương lập đồn Liên-tri và đắp lũy dài từ Hải-châu cho tới Phúc-ninh.

Rigault de Genouilly vẫn có ý tiến quân lên đánh Huế, nhưng nghe thấy quân ta chống-giữ rào-riết nên không dám mạo-hiềm.

Rigault de Genouilly bèn cho người dò-thám tình-hình, biết rằng đất Nam-kỳ béo-bở, Genouilly mới đổi chiến-lược định vào Nam đánh lấy Sài-gòn.

Tháng giêng năm kỷ-vị (1859) nhằm năm Tự-đức thứ

12, Rigault de Genouilly giao quyền cho đại-tá Toyon ở lại giữ các đồn tại Đà-nẵng, rồi còn bao nhiêu binh-thuyền đem vào Nam-kỳ.

Quân Pháp tiến binh vào Nam, tới cửa Cần-giờ bắn phá pháo-dài ở hai bên bờ sông Đồng-nai, rồi tiến lên đánh thành Gia-định.

Quan hộ-đốc là Vũ duy Ninh vội-vàng tư đi các tỉnh lấy binh về cứu-viện, nhưng chỉ trong hai ngày thì thành vỡ, nhằm ngày 19 tháng hai năm 1859.

Rigault de Genouilly chiếm thành Gia-định, đốt cả thóc gạo và đàn phỉ thành-tri làm binh-dịa, sai trung-tá Jauréguiberry đem quân ở lại chống-giữ với đạo quân ta ở Biên-hòa do Tôn thất Hợp chỉ-huy. Còn Rigault de Genouilly lại đem quân ra Đà-nẵng, tiến đánh một trận ở đồn Phúc-ninh.

Vào lúc này, nội chính, ngoại-giao ở nước Pháp đều rối-rắm. Cho nên khi hạ thành Gia-định rồi, Rigault de Genouilly có gửi tin điện về Pháp xin viện binh. Nhưng Binh-bộ Thượng-thư đã trả lời:

« Hồi này nhà-nước không có thể nào tiếp-tế cho tướng-quân thêm một tên lính hay một chiếc tàu cũng vậy. « Thôi, tốt hơn là tướng-quân liệu bề thương thuyết điều-dinh với chính-phủ nước Nam cho xong. Nếu họ cam-« đoan từ nay trở đi không ngược-dãi tin-dò Thiên-chúa « nữa, thì chúng ta chỉ có việc trả lại thành-tri cho họ rồi « rút binh đi về là hơn ».

Cố-nhiên Rigault de Genouilly không dám liều-lĩnh khinh chiến. Nhưng cuộc giảng-hòa cũng không xong. Chỉ vì đã trót làm đổ máu nhau rồi.

Quân Pháp không quen thủy-thổ, dân sinh bệnh. Rigault de Genouilly sinh lo, tự động về Pháp.

Chính-phủ Pháp sai hải-quân thiếu-tướng Page sang thay Rigault de Genouilly.

Tháng 10 năm kỷ-mùi (1859) thiếu-tướng Page sang đến nơi. Nhưng việc giảng-hòa cũng không xong. Thiếu-tướng tiến binh đánh. Quân ta kháng-cự, giết chết một viên lục-quân trung-tá là Dupré Déroulède.

Đang khi liên-quân Pháp-Y hoành-hành ở nước ta, thì liên-quân Pháp-Anh cũng đang đánh nước Tàu ở mạn Hoàng-hải. Bấy giờ, chính-phủ Pháp lo về mặt nước Tàu hơn, mới gọi tin điện truyền cho Thiếu-tướng Page phải rút quân ở Đà-nẵng về, và chỉ để quân giữ Gia-định, còn bao nhiêu binh-thuyền phải đem sang Tàu trợ-lực với hải-quân trung-tướng Charner.

Được lệnh rút sang Tàu, quân Pháp đốt cả dinh-trại ở Trà-sơn rồi xuống tàu kéo vào Gia-định. Tới Gia-định, thiếu-tướng Page để hải-quân đại-tá d'Ariès ở lại giữ Gia-định, còn bao nhiêu binh-thuyền thì đem lên phía bắc hội với binh-thuyền của nước Anh để đánh nước Tàu.

Đây, giai-đoạn đầu trong cuộc Pháp-Việt giao binh là thế. Nhiều nhà làm sử hay tỏ lời tiếc cho nước ta để mất nhiều cơ-hội giảng-hòa tốt đẹp cho cả hai bên. Nói như thế thì cũng phải, nhưng xét kỹ thì chắc đâu... Lại cho rằng do việc cấm đạo giết đạo mà gây nên trường chiến, tưởng không phải lẽ lắm. Vì như không có chuyện ấy, thì rồi cũng đến có sự xung-đột nhau vì quyền-lợi mà thôi, bởi một lẽ rất dễ hiểu là xét ra tinh-thế người tây-phương vào thời-kỳ ấy, hầu hết đều muốn tìm đường sang Viễn-đông, Mỹ thị-oi ở Nhật năm 1854. Anh chiếm chỗ trước ở Ấn-độ. Pháp thế tất phải tìm đường sang Việt-nam là nước mà Pháp đã từng trợ chiến bên cạnh vua Gia-long. Sở-dĩ họ chần-chờ chưa ra tay bá-chiếm hẳn, là vì còn yếu, lại bận nhiều việc. Như thế thì rõ-rệt cái sự cấm đạo phải đâu là một cơ chính, mà ngày nay dân Việt chắc cũng thừa biết cả rồi. Cái văn-minh vật-chất của Âu-tây đã làm hư-hại tinh-danh của họ nhiều là thế. Mà thôi, ngày nay lịch-sử

diễn-triển theo cái đà của nó. Ta chỉ còn có việc dò theo vết lịch-sử để rút kinh-nghiệm.

Sau khi quân Pháp bỏ Đà-nẵng đi, Triều-đình Huế bèn sai Nguyễn tri Phương, Phạm thế Hiền vào Nam để cùng với Tôn thất Hợp sung Gia-định quân-thứ.

Tháng 7 năm canh-thân (1860) Nguyễn tri Phương cùng bộ tham-mưu lên đường vào Nam chống với toàn quân Pháp còn chiếm đóng nơi ấy.

Lúc gần đi, Nguyễn tri Phương tâu với vua Tự-đức căn-kê những việc giữ được, và nguyện đem hết sức giữ-gìn đất nước. Lại tâu rằng :

— Mọi việc trong Nam đã có ông liệu quyết, còn ở mặt Quảng-nam mà có việc gì thì Phan-thanh Giản và Nguyễn bá Nghi có thể cùng-đáng được.

Nên nhớ rằng Nguyễn tri Phương trước kia đã cùng với Phan-thanh Giản trấn đất Nam-kỳ (đã thuật ở chương trước). Tiếng súng nổ ở Đà-nẵng do Rigault de Genouilly khai chiến, thì Nguyễn tri Phương được lệnh tổ-chức cuộc kháng-chiến ở mặt Đà-nẵng, như thuật ở đoạn trên. Nay Nguyễn tri Phương lại được lệnh vào Nam, khi đi lại tiến-cử Phan-thanh Giản có thể vỗ yên dân ở Quảng-nam, thế là hai cụ Nguyễn, Phan đã rõ biết nhau nhiều lắm vậy.

Một võ-tướng, một văn-thần, hai cụ đều là trang nghĩa-liệt tinh-trung đã làm thom những trang sử Việt cận-đại

Giờ, ta hãy theo dõi hai cụ Nguyễn, Phan, để được xem cuộc diễn-triển lịch-sử trong giai-đoạn Pháp-Việt giao binh lần thứ hai.

V

NGUYỄN TRI PHƯƠNG THẮT THU ĐỒN KỶ-HÒA PHAN-THANH GIẢN VÀO NAM

Tháng 7 năm canh-thân (1860), nhằm năm Tự-đức thứ 13, Nguyễn tri Phương lên đường vào Nam. Đồng thời Phan-thanh Giản ngược Bắc.

Liên-quân Pháp-Y ở Sài-gòn lúc bấy giờ chỉ có độ 1.000 người. Quân của Nguyễn tri Phương trên vạn.

Nguyễn tri Phương vào xếp-đặt ở Gia-định một cách rất có qui-củ, đắp dãy đồn Kỳ-hòa (người Pháp gọi là Chi-hòa), ra quân chống nhau với quân Pháp do đại-tá d'Ariès chỉ-huy.

Quân Pháp cố thủ đánh cầm chừng chờ binh tiếp viện. Đến tháng 9 năm ấy (1860), liên-quân Anh-Pháp thắng-lợi ở nước Tàu, đại-biểu nhà Thanh là Lý hồng Chương ký tờ hòa-ước với hai nước Anh-Pháp. Đã rảnh tay, chính-phủ Pháp liền sai trung-tướng Charner tiện đường kéo binh thuyền đến Việt-nam, chủ-trương việc lấy Nam-kỳ.

Tháng giêng năm tân-dậu (1861), trung-tướng Charner đem cả thủy 70 chiếc tàu và 3.500 quân bộ kéo đến Gia-định, rồi truyền lệnh tiến quân đánh đồn Kỳ-hòa.

Đồn Kỳ-hòa thất thủ. Nguyễn tri Phương quân thua bỏ đồn chạy về Biên-hòa, nhằm ngày 26 tháng hai 1861. Trận này, Nguyễn tri Phương bị thương, người em là

Nguyễn Duy tử trận. Tham-tán quân-vụ Phạm thế Hiền chạy về đến Biên-hòa được mấy hôm thì mất. Về bên liên-quân Pháp-Y chết mất nhiều vị võ-quan, như quan năm Testard, quan ba De Larcynière, còn lục-quân thiếu-tướng Vaissoigne, người Pháp, đại-tá Palanca, người Y-pha-nho, với hai vị quan ba Foucault, De Rodelle, quan hai Berger, mấy vị quan một Noel, Frostin và Joly đều bị thương, quân-linh thì chết hơn 300 người.

Phá được đại đồn Kỳ-hòa rồi, trung-tướng Charner tiến đánh Biên-hòa, Thủ-dầu-một và Tây-ninh, rồi quay về đánh tỉnh Định-tường (Mỹ-tho).

Trận đánh Mỹ-tho xảy ra vào cuối tháng hai năm tân-dậu (1861). Trung-tướng Charner chỉ-huy, một mặt sai Trung-tá Bourdais đem tàu tiến đánh các đồn, một mặt sai thiếu-tướng Page đi đường bộ, theo cửa sông Mèkong vào; rồi hai mặt hiệp binh cùng tiến đánh lấy thành Mỹ-tho. Quan hộ-đốc Nguyễn công Nhân bỏ thành chạy.

Lấy được luôn Mỹ-tho, trung-tướng Charner cho hoãn việc binh ít lâu để lo sửa-sang việc cai-trị trong địa-hạt mới chiếm.

Triều-đình Huế liền sai Nguyễn bá Nghi làm Khâm-sai đại-thần vào kinh-lý việc Nam-kỳ. Nguyễn bá Nghi liệu thế không chống nổi với quân Pháp, dâng sớ xin giảng hòa. Nhưng quan đại-thần Trương đẳng Quế ở trong triều chủ chiến, nhất quyết mưu sự chống-giữ.

Chống là phải. Vì lúc ấy dù có muốn giảng hòa chắc cũng khó, bởi người Pháp đã có ý-định chiếm Nam-kỳ làm thuộc-địa để mở rộng thế-lực nước Pháp ở Viễn-đông. Xem như việc sau này thì rõ.

Chẳng những Trương đẳng Quế ở trong triều chủ chiến, mà ngay trong Nam-kỳ vào buổi ấy cũng đã xảy ra những trận đánh do nhân-dân tự động kháng-chiến, tổ-chức cơ-quan binh-bị phòng-vệ. Có tiếng nhất trong buổi

bấy giờ là những cuộc khởi nghĩa của Huyện Toại và Quận Định ở Gò-công, Phủ Cao ở Mỹ-tho, Thiên-hộ Dương ở đồng Tháp-mười.

Dân-tinh khổ-sở vì ngoại-xâm, nội-loạn. Cả hai chính-phủ Pháp, Việt đều không yên, dân hai nước đều làm vật hy-sinh cho hai thần ác : tham và giận một cách đau-xót.

Sợ tướng mới quân mệ, đến tháng mười năm tân-dậu (1861), chính-phủ Pháp sai hải-quân thiếu-tướng Bonard sang thay cho trung-tướng Charner về nghỉ.

Bonard sang. Cuộc chinh-phục rộng lớn bắt đầu. Lần-lượt, Biên-hòa, Bà-ri-a và Vĩnh-long thất thủ.

Giặc ngoài chưa yên. Sang đầu năm nhâm - tuất (1862), trong nước lại thêm có loạn : ở Bắc-Việt thì có tên Phùng, tên Trương đánh phá rất ngặt ở mặt Quảng-yên và Hải-dương ; Nguyễn văn Thịnh tục gọi là cai-tổng Vàng thì phá-rối ở Bắc-ninh.

Triều-đình Việt-nam lo-lắng. Giữa lúc ấy chợt có tin từ Gia-định đưa về cho hay rằng : Thiếu-tướng Bonard có ý muốn giảng hòa.

Tình thật hay chỉ là một trò phóng tin để dò tin bên địch ? Chỉ biết rằng sau khi có tin ấy, thì có trung-tá Simon vâng lệnh Bonard đem chiếc tàu Forbin vào cửa Thuận-an để chực xem Triều-đình Huế có xin hòa không.

Dù sao thì sao, tình-thế trong nước ta bấy giờ buộc phải hòa là hơn. Nhưng chẳng biết kẻ nào được thế sẽ còn buộc những điều-kiện gì đây. Triều-đình ngần-ngại, nhưng rốt ra cũng phải sai Phan-thanh Giản và Lâm duy Hiệp vào Gia-định giảng hòa.

Vua Tự-dức hồn thân rót ngự-tửu ban cho Phan-thanh Giản và Lâm duy Hiệp, bày-tổ sự đặt tin-nhiệm hoàn toàn vào hai cụ.

Đề cho hai cụ có đủ uy-quyền thương thuyết với

PHAN THANH GIẢN

Thiếu-tướng Bonard, vua Tự-đức xuống dụ phong cho cụ Phan làm Chánh-sứ, Toàn-quyền đại-thần, và phong cho cụ Lâm làm Phó-sứ.

Ngày 16 tháng tư năm 1862, hai cụ Phan, Lâm xuống tàu Forbin vào Nam với sứ-mạng giảng hòa.

VI

PHAN-THANH GIẢN — LÂM DUY HIỆP

ký hòa-ước

ngày 5 tháng 6 năm 1862

Phan-thanh Giản và Lâm duy Hiệp phụng-mạng vào Nam thương thuyết giảng hòa.

Cuộc hội-ngộ mở ra giữa hai cụ Phan, Lâm và Bonard (Pháp) với Palanca (Y).

Đã tới nước phải đi giảng hòa, cụ Phan-thanh Giản thừa biết là phải chịu thiệt thòi. Nhưng chắc cụ không ngờ nổi điều-kiện của kẻ mạnh đưa ra gắt-gao đến thế nào. Mà dù có thế nào, cụ Phan vẫn tin-tưởng ở tài đức mà sẵn tới.

Nhưng cụ Phan đã phải ngậm hờn. Mà dân nước cũng sôi lòng cứu nước. Vì, này đây kết-quả cuộc giảng hòa :

Ngày 5 tháng 6 một tờ hòa-ước ký kết giữa những người đại-diện cho hai dân-tộc Pháp Việt là Phan-thanh Giản với Lâm duy Hiệp và Bonard với Palanca ghi 12 khoản :

1.) Hiệp-ước này khánh-thành một kỷ-nguyên thân-thiện và giao-hữu giữa 3 nước : Pháp, Y-pha-nhô (hoặc Tây-ban-nha) và Đại-nam.

2.) Sự tự-do giữ đạo Thiên-chúa sẽ ban-hành trên khắp địa-phận Đại-nam, không bị bắt-buộc, cũng chẳng bị làm trở-ngại.

PHAN THANH GIẢN

3.) Ba tỉnh miền đông là Biên-hòa, Gia-định, Định-tường, và đảo Côn-lôn sẽ nhượng cho nước Pháp. Hơn nữa không được làm trở-ngại tàu nhỏ và tàu lớn của Pháp từ ngoài biển vào mượn đường thủy của Đại-nam để buôn-bán với Cao-miền; cũng phải để cho pháo-thuyền và hạm-đội Pháp được tự do chạy vào các con sông của Đại-nam dặng thám hiểm.

4.) Sau khi ký hiệp-ước, nếu các cuộc xung-đột xảy ra giữa Đại-nam và một cường quốc khác, và Đại-nam bại trận, muốn nhượng cho cường quốc ấy vào nơi nào trên lãnh-thổ của mình, thì trước hết Đại-nam phải cho Pháp biết, vì trong trường-hợp ấy cần phải có Pháp bằng lòng mới được. Pháp có quyền không chịu, nếu Pháp cho rằng những sự nhượng đất kia có thể có hại cho Pháp.

5.) Các thương-gia Pháp và Tây-ban-nha đến buôn-bán ở các cửa biển Đà-nẵng và Quảng-yên phải được bảo an và được tự do hoàn toàn. Họ sẽ đóng hết tất cả các món thuế cho Đại-nam. Các thương-gia người Nam qua Pháp và Tây-ban-nha cũng được như thế, nhưng họ phải trả những thứ thuế và chịu những điều-kiện hiện hành trong hai xứ ấy.

Khi nào các thương-gia là dân một cường quốc khác, chứ không phải dân Pháp hay Tây-ban-nha mà đến Đại-nam và Đại-nam cho cường quốc ấy hưởng những điều-kiện đặc biệt và được ưu đãi, thì Đại-nam cũng phải làm như thế đối với thương-gia Pháp và Tây-ban-nha.

6.) Khi nào xét ra cần-thiết và nếu phải có cuộc hội-ngộ giữa ba nước, một trong ba nước ký tên sẽ đề-cử những người đại-diện, sẽ nhóm hoặc ở kinh-dô Đại-nam, hoặc ở kinh-dô Pháp hay Tây-ban-nha. Trong lúc thường, thư-từ giao hữu hoặc các cuộc thăm-viếng theo phép xã-giao có thể trao-đổi giữa các nước bạn. Mỗi lần người đại-diện cho Pháp hay Tây-ban-nha sang Đại-nam, thì chiếc

tàu chở người đại-diện ấy sẽ đến đậu tại Đà-nẵng, rồi người đại-diện sẽ do đường bộ đi từ Đà-nẵng đến kinh-đô.

7.) Sau khi hiệp-trước này ký kết, thì 3 nước không còn cừu hận nhau nữa. Quân-linh và thường dân người Nam bị quân-đội Pháp bắt trong các cuộc giao-phong sẽ được thả ra. Những vật-dụng và tài-sản đã lấy của vài làng trong lúc chiến-tranh sẽ trả lại cho chủ chánh-thức. Những người Nam nào, bằng cách này hoặc bằng cách khác, đã giúp-dỡ công-việc cho Pháp sẽ được ân-xá luôn cả gia-đình của họ.

8.) Đại-nam phải trả cho Pháp và Tây-ban-nha một số tiền bồi-thường là 4 triệu đồng trong 10 năm, mỗi năm 400.000 đồng, giao tận tay người đại-diện Pháp ở Gia-định. Sau khi đóng xong số tiền 100.000 đồng bằng tiền điều rồi, thì 10 số tiền đóng hằng năm sẽ được giảm 2%.

9.) Nếu những người Nam, sau khi theo bọn cướp đến khuấy-nhiều những địa-phận đặt dưới quyền ủy-nhiệm của Pháp trở về tìm chỗ lánh thân trong các tỉnh của Đại-nam, và nếu các thường-phạm Pháp hoặc Âu-châu đến tìm chỗ trú trên địa-phận Đại-nam, thì Chính-phủ Pháp cậy người đại-diện cho mình ở Đại-nam đứng làm trung-gian, kêu-nài dẫn độ những tội-nhân ấyặng giao cho tư-pháp của người Pháp. Cũng một thể ấy, những tội-nhân hoặc kẻ phiến-loạn người Nam qua trốn ở Pháp, thì các quan Nam có thể bàn-tính với người đại-diện Pháp ở Gia-định yên-cầu dẫn độặng giao họ cho các tòa Nam án xử.

10.) Sau khi hiệp-trước này ký kết, những người nguyên-quán ở ba tỉnh phía tây : Vĩnh-long, An-giang, Hà-tiên, có thể tự ý đến tìm phương sinh-kế trên những địa-phận do nước Pháp cai-trị (Gia-định, Định-tường, Biên-hòa). Họ chỉ phải tuân theo điều-kiện này là đóng thuế cho nhà chức-trách Pháp chỗ họ ở. Nếu, vì việc riêng mà Đại-nam

muốn chở quân-sĩ, khí-giới, thuốc-dạn, ngang qua những địa-phận do người Pháp chiếm-đóng, thì trước hết phải xin phép nhà cầm-quyền Pháp, nếu không xin phép thì khi hay có sự chở phi pháp như vậy, chính-phủ Pháp sẽ sai quân-dội nghiêm trị.

11.) Người Pháp mặc dầu đương chiếm-đóng tỉnh Vĩnh-long, sẽ bằng lòng trả tỉnh ấy lại cho Chính-phủ Đại-nam và không dự vào việc riêng trong xứ, chỉ để cho nhà đương-cuộc Đại-nam kiểm-soát và cai-trị, nhưng kiều-dân Pháp ở Vĩnh-long phải được bảo an hoàn toàn.

Lại còn khoản này : Triều-đình Huế phải sớm gọi về những quan-lại mà Triều-đình đã phái đi, trước và trong lúc chiến-tranh đang điều-khiển các cuộc hành binh và dự bị trận phục thù, hiện trốn-tránh ở ngoại-ô các tỉnh bị chiếm-cứ, vì cuộc chiến-tranh đã hoàn toàn chấm dứt ; và nếu họ còn ở đó thì chỉ gây ra những cuộc xung-đột không thể tránh được.

Chỉ phải theo điều-kiện ấy, Pháp mới trả Vĩnh-long lại cho Đại-nam.

12.) Trên đây là những đại-cương của hiệp-ước đã đặt ra và đã nhất-định như thế, các ủy-viên toàn quyền của 3 nước sẽ ký tên và đóng dấu vào.

Bản hiệp-ước này sẽ trao cho nhà vua của mỗi nước phê-chuẩn, và được coi như là thi-hành kể từ ngày ba nước ký tên và đóng dấu. Trong thời hạn một năm và sau khi các nhà vua phê-chuẩn, sẽ có cuộc trao-đổi thư tín-nhiệm tại kinh-dô của Đại-nam.

Cuộc giảng hòa là vậy đó. Ba tỉnh miền đông, người Pháp giành chiếm trọn. Còn một trong ba tỉnh miền tây là Vĩnh-long thì cũng có hứa trả, nhưng chỉ là hứa.

Tâm-trạng của cụ Phan khi ký hòa-ước như thế nào, ngày nay chúng ta không biết rõ. Nhưng bằng ở hành-dộng của cụ, cũng đủ thấy cụ đã phải khổ não nhiều lắm ; vì

sau khi đó, cụ Phan có làm biểu-chương gửi về tâu cho vua rõ sự-tình, tỏ vẻ tự-trách mình không xứng-dáng đương nổi trách-nhiệm nặng-nề.

Vua Tự-đức quở hai vị Chánh và Phó-sứ, xuống lệnh sai Phan-thanh Giản làm tổng-dốc Vĩnh-long, Lâm duy Hiệp làm tuần-phủ Khánh-thuận với mục-dịch : phải thương thuyết lại với người Pháp.

Người đại-diện cho Chính-phủ Pháp nhất định không thay-đổi gì trong bản hòa-uớc đã ký, cứ thế mà thi-hành. Bấy giờ nước Y-pha-nho cũng nhượng quyền lấy đất làm thuộc-địa cho Pháp, chỉ nhận tiền binh-phí và quyền được cho giáo-sĩ giảng đạo mà thôi. Người Pháp được trọn quyền định đoạt. Chiếu theo bản hòa-uớc, Thiếu-tướng Bonard buộc Phan-thanh Giản phải ra lệnh cho các độ-binh nghĩa-dõng còn cố thủ kháng-chiến phải về hàng. Nhất là đám nghĩa-quân do Trương công Định chỉ-huy. Từ khi người Pháp nhận thấy cái yết-thị có đóng dấu ấn « Bình Tây đại nguyên-soái » bằng đồng mà chỉ ở triều-dinh Huế làm mới có mà thôi, Thiếu-tướng Bonard thêm buộc gắt cụ Phan phải chịu trách-nhiệm, và tỏ lời trách-móc với cụ về sự Nam-triều ngầm xui Quân Định như thế.

Cụ Phan trả lời rằng :

— Quân Định tự lòng suy-nghĩ thế nào đó mà sinh giặc, chứ triều-dinh không hề can-dự gì cả. Chính Quân Định có viết cho tôi một bức thư như vậy : « Dân ba tỉnh cứ tôi làm đầu để đánh khôi-phục lại đất nước. Tôi buộc lòng phải làm theo ý họ muốn. Nếu các quan muốn bảo-tồn cái tình-thể như ngày nay thì tôi sẽ nghịch chỉ của Nam-triều và tôi sẽ đánh tới hoai, không kể chi cả, chừng đó các quan chứ lấy làm lạ... » Như thế rõ ra Quân Định quyết ý làm giặc, và mạo nhận dấu của nhà vua, vậy xin Thiếu-tướng bắt ông ta mà giết đi.

Theo ý người Pháp thì cái thư của Trương công Định viết cho cụ Phan là do ở Huế khiến Quân Định viết như thế để

PHAN THANH GIẢN

phá mối hoài-nghi của người Pháp đi, và nếu chẳng may Quân Định có thất thủ đi nữa, người Pháp không lấy đó làm oán-thù Nam-triều. Bề ngoài thì thế, chứ chắc bề trong thì các quan Nam-triều vẫn trợ-cấp cho Quân Định luôn luôn.

Thế là cuộc đàm-phán của cụ Phan lại thất bại. Cụ ứa lụy, dâng sớ về tâu với vua Tự-đức.

Lần này chẳng những cụ Phan bị bề trên quở, lại bị cách chức luôn. Trong khi ấy, Trương công Định vẫn kháng-chiến. Người Pháp vẫn đánh phá.

Đến tháng hai năm qui-hợi (1863) là năm Tự-đức thứ 16, Thiếu-tướng Bonard và Đại-tá Palanca vào Huế triều-yết nhà vua đề công-nhận sự giảng hòa của ba nước theo như bản hòa-ước ký kết. Đoạn, Thiếu-tướng Bonard về Pháp. Hải-quân Thiếu-tướng De Lagrandière sang thay. Vua Tự-đức lại quyết định phải thương thuyết lại.

VII

SỨ-BỘ VIỆT-NAM SANG PHÁP

Cực-chẳng-dã phải nhượng ba tỉnh miền đông Nam-Việt, nhưng triều-đình vẫn tìm phương... cho châu về hợp phố.

Tháng 2 năm qui-hợi (1863) là năm Tự-đức thứ 16, Thiếu-tướng Bonard về Pháp. Hải-quản Thiếu-tướng De Lagrandière sang thay.

Đã không thể điều-đình ở bên nước nhà, vua Tự-đức bèn nghĩ tới việc phải sang nước Pháp để yết-kiến vua Pháp mà thương thuyết mới mong có kết-quả.

Nghĩ vậy, vua Tự-đức xuống dụ cho Thiếu-tướng De Lagrandière biết ý-định sẽ phải sứ-bộ sang Pháp, nhưng vẫn dối rằng : đi đáp lễ Pháp-hoàng Nả-phá-luân đệ-tam. Nói rằng đi đáp lễ, không phải là không duyên-cớ, vì chính năm trước (1862) Bonard và Palanca đã ra Huế chúc mừng, cho nên nhà vua mới dựa vào đó mà mưu việc đưa sứ-bộ sang Pháp.

Thiếu-tướng De Lagradière chấp thuận đề-nghị, phái chiếc tàu Echo chực đón sứ-bộ Việt-nam.

Trong giai-đoạn khó-khăn, Phan-thauh Giản lại được nhà vua ủy-thác cho trọng trách, sung chức Toàn-quyền Chánh-sứ, cùng đi với hai ông Phó-sứ là quan Tả-tham-tri Lại-bộ Phạm phú Thứ và quan Án-sát-sứ tỉnh Quảng-nam là Ngụy khắc Đản, với 53 người tùy-viện. Còn việc giao-

thiếp ở trong Nam-kỳ thì giao lại cho Trương văn Uyên làm Tổng-dốc tỉnh Vĩnh-long.

Sứ chép rằng khi vua Tự-đức quyết định phái sứ-bộ sang Pháp điều-dinh, nhà vua có hỏi cụ Phan-thanh Giản :

— Nếu như khanh vẫn bị bắt-buộc phải nhượng ba tỉnh, khanh sẽ xử trí làm sao ?

Cụ Phan đáp :

Tâu Hoàng-thượng, thần sẽ cân-lường từng sự lợi-hại. Chừng ấy, nếu như cuộc thương thuyết thất bại, thần sẽ liệu, đòi được quyền-lợi nào thì đòi. Kết-quả của cuộc thương thuyết tại Pháp-quốc tùy theo ý-dịnh của chính-phủ Pháp. Thần không dám hứa trước, miễn là cố sức làm tròn sứ-mạng của Hoàng-thượng trao phó cho thần.

Vua Tự-đức roi lụy :

— Đất Nam-kỳ của Tiên-đế để lại. Trẫm kỳ-vọng nơi khanh đi sứ lần này có kết-quả. Khanh làm sao đừng hổ mặt với lịch-sử là đủ.

Vua Tự-đức bèn ban ngự-tửu và căn-dẫn sứ-bộ :

— Chư khanh tìm đủ cách vào triều-kiến Pháp-hoàng cho được, mà trao tận tay bức thư ngoại-giao, chớ đừng mượn một tay nào khác. Chư khanh đừng quên rằng mình là sứ-bộ thay mặt cho một nước muốn thương thuyết một cách xứng-dáng, không như những lần trước đi sứ bên Trung-quốc, chư khanh phải giữ tư-cách xứng-dáng của bậc người phương-diện quốc-gia. Nếu phải vào triều-kiến Nã-phá-luân đệ-tam thì chư khanh nên cúi đầu là đủ rồi, chớ đừng lạy.

Tình-thế nghiêm-trọng quá. Sứ-bộ ai nấy chẳng khỏi lo ra. Nhất là cụ Phan đã phải chép miệng phơ-bày tâm-trạng :

*Chút nghĩa vương mang phải găng đi,
Tang-bồng dành rõ chí nam-nhi.
Thuyền ngó phơ-phới giăng hòn bạc,*

*Khói đá phăng-phăng lướt tích-tì.
La Hán giang tay chờ khách đến,
Tướng-quân ghé mắt hẹn ngày về.
Phen này miễn đặng hòa hai nước,
Nỗi từ xin đừng bận-bịu chi.*

Mấy vần lâm-ly tinh-tứ ấy, chứng-lở lòng người ngấm nó đã từng cay-đắng ngon mùi, lao tâm khổ chí mà vẫn quên mình.

Trong khi ấy, trong cơ-quan hành-chính của người Pháp ở Nam-Việt cũng có một người Việt giàu tinh-cảm như cụ Phan, nhưng đi khác ngã đường, có lẽ cũng cảm lắm vì tâm-sự cụ Phan man-mác, nên cũng lên cung đàn bầm phím mà hòa điệu trầm-hùng ngổ chí mình :

*Múa gươm quăng chén cất mình đi,
Bịn-rịn dàu màng thói nữ-nhi.
Mây khói một màu thuyền thoát-thoát
Biển trời muôn dặm núi ti-tì.
Phương xa xe ngựa lừa khi đến
Nước cũ non sông ngấm lúc về.
Tên cỏ cung dàu là chi trẻ,
Danh mà chi đó lợi mà chi.*

Người họa bài thơ của cụ Phan, chính là Tôn-thọ Tường tục gọi là ông Phủ Ba Tường vậy (1).

Về cuộc hành-trình, trước hết sứ-bộ xuống tàu Echo vào Gia-định. Ngày 4 tháng bảy 1863, sứ-bộ từ Gia-định xuống tàu Européen sang Pháp, có trung-úy Reunier đi hộ-vệ. Tàu Echo tới Alexandrie lại sang qua chiếc Labrador.

Hai tháng bảy ngày sứ-bộ mới tới đất Pháp. Ngày 10 tháng chín 1863, sứ-bộ đến quân-cảng Toulon.

Sứ chệp, thời bấy giờ, hải-quân Pháp chào sứ-bộ Việt-nam bằng 17 phát thần-công. Các chiến-thuyền đậu tại hải-cảng Toulon đều có treo cờ Việt-nam.

(1) Xin xem *Tôn-thọ Tường* — Tản Việt xuất-bản.

Chính-phủ Pháp phái Đại-tá Aubaret là người ở bộ ngoại-giao, thông thạo tiếng Việt, đứng ra làm thông-ngôn khi nhà cầm quyền Pháp xuống tàu tiếp-rước sứ-bộ.

Chiều hôm 10 tháng chín 1863, tàu Labrador lại đưa sứ-bộ tới Marseille. Chính-phủ Pháp tổ-chức một cuộc tiếp-rước chính-thức.

Ông Mure de Pelaune, đại-diện cho Tổng-trưởng bộ ngoại-giao, tiếp-rước sứ-bộ đúng nghi-lễ, rồi mời hết phái-đoàn lên một biệt-thự đã có mặt nhiều viên-chức văn-võ Pháp chực đón.

Sứ-bộ tạm - nghỉ ở Marseille. Ngày 11 tháng chín 1863, sứ-bộ lên Paris.

Tới kinh-dô Pháp, sứ-bộ được tiếp rước long-trọng. Ông Feuillet de Conches, đại-diện của Hoàng-đế Nã-phá-luân đệ-tam đến chào mừng sứ-bộ, rồi đưa luôn sứ-bộ về ở một biệt-thự đường Lord Byron.

Ông Aubaret đứng ra thông-ngôn những lời của ông Feuillet de Conches cho sứ-bộ hay rằng: Hoàng-đế Nã-phá-luân còn ở Biarritz, tháng sau mới về Paris.

Sứ-bộ đành nấn-ná ở lại chờ Pháp-hoàng về. Trong thời-gian chờ-đợi, bộ ngoại-giao Pháp lại mở cuộc đàm-phán với sứ-bộ Việt-nam, do ông Tổng-trưởng bộ ngoại-giao là Achille Fould chủ-tọa.

Cuộc đàm-phán « không chính-thức » ấy chẳng rõ như thế nào, mà sau đó báo-giới ở Paris có đăng tin:

« Vua Đại-nam bằng lòng mua lại ba tỉnh miền đông « Nam-kỳ với một số bạc 85 triệu và bằng lòng nhượng « luôn thành Sài-gòn cho Pháp.

Tờ báo Bỉ là « Indépendance Belge » viết thêm: Sứ-« thiện Phan-thanh Giản đã hội-kiến với ông Achille Fould « và đã ưng-thuận như thế rồi, chỉ còn chờ Hoàng-đế Nã-phá-luân hồi loan sẽ quyết-định ».

Thế là nghĩa gì! Lãnh sứ mạng sang Pháp thương

thuyết trực-tiếp với Pháp-hoàng, Phan-thanh Giản lễ dẫu không thận trọng. Những tin-tức do báo-chí đưa ra ấy, chẳng qua là một lối « họa bùa » để trấn-áp dư-luận bấy giờ đang xôn-xao vì nghe có sứ-bộ ta sang đó thôi.

Hơn nửa tháng, Pháp-hoàng vẫn chưa về. Đến ngày 7-10-1863 là ngày thứ 25 sứ-bộ ở kinh-đô Pháp, nhằm ngày lễ Vạn-thọ vua Tự-đức, sứ-bộ ta tổ-chức cuộc khánh-chúc, có mời các nhà tai mắt Pháp đến dự. Người Pháp vui-vẻ góp mặt trong cuộc lễ Vạn-thọ huy-hoàng. Bộ ngoại-giao họp với bộ Lễ cùng lo việc trang-hoàng cho cuộc lễ tăng phần long-trọng. Hành lễ xong, cụ Phan-thanh Giản thay mặt sứ-bộ đứng ra tỏ lời cảm ơn và trao 50 lượng bạc cho người đại-diện Pháp gọi là đề chi-phi. Nhưng Đại-tá Aubaret đứng lên thay mặt cho người Pháp mà bảo rằng. « Tôi xin quý Ngài hãy cứ để cho vị quan bộ Lễ nước Pháp lo-lắng. Đó chỉ rằng chúng tôi cùng chung hưởng trong niềm hoan-hỉ và một lòng kính-trọng Hoàng-đế nước Nam như các Ngài. Xin các ngài chờ do dự ».

Ngày thứ 39 ở kinh-đô Pháp (21-10-1863), sứ-bộ được Thượng-thư bộ Ngoại-giao mời đến dự một tiệc đông đủ sứ-thần các nước : Brésil, Vénézuala; Mexique, Turquie, Russie, Australie, Hollande v. v. . .

Đến ngày thứ 54 ở kinh-đô Pháp (5-11-1863), sứ-bộ mới được vào triều-kiến Pháp-hoàng.

Bộ Ngoại-giao Pháp sắp-dặt việc rước sứ-bộ Việt-nam tại điện Tuileries rất long-trọng.

Hoàng-đế Nả-phá-luân đệ-tam cho 4 chiếc xe đến rước. Sứ-lộ mặc triều-phục trang-nghiêm. Cụ Phan-thanh Giản lên chiếc xe đầu với quan Tham-tri bộ Lễ nước Pháp. Hai vị Phó-sứ Phạm phú Thứ và Ngụy khắc Đản thì đi xe hơi thứ nhì với Đại-tá Aubaret. Chiếc xe thứ ba rước những vị Nguyễn văn Chất, Ngô văn Huân, Hồ văn Lang. Và bốn vị Nguyễn hữu Thân, Nguyễn hữu Cặp, Hoàng Kỷ

và Từ Huệ ngồi chiếc thứ tư. Mỗi xe đều có võ-quan theo hầu.

Sứ-bộ vào triều-yết Pháp-hoàng, chấp tay ngang trán, ba lần cúi đầu chào. Hoàng-đế và Hoàng-hậu Pháp cúi đầu đáp lễ.

Cụ Phan dâng bức thư ngoại-giao. Pháp-hoàng đứng dậy, bước xuống một bậc tam cấp, thân tiếp lấy bức thư.

Cuộc đàm-phán mở đầu. Một bên thông-thiết kêu gọi công-lý. Một bên luôn luôn trầm-ngâm nghe mà ít nói, dường chiêm-nghiệm mấy lời của sứ-thần Việt-nam xem có đúng cùng chăng.

Và đây, lời nói lịch-sử của Hoàng-đế Pháp :

« La France est bienveillante pour toutes les nations
« et protectrice des faibles ; mais ceux qui l'entravent dans
« sa marche, ont à craindre sa sévérité.

« Nước Pháp từ-ái với tất cả dân-tộc và sẵn-sàng bảo-
« vệ những kẻ yếu. Nhưng những kẻ nào cản đường tiến-
« thủ của nước Pháp thì sẽ được biết sự nghiêm-khắc của
« nó.

Câu nói lịch-sử này được Đại-tá Aubaret làm thông-ngôn dịch ra tiếng Việt cho sứ-bộ nghe. Nhưng đến câu sau : « ... ont à craindre sa sévérité » ông Aubaret thông-ngôn lại là : « ... phải có sợ... » khiến sứ-bộ hiểu lầm mà có hơi chán-nản.

Tuy-nhiên cụ Phan vẫn chưa thất vọng, còn hy-vọng ở cuộc đàm-phán lại với ông Tổng-trưởng bộ Ngoại-giao Achille Fould.

Sứ-bộ lui ra. Ông Achille Fould liền cho ông Aubaret theo chân cụ Phan để mời cụ và đoàn tùy-tùng đến bộ Ngoại-giao, nói rằng có chuyện quan-trọng cần bàn.

Cụ Phan nhận lời, sang ngay dinh Tổng-trưởng bộ Ngoại-giao. Ông Achille Fould an-ủi và xin cụ Phan thành

PHAN THANH GIẢN

thật tỏ-bày nguyện-vọng để rồi ông sẽ đạo-dạt lên Pháp-hoàng mà xin cho.

Mọi việc vẫn còn nằm trong vòng thương thuyết. Đến ngày 12-11-1863, chợt có báo Moniteur Universel công-bố :

« Hiệp - ước 5-6-1862 sẽ phải sửa - đổi lại, nhất là « khoản thứ ba của Hiệp-ước ấy ».

Nhưng thời-gian qua. Việc đâu còn đó. Nhìn vào thực-thể thì dân nước còn phải bi-quan, mà căn-cứ vào những lời hứa-hẹn, sứ-bộ hãy còn hy-vọng...

Và thời-gian lưu trú tại Pháp cũng đã khá dài ; sao thì sao, sứ-bộ phải xuống tàu Japon về bãi - mạng triều-đình.

Trên đường về sứ-bộ còn ghé Tây-ban-nha để chào hoàng-hậu Isabelle.

VIII
**CỤ PHAN LẠI THƯƠNG THUYẾT
VỚI AUBARET**

Sứ-bộ Phan-thanh Giản về tới Sài-gòn ngày 24-3-1864, thẳng đường ra Huế để phúc trình cho vua Tự-đức biết rõ kết-quả thế nào. Thần dân ai nấy cũng đều hy-vọng : Điều khoản thứ 3 trong bản hiệp-ước « bất-bình-dẳng » ngày 5-6-1862 sẽ được hủy-bỏ. Mà điều thứ ba ấy như thế nào, chúng ta đã biết ở chương trước.

Sứ-bộ tin-tưởng ở sự thành tâm thật ý của chính-phủ Pháp. Triều-dinh thì mong-mỏi đều ấy được thiết thi. Và không quên công-lao của Phan-thanh Giản, vua Tự-đức phong cho cụ làm Hộ bộ Thượng-thư.

Trong năm 1864, chính-phủ Pháp lại sai Aubaret sang làm Toàn-quyền, thay mặt Chính-phủ để giải-quyết vấn-đề Pháp-Việt bang-giao lúc bấy giờ.

Về bên ta, ai đứng ra tiếp-xúc với người đại-diện của Pháp bây giờ ? Thì còn ai nữa ngoài Phan-thanh Giản. Triều-dinh quyết-nghị cử Phan đại-diện Nam-triều. Vua Tự-đức thân ban ngự-tửu và trao Phan một bài thơ khuyến-khích ân-cần :

**Cổ-nhân kiên trọng phụ
Lợi-độn cư tiên tất
Duy dĩ thành khổ phụ
Quý thần tự khả chất**

Bạo hồ do độ hà
Cuồng ngạc diệc tử thất
Thâm phù bỉ khả tri
Hạ hoạn hồ cường phạt
Gia danh nhân sở hiếu
Chí ý nhân sở khuất
Thiền ngôn nhân sở phục
Nghĩa khí nhân sở truật
Thiết thạch chung bất di
Khê hác yên năng dật
An nguy tại thử cử
Khẳng tích kinh luân thuật
Vô ngôn dĩ mặc hội
Niên lai cửu thân mật.

Ông Thượng-tân Thị đã dịch :

*Người xưa gánh nặng vai mang
Có đâu biết trước dọc đường rủi may.
Tin-thành chử lấy lòng ngay,
Quỷ-thần mình khá hỏi ngay được liền.
Lợi sông hùm dữ phải kiên,
Dời nhà sáu đại băng miền lạnh xa.
Hướng chi kia có biết mà
Lo gì việc mạnh trái mà chẳng xong.
Tiếng hay người muốn tự lòng,
Lẽ ngay người phải khuất-tùng chẳng sai.
Nói lạnh người phục theo hoài,
Tấm lòng nghĩa-khi người ai chẳng dè.
Bền như sắt đá trọn bề,
Những là kẹt rãnh lòng khe sao đầy.
An nguy hệ ở lúc này,
Kinh-luân đừng tiếc chước hay làm gì.
Không lời mà dạ hiểu ghi
Lâu nay thân-mật trọn nghì với nhau.*

PHAN THANH GIẢN

Vừa sang Pháp đó, Phan-thanh Giản lại đảm-nhận trọng-trách điều-dinh ngay trên lãnh-thổ nhà.

Lần này, Phan sung-chức Toàn-quyền cùng với Trần tiến Thành và Phan Huy Vịnh mở cuộc thương-nghị với Toàn-quyền Aubaret.

Trước đó...

Toàn-quyền Aubaret đưa bản-thảo tờ hòa-ước, đại-lược nói rằng : Nước Pháp trả lại ba tỉnh Gia-định, Biên-hòa và Định-tường cho nước Nam, chỉ giữ Sài-gòn, Mỹ-tho và Thủ-đầu-một đề đóng quân. Nhưng nước Nam phải để nước Pháp được quyền bảo-hộ cả sáu tỉnh Nam kỳ. Nước Nam lại phải chịu mỗi năm là 2.000.000 tiền thuế.

Cố-nhiên là cụ Phan chẳng dám nhận lời. Xét đề-nghị của Aubaret đưa ra, té ra cuộc đi sứ nước Pháp chẳng là hoài-phí lắm ! Cụ Phan viện lý, xin nước Pháp nói tay.

Sứ-thần hai nước bàn đi bàn lại mãi không xong... một việc giảng-hòa. Trong khi ấy, Thiếu-tướng De Lagrandière đang chỉ-huy quân-đội chiếm đóng trong Nam, lại sai Đại-úy Dougart de Lagrée sang can-thiệp vào nội-bộ nước Cao-miền, kinh-doanh việc bảo-hộ, khiến nước Tiêm-la (ngày nay là Thái-lan) phải rút quân về, nhường quyền bảo-hộ cho nước Pháp.

Nhân thấy thắng-lợi luôn ở Cao-miền khi ấy, có nhiều người Pháp trong quân-đội chiếm-đóng và ở bên Pháp đều có ý không muốn trả lại đất Nam-kỳ. Cho nên cuối năm ấy (giáp-ti : 1864), quan Thượng-thư bộ Hải-quân (kiêm luôn bộ Thuộc-địa) là hầu-tước Chasseloup Laubat dâng sớ tâu với vua Pháp nhất định xin không cho nước Nam chuộc ba tỉnh. Vua Pháp nghe theo lời bèn xuống lệnh truyền cho quân-đội cứ chiếm tờ hòa-ước mùng 5 tháng sáu 1862 (nhâm-tuất) mà thi-hành.

Chưa vừa lòng, Chasseloup Laubat còn muốn biết rõ tình-thế bên Việt-nam hơn, bèn gọi Thiếu-tướng De

PHAN THANH GIẢN

Lagrandière về hội-nghị và sai hải-quân Thiếu-tướng Roze sang thay. Thiếu-tướng De Lagrandiere về Pháp cả đi lẫn về mất 7 tháng, lại trở sang kinh-lý việc Nam-kỳ.

Thiếu-tướng De Lagrandière lại trở qua chưa được bao lâu, và cuộc thương thuyết giữa cụ Phan và Aubaret cũng chưa xong, thì triều-dinh Huế chợt được sớ của Tổng-đốc Vĩnh-long là Trương văn Uyên đệ về triều cáo cấp :

— Tinh-hình ba tỉnh miền tây : An-giang, Vĩnh-long và Hà-tiên nghiêm-trọng !

Phan hồi này đã 70 tuổi. Cụ dâng sớ xin về trí sĩ, vua Tự-dức còn chưa quyết định, kế xảy ra việc biến lớn, vua liền giao trọng-trách cho cụ. Trong khi lên đường trở vào Nam lại, Nguyễn tri Phương có đưa tiễn cụ một bài thơ :

*Ven ngàn góc biển dậm chơi voi,
Vui tẻ phân nhau một bước đời.
Cá lại Long-giang hai ngả nước,
Nhạn về Du-hợp một phương trời.
Nửa hồ cổ cụu trông lai-láng,
Cạn chén tơ lòng gió lộng khơi.
Chẳng kiếp Trương-an mau trở lại,
Thăm người viễn cảnh, hỏi người ôi !*

IX

CỤ PHAN LẠI VÀO NAM

Sớ cáo cấp của tổng-đốc Vĩnh-long Trương văn Uyên làm cho triều-đình xôn xao. Các quan đại-thần được lệnh vua Tự-đức triệu-tập hội-ng nghị, quyết định tìm phương đối-phó với tình-thế.

Làm sao bây giờ ? Trước tình-hình nghiêm-trọng, lại cũng Phan-thanh Giản được triều-thần đề-cử ra gánh lấy việc lớn nước nhà.

Vua Tự-đức không ngần-ngại phong cho Phan chức Kinh-lược-sứ, vào trấn nhậm Vĩnh-long để liệu thế võ yên dân-chúng.

Cụ Phan cũng không ngần-ngại, bái mạng lên đường vào Nam, nhằm tháng chạp năm ất-sửu (1-1866). Cụ ghé qua Sài-gòn ngày 5 tháng ấy (nhằm 21-1-1866), và lúc 7 giờ tối cụ đến viếng quan Thống-đốc Nam-kỳ De Lagrandière, dâng lời khánh chúc của vua Tự-đức. Cụ không lưu lại Sài-gòn lâu ; qua hôm sau, cùng với đám quân hộ-vệ, cụ xuống thuyền đi Vĩnh-long.

Nhân việc ấy, báo « Courrier de Saigon » là tờ báo thứ nhất ở Nam-kỳ, có lời bình-phẩm :

« ... Chúng ta nên ước-ao rằng việc có mặt ở ba tỉnh « phía tây một người bình-tĩnh, hòa-hoãn và đã ứ-chế « được các khát vọng tầm-thường như ngài, sẽ kim-giữ « đặng, trong giới-hạn của sự khôn-ngoa, những tên « phiêu-lưu mạo hiểm chỉ xui-giục các việc phiền-loạn và

« luôn luôn sẵn-sàng, sau mùa gặt hái, ra mặt ở các thôn-
« quê đã thuộc Pháp... ». (1)

Nhưng tình-thế vẫn càng ngày càng căng-thẳng. Không điều-định được điều gì, Phan-thanh Giản khổ tâm dâng sớ về triều bày-tỏ tình-hình và cúi xin trả áo-mão lại vì tự trách mình bất lực không kham nổi việc lớn.

Phan thấy khó, nên toan tránh gánh nặng hay chẳng ? Hỡi ôi ! Nỗi khổ tâm của Phan muốn đời khôn giải. Nếu chúng ta ngày nay đọc lại bài thơ than dài của Phan làm khi đi sứ nước Pháp về, chúng ta sẽ phải thương-cảm cho người thế ấy mà mạng phải lâm cảnh nghịch thường :

*Từ ngày đi sứ tới tây-kinh,
Thấy việc Âu-châu phải giạt mình.
Kêu lĩnh đồng-bang mau kịp bước,
Hết lời năn-nủ chẳng ai tin !*

Không ai tin Phan về điều gì ? Thi đây lời của sứ-bộ tâu trình với triều-đình về việc quan-sát tình-hình Âu-châu :

**Bá ban xảo diệu tề thiên-địa
Duy hữu tử sinh tạo-hóa quuyến.**

Nghĩa :

*Trăm món khéo tay tay thợ Tạo
Duy còn sống, chết, chịu thua trời.*

Thi ra sứ-bộ khi về nước đã có xin triều-đình nên gấp canh-tán cải-cách. Nhưng lời xin bị coi là việc : khéo tâng người mà hạ mình !

Nay tình-thế khó-khăn, Phan dâng sớ xin cáo quan, lòng ấy ai lượng nổi vì đâu. Và lẽ cố-nhiên là vua Tự-đức không bằng lòng. Đã chẳng cho Phan trí sĩ, nhà vua còn quả-trách nặng-nề :

— Khanh chưa thực-hành được một việc gì gọi là đúng với kiến-thức của khanh, sao khanh vội từ chức !

(1) Khuông Việt phiên dịch (« Courrier de Saigon » 5-2-1886)
« Tri Tân » số 15, 19-9-1941.

PHAN THANH GIẢN

Lời trên tuy quở nhưng trong vẫn hàm-ngụ nhiều tin-cần và chan-đượm về não-nòng. Cảm ơn tri ngộ, Phan từ đây đành cần rằng cố hết sức mình để trải mọi nỗi gian-nan cay-đắng.

Chinh-tích của Phan như thế nào, ngày nay chúng ta hãy đọc lại một bài báo đăng trên tờ « Courrier de Saigon » ngày 5-2-1866 :

« ... Le voyage de Phan-thanh Giản qui se rendait à Vinh-long est passé presque inaperçu.

Autrefois, l'attention publique aurait commenté avec empressement toutes ces nouvelles, mais aujourd'hui elle rencontre des aliments d'un intérêt plus immédiat.

Ceux qui ont connu autrefois Phan-thanh Giản devenu aujourd'hui, dit-on, le Ministre le plus influent de la Cour de Hué, ont retrouvé, avec une satisfaction réelle, cet homme distingué, toujours aussi remarquable aussi intelligent que lors de ses premières relations avec les Européens. Quatre années se sont écoulées depuis, et ce vieillard qui était déjà plus que septuagénaire, est toujours vigoureux d'esprit et de corps. Les nombreux voyages, les fatigues de toutes espèces qu'il a affrontées pour son pays, le poids des travaux administratifs dont il a été chargé à son retour dans la capitale, n'ont point altéré cette vigoureuse constitution, tant au physique qu'au moral.

Ce vieux mandarin, doux, instruit et tolérant, que rien n'étonne et qui cherche à s'instruire encore dans un âge avancé, reproduisant ainsi, sans le savoir, le grand exemple donné par le philosophe de la Rome païenne, est bien le type de l'homme supérieur de tous les pays, sachant s'élever, par son travail et sa volonté, au-dessus de sa race et de ses contemporains.

Aussi a-t-il conquis la sympathie de tous ceux qui ont pu le connaître ; les personnes qui ont su l'apprécier, ont

du compartir du fond du coeur à cette lutte sourde et ardente, à ce drame de tous les jours, que l'on entrevoit derrière sa grande et honorable existence.

Quel travail, que d'efforts et de persévérance il a fallu à ce génie incompris qui a devancé les idées de ses compatriotes pour contenir leurs haines, et combattre leurs préjugés pour retenir sa nation sur le bord de l'abîme.

Peut-être réussira-t-il à initier lentement ce peuple aux lois du progrès et de la civilisation. Peut-être succombera-t-il à sa tâche.

Mais quel que puisse être le résultat de son entreprise, on peut le regarder non seulement comme un négociateur habile qui a su ménager adroitement les intérêts de l'empire Annamite vis-à-vis de la France, mais encore comme un homme qui veut le bien et qui a travaillé généreusement, sans arrière-pensée, à une oeuvre de régénération et de salut. Ce sera son plus beau titre à la reconnaissance publique...

Dưới đây bản dịch của nhân-viên bộ biên-tập « *Nam-kỳ tuần báo* » :

« ... Cụ Phan-thanh Giản xuống Vĩnh-long phó-nhậm, « cụ đã đi qua mà không ai chú-ý lắm. Hồi trước, dư-luận « có lẽ xôn xao bình-luận những tin-tức như vậy. Hôm « nay người ta lặng-lẽ là vì sẵn có thức ăn cần-thiết hơn.

« Những người trước kia đã biết cụ Phan-thanh Giản, « hiện nay, theo lời người ta nói, là một vị Thượng- « thư có thân-thể lớn nhất tại triều Huế, những người ấy « lấy làm hài lòng mà được gặp lại cụ là một nhân vật « thanh-nhã, bao giờ cũng dúng-dắn, cũng thông-minh, « như lúc mới bắt đầu giao-thiệp với người Âu-châu. Từ ấy « đến nay đã 4 năm rồi, mà cụ già này đã quá bảy-mươi « nhưng vẫn còn tráng-khiến, tinh-thần cũng như thân-thể.

« Đã phải xuất dương mấy độ, đã phải chịu mệt-nhọc

« đủ thứ mà đền nợ nước, đã phải gánh-vác công-vụ nặng-
« nề khi trở về Kinh, nhưng mà sức tráng-khiên này không
« bao giờ suy-giảm, về phương-diện hình-thức cũng như
« phương-diện tinh-thần.

« Vị lão đại-thần này hiền-lương, bác-học, khoan-hòa,
« không ngạc-nhiên về sự gì hết, lại tuổi cao mà vẫn kiếm
« học thêm hoài, đó là một tấm gương của đạo quân-tử,
« ngoài tôn-giáo của thành Rome, đó là một kiểu-mẫu
« trong đám thượng-lưu nhân-vật của các nước, chỉ nhờ
« công-phu, nhờ tâm-chí mà vượt lên cao hơn cả tộc-loại
« mình, cao hơn bạn đồng thời của mình.

« Vì vậy mà cụ được lòng yêu-mến của mọi người đã
« được biết cụ ; những ai thấu-hiểu tâm-chí cụ thì cũng đều
« cảm-dộng đến thâm tâm về sự cạnh-tranh ăn-ám mà
« kịch-liệt, về cái thắm-kịch diễn hằng ngày mà người ta
« dòm thấy nơi bề trái của đời vĩ-dại và vinh-diệu của cụ.

« Đấng tài-ba mà thiên-hạ không hiền thấu nổi lòng
« này, và đã có chí tân-tiến trước các bạn đồng bang, buộc
« phải xông-pha biết bao lao-khổ, biết bao cố-gắng, biết
« bao kiên-nhân để giải nổi thù-hiểm cho họ, để đánh-đổ
« thành-kiến của họ và để nâng-đỡ quốc-gia đang nằm
« che-leo trên miệng hố. Có lẽ cụ sẽ thành công trong sự
« dắt lãn dân-tộc này vào lối tiến-hóa văn-minh, mà cũng
« có lẽ cụ sẽ thất bại trong nhiệm-vụ của cụ.

« Mà dù sở hành của cụ được kết-quả thế nào đi nữa,
« người ta cũng phải xem cụ chẳng những là một nhà
« ngoại giao đại tài, biết hầu-chữa một cách khéo-khôn các
« quyền-lợi của đế-quốc Việt-nam đối với nước Pháp, mà
« lại là một người muốn làm việc phải, đã thành thật tận
« tâm lo cho công-cuộc phục-hưng và giải-phóng. Công-cán
« tốt đẹp này, đáng cho cả thấy mọi người đều cảm án.

Xem bài trên đây có thể nhận rằng người viết là tri-
kỷ của Phan-thanh Giản, đã lột trần tâm-trạng vị lão
thần... khôn-khờ.

PHAN THANH GIẢN

Và đây, lịch-sử chứng minh, đừng ai trách sao Phan-thanh Giản không làm tròn được sứ-mạng, vì trong khi Phan cố-gắng đi đến sự hòa giải hai dân-tộc, thì Thiếu-tướng De Lagrandière vẫn âm-thầm truyền bản nghị-dịnh trong quân-đội :

« Phó Đò-đốc, Toàn-quyền, Tổng-tư-lệnh :

« Xét vì phải lập tức hoàn-bị việc cai-trị toàn lãnh-« thổ đặt dưới sự bảo-hộ của nhà cầm-quyền Pháp ;

« Quyết định :

1.) Ba tỉnh Vĩnh-long Châu-đốc và Hà-tiên sẽ theo « luật-lệ hiện-hành ở thuộc-địa.

2.) Các viên tham-biện lãnh phân-sự trong những địa-« hạt kể sau đây sẽ chiếu theo điều khoản của những nghị-« định 12-9-1863, 29-6, 7-9 và 19-12-1864 và 14-10-1865, mà « xử trí với dân bản xứ.

3.)

4.)

5.) Các viên tham-biện ba tỉnh miền tây cùng những « viên-chức dưới quyền họ sẽ phân cử như sau :

Tỉnh Vĩnh-long :

1.) Phủ Định-viễn (huyện Vĩnh-bình và Vĩnh-trị) lý « sở tại Vĩnh-long : ô. ô. Bourchet và Eymard-Rapine, với « 1 thư-ký, 3 kinh-lịch (lettrés), 2 thông-ngôn, 125 lính.

2.)

3.)

Tỉnh Châu-đốc :

4.)

5.)

6.)

Tỉnh Hà-tiên :

7.)

8.) Huyện Long-xuyên, lý sở tại Cà-mau : ông

PHAN THANH GIẢN

« Lemonnier de la Croix, với 1 thư ký, 2 kinh-lịch, 100 lính.

Saigon, ngày 15 tháng sáu 1867
Phó Đô-đốc, Toàn-quyền, Tổng-tư-lịnh

Ký tên :

DE LAGRANDIÈRE

(*Theo tài-liệu và bản dịch của ông Lê thọ Xuân và
Thúy Lãnh*)

À, thì ra người ta đã sắp-đặt nhiều chuyện đáng nghi.
Mưu-tính gì đây? Phan-thanh Giản có biết?

X

NAM-KỲ THUỘC PHÁP

De Lagrandière ra ám-lệnh điều-dộng quân-dội. Vâng lệnh ai thế?

Sử chép :

Từ năm đinh-mão (1867) hải-quân Trung-tướng Rigault de Genouilly lên làm Thượng-thư hải-quân bộ.

Thôi, phải rồi. Cụ Thượng bộ hải-quân hẳn có những tay vào việc xâm-lãng. Vì ai còn lạ gì tên tuổi Rigault de Genouilly ngay trong buổi đầu Pháp Việt động binh.

Một mặt sắp-đặt, một mặt De Lagrandière vẫn thản-nhiên mở cuộc thương-dàm với Phan-thanh Giản.

Nào ai lượng được lòng người. Đến nước này mà Phan-thanh Giản vẫn còn tin-tưởng. Có ngờ đâu...

Trung tuần tháng 6, quân-dội Pháp đã chuẩn-bị sẵn-sàng. Ngày 18-6 người ta đã triệu-tập 1.000 lính san-đa và 400 lính tập tại Mỹ-tho. Ngày 19, De Lagrandière ngồi tàu Ondine đến tỉnh Định-tường để diêm-duyet, rồi hồi nửa đêm, tàu từ Định-tường nhổ neo, và sáng hôm sau dân sự Vĩnh-long lo-lắng nhìn thấy quân-dội Pháp đến Vĩnh-long.

Thiếu-tướng De Lagrandière sai người đưa « tối-hậu-thư » cho Phan-thanh Giản. Phan than dãi với các quan :

— Đem sức đọ nhau, mình kém người xa lắm. Tôi nay đã 71 tuổi rồi, nếu đem thân ra chốn chiến-trường cầu lấy cái chết rạng danh thì có gì hay bằng. Song các quan thử nghĩ : Tôi có cái nghĩa-vụ giữ đất chẵn dân, nay

trên đối với vua nếu đành không giữ được thì chết là đáng phạt, dưới đối với dân còn nở nào bắt chúng chịu làm-than dễ nhẹ tội mình.

Cao lòng trách-nhiệm, Phan lại đứng ra xin cho điều-đinh. De Lagrandière bằng lòng, mời xuống tàu. Phan cùng với Ân-sát Vĩnh-long là Võ đoàn Thanh xuống tàu hội đàm.

De Lagrandière đưa điều-kiện buộc nhường luôn ba tỉnh miền tây. Phan tê-tái gớm-ghê cho lòng người, thốt lời đau-dớn :

— Tôi có quyền giữ đất, chớ không có quyền giao đất. Xin cho tôi hỏi lại ý-kiến triều-đình.

Và đây sự đã xảy ra, chép theo lời khai của Lãnh-đốc (1) Trương văn Uyển, Vĩnh-long Ân-sát Võ đoàn Thanh và Lãnh-binh Huỳnh Chiêu (người đứng trên vọng lâu Vĩnh-long mục-kích cuộc nhập thành của quân-đội Pháp) khai với triều-đình sau khi đã đề Vĩnh-long thất thủ :

« . . . vào lúc tảo thìn tàu chiến Pháp đã đậu dài trước « thành. Một viên quan ba và Cố-đạo quen gọi Cụ « Trương (tức Legrand de la Liraye) vào thành trao tối-« hậu-thư. Sau khi bàn-bạc, Phan-thanh Giản và Võ-« đoàn Thanh xuống tàu hội đàm. De Lagrandière bằng « lòng chờ cho Phan-thanh Giản hỏi lại ý-kiến triều-đình. « Nhưng lúc Phan-thanh Giản vừa lên bờ, trước sau có « binh-sĩ Pháp kèm giữ, thì . . . cũng là lúc quân-đội Pháp « bốn mặt ào vào thành. . .

Vĩnh-long thất thủ trong một buổi sáng ngày 20 6-1867, Tự-dức năm thứ 20.

Rồi đến Châu-đốc thất thủ nửa đêm 21 rạng 22, Hà-tiên chín giờ sớm mai ngày 24.

Năm ngày mất ba tỉnh. Nam-kỳ thuộc Pháp ! Nỗi đau

(1) Hoặc gọi Lãnh-đốc, hoặc gọi Kiềm-trị là viên chỉ-huy cao cấp gồm coi ba tỉnh.

lòng của dân- tộc đã nhờ ngọn bút tài-tinh của nhà sử-học miền Nam nước Việt, ông Lê thọ Xuân phân-lách :

24 . . .

« 24 tháng 6 . . .

« 24 tháng 6 năm 1867 !

« Ngày hôm ấy ! . . .

« Tang-tảng-sáng hôm ấy, lớp sương mù còn nặng-nề
« bao-trùm vũ-trụ, trên mặt hồ đồng thoạt hiện ra một con
« mãnh xà đen vừa dài vừa lớn. Hàm-hàm hừ-hừ, đương
« phóng mình về(tỉnh Hà-tiên, mãnh xà bỗng hét lên một
« tiếng long trời lở đất, đồng thời, hơi độc tua-túa bay lên
« che kín nước hồ lẫn dãy Tô-châu. . .

« Dưới tầng khói mây, rần to đã tới. Tán đốm kinh
« tâm, nhân-dân nhìn nhau hồi-hộp.

« Cửa nẻo đóng kín-mít. Không dám thở mạnh.

« Một tiếng hét thứ hai... Đại, Tiểu, lưỡng Tô-châu đưa
« tiếng dội ghè xương, mọi người càng rùng mình nhồm
« gáy !..

« Dấu run-rẩy, sợ-sệt, nhưng theo kẹt vách, lỗ hở, con
« mắt tò-mò dòm ra.

« Thi chẳng phải Mãng-xà-vương nào, mà là một đoàn
« chiến-thuyền ; đi trước có chiếc Flamberge và một pháo-
« hạm, theo sau hai-mươi chiếc ghe to chở đầy quân-lính.

« Sau mấy tiếng súng thị oai, quan ba Galey nện gót
« sắt trên đất Phương-thành (Hà-tiên cũng gọi là Phương-
« thành hay Trúc-thành).

« Toán hùng binh rần-rộ theo sau chủ soái.

« Người ta chẳng còn nghe một tiếng súng nữa.

« Thỉnh-thoảng, người ta chỉ nghe những tiếng reo
« mừng đắc thắng không nhọc sức của đoàn chiến-sĩ da
« trắng, da đen.

« Và nếu lắng tai cho kỹ, người ta còn nghe rõ những
« tiếng thở dài của dân-chúng da vàng !

« Chín giờ sáng ngày 24-6-1867, cờ Tây đã treo cao ở
« khắp dinh-thự trại đồn thành Trúc.

« Thế là « ba tỉnh lại châu ba » !

« Thế là sáng hôm sau, 25-6-1867, nhằm ngày 24 tháng
« 5 năm dinh-mão, Thủy-sư Đề-đốc De Lagrandière tuyên-
« bố nắm trong tay vận-mạng Nam-kỳ lục-tỉnh, và
« Legrand de la Liraye được lệnh ra Huế... báo tin mừng.

« Hà-tiên thất-thủ !

« Sáu tỉnh Nam-kỳ đã mất trọn, sau khi những « công-
« thần » Trần bá Lộc, Huỳnh công Tấn đã được vinh
« thăng, sau khi những « phản-thần » Lãnh-binh Định,
« Thiên-hộ Dương đã về cõi chết, sau khi những bôn thần
« phải gạt lệ dắt-díu nhau bỏ chốn chôn nhau cắt rún đã
« thuộc Pháp mà đến trú trong đất nước nhà vua như
« Nguyễn Thông, Nguyễn đình Chiểu v. v... Mấy ông sau
« này còn cách để giữ nho-phong sĩ-khí, họ lại bắt cả cụ
« Võ-trường Toàn theo họ bằng nắm xương tàn ! Chủ-trì
« và cao tiết của bọn nhà nho xưa nước ta đủ làm cho ta
« đỡ nhục.

« Hà-tiên thất-thủ !.. Đại-úy Galey sau khi ca khúc
« khải hoàn, giao cho Đại-úy Dauvergne dẫn binh qua
« đóng tại chân núi Tô-châu mà đề-phòng sự bất-trắc, vì
« Quân Lịch (tức là Nguyễn trung Trực) đang còn ẩn
« hiện ở vùng ấy.

« Phải, người ta chờ-đợi đến lúc Nguyễn văn Điền ngó
« Nguyễn trung Trực và nói khi cùng chịu tử hình : « Tôi
« với anh mới thật là sinh tử chi giao ». Người ta đợi tới
« lúc ông Huỳnh mẫn Đạt đọc bài thơ diếu Nguyễn trung
« Trực mà hai câu sau là :

**Anh-hùng cường cảnh phương danh thọ
Tu sát đê đầu vị tử nhân.**

PHAN THANH GIẢN

*Anh-hùng cứng cổ danh còn mãi
Thẹn chết bao nhiêu lũ cúi đầu.*

« Người ta mới yên lòng.

« Hà-tiên thất-thủ !.. Báo ơn vua, đền nợ nước, tỏ
« tấm lòng son, cụ Phan-thanh Giản lựa một cách rất khó
« làm là : thung-dung tự tử...

XI

PHAN-THANH GIẢN VỀ THÂN

Nam-kỳ thuộc Pháp ! Ngày nay được đọc lời của nhà sử-học Lê thọ Xuân, từ cách chấm câu, từ cách dùng chữ, trông như mỗi một câu là một tiếng nức-nở, một giọt máu tim của người cao tâm-chí.

Chẳng những đời sau ngậm-ngùi chuyện cũ, ngay trong thời ấy, biết bao nhiêu tiếng than dài đã hòa trong nước mắt văn-chương.

Cử-nhân Phan văn Trị là người vẫn được Phan-thanh Giản mến lắm, khi ấy cũng đã than :

*Tò-le kèn thổi tiếng năm ba,
Nghe lọt vào tai dạ xót xa.
Uốn khúc sông rồng mù-mịt khói,
Vẳng-ve thành phụng ủ sầu hoa.
Tan nhà cảm nỗi câu ly hận,
Cắt đứt thương thay cuộc giảng hòa.
Gió bụi đòi cơn xiêu ngã cỏ,
Ngậm cười hết nói nỗi oan ta !*

Độc-học tỉnh Vĩnh-long là Nguyễn Thông hiệu Kỳ-xuyên, một tay văn-hào, quan đến Bộ-chính, khi 6 tỉnh Nam-kỳ thuộc Pháp, bèn dời nhà ra Bình-thuận, ra đi chép miệng ngậm bài :

*Bến Nghé gây nên cuộc chiến-trường,
Làng say mấy lúc lại qua thường.
Cùng về xứ cũ người còn khoẻ,
Chạm mãi cơn nguy tỏ muốn cuồng.*

*Châu chợ đồn rằm mỗi lợi lớn,
Bể khơi bao thuở cánh buồm trương.
Chỉ lựa ca khúc người Yên Triệu,
Lửa nóng sôi lòng tóc nhuộm sương.*

(Bản dịch của Huỳnh thúc Kháng)

Kể sao cho xiết.

Toàn lãnh-thổ Nam-kỳ bị chiếm, Phan-thanh Giản bấy giờ sa nước mắt, hết cả tin-tưởng và ngao-ngán cho sự bất-trắc của lòng người.

Phan bèn ra ở trong một cái nhà tranh nhỏ, rồi viết một tờ sớ, lời-lẽ cực kỳ lâm-ly thống-thiết. Xin trích một đoạn ở bản dịch của Lê thọ Xuân :

« Xứ Nam-kỳ chẳng may gặp buổi khó-khăn nhơ-nhớp, « hơi dữ cả dấy, ùn ùn từ ngoài cõi đưa vào, mạnh-mẽ thế « không ngăn được. Kẻ hạ thần tội đáng muôn thác, không « dám sống rắng mà để nhục vua cha. Bệ-hạ là bậc rộng « rõ việc xưa nay, sáu biết lẽ trị loạn, đã năng gần người « hiền trong triều ngoài quận mà cùng lo việc nước, lo « trước toan sau, lại hay thay dây đổi bánh, thời-thế còn « có chỗ khả-vi.

« Kẻ hạ-thần đến lúc chỉ còn thoi-thóp, cứng miệng « nghệt hầu không biết phải tâu điều gì, chỉ có rơi lụy « trông về cung khuyết không xiết ước-mong mà thôi ».

Viết sớ xong, Phan xếp đồ triều-phục và 23 đạo sắc phong cùng với lá sớ, gửi người đem về Kinh.

Phan tính việc gì nữa đây ? Còn tính gì nữa chứ. Sứ-mạng không thi-hành được, tấm lòng trách-nhiệm khiến Phan đau-dớn tê-mê.

Mà không xót xa sao được. Đây đây người Pháp — Đại-tá A. Thomazi — đã thuật chuyện lịch-sử ấy gọi là một... « cuộc đi chơi của quân-đội » :

« ... Đến tháng 6-1867, binh-lính ta đi chơi một bữa,

PHAN THANH GIẢN

« thế là xong hết công-ước chinh-phục toàn xứ Nam-kỳ,
« công-ước khó-nhọc bắt đầu từ năm 1858.

« Các ông giáo-sĩ đi tới trước nhất, rồi kêu linh thủy
« đến, linh thủy kêu linh bộ tiếp ; có người Y-pha-nho trợ
« lực với ta rất là quý-báu mà không cầu lợi gì.

« Đê-dốc Rigault de Genouilly sáng suốt, khéo lựa
« ngay Sài-gòn mà chiếm-thủ, trước hết cho có cơ-sở đê
« tỉnh việc hành-dộng nhất thời, rồi sau thành ra cái trung-
« tâm của một cuộc xây-dựng lâu-dài bền-bĩ. Tới các Đê-
« đốc Charner, Bonard, Lagrandière kế tiếp nhau hoàn
« thành công-nghiệp. Ta có thể nói Đê-dốc Rigault de
« Genouilly phát-minh ra Sài-gòn ; còn Đê-dốc De Lagran-
« dière thì chính là người tạo-lập ra thuộc-địa Nam-kỳ ! »

May mà Phan-thanh Giản không kịp nghe thấy những
lời trên đây trước khi chết. Nhưng có cần gì nghe thấy, trong
thâm tâm cụ đã thừa rõ chán-chường với sự giả-dối của
họ quá rồi. Cụ đã mất lòng tin về sự tốt đẹp của một nền
văn-minh... hào-nháng...

Cụ quyết định đem một cái chết để mong làm sáng lại
cái lòng người đã bị lợi-dục làm mờ tối.

Từ ngày gửi sớ, sắc và đồ triều-phục về triều, Phan
tuyệt thực.

Bấy giờ cụ bà Phan-thanh Giản đã mãn phần (Trần-
thị Hoạch 1797 — 1862), trước sau sinh hạ được 4 trai :

1. — Phan-thanh Quân (chết sớm)
2. — Phan-thanh Hương
3. — Phan-thanh Tông tên chữ là Liêm nên cũng gọi là Phan Liêm
4. — Phan-thanh Tôn tên chữ là Thiên cũng gọi Phan Tôn,

Hương có vợ sinh 1 trai 4 gái ; Tông được 3 trai 1 gái ;
Tôn được 2 trai 2 gái.

Khi thấy Phan tuyệt thực, con-cháu đều khóc. Cụ cười mà bảo :

— Ta nay ra người vô dụng, sống thì không ích-lợi cho quê-hương, thác cũng chẳng thiết-thời cho xã-hội. Chỉ khuyên các người chớ nên dục lợi cầu vinh mà làm điều nhân tâm hại lý. Hãy cố học-hỏi cho bằng người Âu-tây, hãy ráng phù vua vực nước toan lo cho hết sức người, họa may sau này dựng vẻ-vang cho tổ-quốc.

Con-cháu vẫn khóc. Nhưng cụ Phan vẫn nhất định tuyệt thực và vẫn thản-nhiên ngồi đọc sách như thường.

Tinh lại sở đời, hơn bảy-mươi-một năm, bao nhiêu là lo-lắng, ngày nay tự dứt cuộc đời, sản-nghiệp gồm trong một chổi tranh thanh-bạch và ngót mười bộ sách để lại đời :

1. Năm Minh-mạng thứ 7 (1826) đi thi Hội có làm tập DU KINH.
2. Năm Minh-mạng thứ 8 (1827) bạn là Lê bích Ngộ chết, làm bộ « TOÁI CẦM », có đem nhiều thơ của bạn phụ vào.
3. Năm Minh-mạng thứ 13 (1832) đi sứ sang Tàu có làm tập KIM-ĐÀI THI-TẬP.
4. Năm Minh-mạng thứ 18 (1837) soạn sách MINH-MẠNG CHÍNH-YẾU.
5. Năm Tự-dức thứ 6 (1853) coi làm bộ VIỆT-SỬ THÔNG-GIÁM TỔNG-MỤC.
6. Năm Tự-dức thứ 16 (1863) đi sứ Pháp, làm tập « SỬ TRÌNH NHẬT-KÝ », tập này được Tôn-thọ Tường diễn ra quốc-âm đề là « TÂY PHỦ NHẬT-KÝ ». (1)
7. KHẢO CỔ ỨC-THUYẾT.
8. LƯƠNG-KHÊ THI KHẢO.

(1) Xin xem *Tôn-thọ Tường* — Tân Việt xuất-bản.

Nghĩ lại tám thân mấy phen bị giáng, bị cách, bầm dập quá nhiều. Đến lúc tuổi về chiều, nay lại phải mượn đến cái chết để xử cho tròn nghĩa-vụ.

Giữa lúc cụ đau-dớn tè-mè, chính là lúc ở triều đang nghị-luận về tội-trạng của cụ đề mất 3 tỉnh miền tây, rồi đi đến sự buộc tội và tuyên án gắt-gao : tước chức, đực bỏ tên trong bia Tiến-sĩ. (1)

Trong khi ấy, Phan vẫn tuyệt thực mà chưa chết, và đau-dớn ngâm lại bài « TOÁI CẦM » :

**Phá toái dao cầm phụng dĩ hàn
Tử Kỳ bất tại đối thù đàn
Xuân-phong mãn diện giai bằng hữu
Dục mịch tri-âm nan thương nan.**

Nghĩa :

*Tử Kỳ, chết mất, đập đàn thôi !
Non nước còn ai, những ngâm-ngủ !
Bốn mặt gió xuân đều bạn cả
Tri-âm muốn kiếm lại không người !*

Tri-âm vắng-vẻ trên cõi đời đã bị con người làm nhọc đực vì những dục-vọng đê-hèn trùm-lấp, cho nên Phan thêm ngao-ngán than dài để thêm ghê-sợ cho lòng người tráo-chác :

*Trời thời đất lợi lại người hòa,
Hà đê ngồi coi phải nói ra.
Làm trả ân vua đền nợ nước,
Đành cam gánh nặng ruồi đường xa.
Lên ghềnh xuống thác thương con trẻ,
Vượt biển trèo non quản phận già.
Cũng tưởng một lời an bốn cõi,
Nào hay ba tỉnh lại châu ba.*

(1) Đến năm Đồng-khánh nguyên niên 1886, vua cùng triều-thần xét cụ Phan không có tội chi, cho phục y chức Hiệp-biện đại-học-sĩ lãnh-binh bộ thượng-thư, Nam-kỳ Kinh lược chánh-sứ toàn quyền đại-thần, và dựng bia tiến-sĩ của cụ lại.

Tuyệt thực trọn 17 ngày mà không chết, Phan bèn quyết định dùng thuốc độc tự giết cho sớm lia xa cõi đời, mới cho gọi tất cả con-cháu đến mà trời-trần lần cuối :

— Cha không có tài-sản gì để lại cho ba con, chỉ có bao nhiêu sách-vớ quý-báu, ba con nên gìn-giữ và cố học-hành cho rõ phận làm người. Ba con chẳng nên lãnh chức chi của chính-phủ Lang-sa cả. Sau khi cha chết thì đem về Bảo-thạnh, chôn gần bên mộ tiên-nhân.

Con-cháu lại rống khóc. Phan vẫn thản-nhiên. Rồi vào lúc canh ba đêm mồng 4, Phan nâng chén á-phiện mà uống cạn, mắt nhắm ngay mồng 5 tháng 7 năm đinh-mão (1867, Tự-dức thứ 20), sau khi đã đem tàn lực viết đề lại mấy chữ dặn con-cháu phải đề trên tấm minh-sinh và mộ chi.

Hải nhai lão thư-sinh tánh Phan chi cửu.

Và bài thơ chữ Hán « *Bạng duật tương tri ngư-ông đắc lợi* ».

*Vạn vật nguyên-lai lưỡng bất can,
Chỉ nhân ảm trác khởi tranh đoan.
Vân cầm tráng chí hà tu nhượng,
Vũng cấp hùng lâm bất khắp khoan.
Khai khẩu bất như giam khẩu ồm,
Nhập đầu sanh giác xuất đầu nan.
Tảo tri đắc lợi qui ngư thủ,
Vân thủy phi tiêm các tự an.*

Ông Vũ Trang dịch :

*Trời đất sinh ra vốn khác lò,
Chỉ vì tham miếng phải giằng co.
Cò khoe dài mỏ chỉ mà nhịn,
Trai cậy dày mu chẳng nói cho.
Mở miệng, không bằng im hóa ồm,
Vương đầu, mới biết gỡ thêm lo...
Sớm hay no dạ ông câu cá,
Bay tit mây xanh, lặn nước mò.*

XII

TRÔNG NGHĨA BẢO-AN SẴM DẬY

Phan-thanh Giản đã mất ! Ngày mồng năm tháng bảy năm dinh-mão, nhằm 4-8-1867, Việt-nam mất một chí-sĩ đáng yêu, một cao-sĩ đáng kính. Non nước nghìn thu luống thở dài !

Mà người Pháp... cũng thở dài về cái chết của Phan.

Vĩnh-long, le 4 Aout 1867

Mon cher Commandant, (1)

« Nous sommes arrivés au dénouement fatal du drame
« de l'empoisonnement de Phan-Vang Diang, il a succombé
« cette nuit et son corps a été transporté ce matin hors de
« la Citadelle, l'inhumation aura lieu à Kébon dans quel-
« ques jours : ce n'est pas sans un vif sentiment de chagrin
« que nous avons vu périr ce remarquable vieillard et je
« suis sur que ce sentiment sera partagé par tous ceux qui
« l'ont connu : il a accompli son suicide avec une fermeté
« de résolution étonnante, ayant déjà préparé son corps
« au ravage du poison par une diète de plus de 15 jours ;
« il prit froidement toutes ses dispositions, fit acheter son
« cercueil, des habits de deuil pour sa famille et ses servi-
« teurs, régla la cérémonie des funérailles dans ses moindres
« détails et donna à ses enfants de conseils sages et

(1) Cách bỏ dấu trong thư này giống y như nguyên-bản, có chung-bày trong gian hàng lịch-sử ở Hội-chợ Sài-gòn năm 1943.

« dignes ; il les engagea à rester avec les Français mais à
« n'accepter aucun emploi de leur part, ils doivent vivre
« dans leur propriétés en gens pacifiques, franchement
« ralliés à la France, sans occuper autrement de politique
« et pour conseiller partout la paix et le travail : quant à
« ses petits enfants, pour lesquels les mêmes raisons d'abs-
« tention ne sauraient exister, il recommanda de les faire
« élever avec soin par les Français, et il me témoigna
« quelques jours avant l'accomplissement de sa funeste
« résolution le désir de me laisser quelques millions de
« francs pour subvenir aux frais de leur éducation à Sai-
« gon : je ne compris pas alors le sens de ses paroles qui
« n'eut pas échappé au... (1)

(Lettre du Commandant Ansart à M. le Chef
d'Etat-major général)

Bản-dịch của Trường sơn Chi :

Cùng Đại-tướng thân-mến,

« Chúng tôi đã đi đến kết-cuộc nào-nè tấn thâm kịch
« tự-tử của Phan-thanh Giản. Ngài đã thở hơi cuối cùng
« trong đêm qua và thi-hài của ngài sáng nay đã được dời
« ra ngoài thành. Lễ an-táng sẽ cử-hành tại Kébon (?)
« trong nay mai. Nhìn cái chết của bậc lão-thần đáng qui
« ấy, tôi không sao tránh đặng nỗi đau-sầu thâm-thiết và
« tôi tin chắc rằng ai đã biết ngài, cũng có một cảm-tưởng
« như tôi.

« Ngài thi-hành công-cuộc tự-tử một cách cương-quyết
« lạ lùng. Trước khi trao thân cho độc-dược tàn-phá, ngài
« nhịn ăn trong 15 hôm. Ngài thần-nhiên cắt-đặt mọi điều :
« dạy mua áo-quan, sắm tang-phục cho gia-quyển và gia-
« thuộc, lo đến các chi-tiết nhỏ-nhất trong việc tang-chay
« và khuyên dạy con ngài những điều hay và sáng-suốt.
« Ngài bắt con phải sống chung với người Pháp, song
« chẳng được thọ lãnh chức-tước chi, phải sống yên-ôn

(1) Còn đoạn dưới lược bớt vì không được rõ.

PHAN THANH GIẢN

« trong điền-dất của họ, thành thật giao-tiếp với người
« Pháp, không được dựa vào quốc-chính và phải khuyên-dỗ
« dân-tinh lo hòa-bình và làm việc.

« Đối với đoàn cháu của ngài mà những lời trên đây
« không hạp lắm, ngài dặn-dò phải giao chúng nó cho
« người Pháp nuôi, và mấy ngày trước khi thực-hành cái
« ý-dịnh thâm-thầm của ngài, ngài tỏ ý muốn giao lại cho tôi
« ít triệu quan để dùng vào việc học của chúng nó ở Sài-
« gòn. Hồi đó, tôi không hiểu ý lời nói của ngài...

Đem lời-lẽ trong bức thư trên đây so với lời trời-trấn
dặn-dò của Phan-thanh Giản đối với con-cháu, ta nhận
thấy có một đôi điểm khác. Nhưng nếu ta không nhận-xét
kỹ thì sợ gieo thêm sự đau-khổ cho người đau-khổ. Tình-
thế lúc ấy, có lẽ bắt-buộc Phan phải dùng ngôn-ngữ ần-
ánh khác ý trái lòng, để đối với họ hay dùm-chứng hành-
động của Phan, chứ còn riêng trong gia-dình, chắc hẳn
Phan quyết định buộc con cháu phải tuân theo những lời
lâm-chung di-chức ấy. Việc về sau này sẽ chứng-tỏ tâm-
hồn Phan.

Sau khi Phan chết, Thiếu-tướng Ansart cai-quản các
đạo binh ở vùng Mỹ-tho — Vĩnh-long viết một bức thư gửi
cho Đại-tướng của họ, như đã trích dịch ở trên, thì De
Lagrangière cũng gửi ngay đến gia-dình cụ Phan một lá
thư phản tru :

Saigon le 5 Aout 1867

« J'apprends avec une grande douleur la mort de S. E.
« Phan-thanh Gian, votre père. Le royaume d'Annam dont
« il était le membre le plus éminent perd dans ce vieillard
« respecté, une de ses gloires et de ses lumières, et le
« sentiment de profonde estime qu'il laisse dans ma
« mémoire et dans celle des Français sera plus durable
« que la haine de ses ennemis.

« Aucun autre que votre père n'a compris à Hué quels
« étaient les avantages qui devaient assurer le bonheur du

« peuple, et c'est un sentiment touchant et digne de
« respect qui l'a; malheureusement, porté à ne pas vouloir
« survivre aux conséquences d'une politique dont tous les
« torts et toute la responsabilité appartiennent au Gouver-
« nement Annamite.

« Le témoignage officiel de mon estime et de mon
« amitié que je vous adresse dans cette lettre doit être
« conservé dans votre famille comme le gage des sentiments
« que les Français conservent pour votre vénérable père et
« pour sa famille.

« Soyez persuadé aussi que je m'efforcerai, par tous
« les moyens qui dépendent de moi, d'assurer le bonheur
« de ses enfants, en leur accordant les faveurs et les
« situations qui peuvent leur convenir.

Dịch :

« Bản chức lấy làm đau-dớn mà hay tin thân-phụ của
« công-tử là cụ Thượng Phan-thanh Giản từ trần. Nước
« An-nam mà Ngài là một phần-tử xuất chúng mất cụ già
« đáng kính ấy, tức là mất một trong những cái vinh-
« quang của nó và mỗi tình qui-trọng sâu-xa mà Ngài lưu
« lại trong ký-ức của tôi và của người Pháp sẽ lâu-bền hơn
« mỗi thù-hằn kẻ nghịch.

« Ngoài lệnh-nghiêm ra, không một viên quan nào ở
« Huế hiểu biết những mối lợi cần-thiết để bảo-đảm hạnh-
« phúc cho dân-tộc, và rủi thay, một mối tình cảm-dộng khả
« kính đã xui-giục Ngài không muốn sống thừa để trông
« thấy kết-quả của một chính-sách mà những lỗi-lầm cùng
« tất cả trách-nhiệm thuộc về Chính-phủ An-nam.

« Cái bằng-chứng chính-thức của lòng qui-trọng và
« tình bằng-hữu mà bản-chức đạt đến công-tử trong bức
« thư này phải được gìn-giữ trong qui-quyển như chứng-
« cứ của mối tình người Pháp đối với lệnh-nghiêm đáng
« tôn-kính, cùng gia-đình của Ngài.

« Công-tử cũng nên tin rằng bản-chức sẽ cố gắng, bởi « những phương-tiện sẵn có, để bảo-đảm hạnh-phúc cho « các con Ngài, bằng cách ban cho họ những ân-huệ và « địa-vị thích-hợp. »

Lấy tinh-cảm mà an-ủi, lấy danh-lợi mà dẫn-dụ, nhưng người Pháp vẫn không lay được cái tâm-chí thanh-cao của dòng họ Phan-thanh.

Trước lời ân-cần chiêu-cổ của người Pháp, các con của Phan mỉm cười cảm ơn. Tuy-nhiên, vì tinh nhà nợ nước, các con của Phan đâu dám để nhẹ dạ mà làm hoại danh-tiếng cha già.

Ba tháng ôm lòng đau-dớn chịu tang cha, Phan-thanh Tông sau nhiều đêm suy-nghĩ bèn bàn-tính với em là Phan Tôn, cùng nhau chung chí-ý, quyết ra tay vạch một con đường. . . . một con đường của người dân yêu nước toan lo giải-phóng, một người con biết trọng danh-dự của gia-đình.

Thế là Phan-thanh Tông tức Phan Liêm cùng hợp sức với em là Phan Tôn tức Phan Thiên, gióng trống chiêu quân, trương cờ khởi-nghĩa trong những vùng Bến-tre, Vĩnh-long, Trà-vinh và Sa-déc.

Nhưng việc lớn không thành. Hai con Phan-thanh Giản đều tử trận nơi Giồng Gạch. Để cho ai dù có chê khi-tiết Phan lại thêm được thấy một bằng-chứng hùng-hồn khiến phải nghiêng mình.

Một nhà đều tử tiết, xưa nay không-phải là việc dễ có trên đời. Cho nên Nguyễn đình Chiểu đã thống-thiết bi-cảm khóc Phan-thanh Giản :

*Non nước tan-lành hệ bởi đâu,
Dầu dầu máu bạc cõi Ngao-châu.
Ba triều công-cán đòi hàng số,
Sáu tỉnh cương-thường một gánh sầu.
Ai bắc ngày chiêu tin điệp vắng*

*Thành nam đêm quạnh tiếng quỳên sầu,
Minh sinh chín chữ lòng son tạc
Trời đất từ đây bật gió thu.*

Và một bài thi chữ Hán :

**Lịch sĩ tam triều độc khiết thân
Vi công thùỵ tán nhất phương dân
Long-hồ ưởng phụ thư-sinh lão
Phụng-các không vi học-sĩ thần
Bỉnh tiết tần lao sinh Phú Bật
Tận trung hà tận tử Trương Tuần
Hữu thiên lục tỉnh tồn vong sự
Nan đắc thung-dung tựu nghĩa thần.**

Ông Thượng-lân Thị dịch :

*Minh trong-sạch trái thờ ba chúa
Không ông ai che-chở dân lành
Long-hồ phụ lão thư-sinh,
Ở nơi các phụng không đánh làm quan.
Cầm tiết nhọc sống chùng Phú Bật
Hết ngay sao giận mất Trương Tuần
Mất còn sáu tỉnh trời phân,
Thung-dung tựu nghĩa làm thần khó thay.*

Nguyễn đình Chiểu lại tỏ cảm-tình với hai con cụ Phan tử tiết :

I

*Thương ôi ! người ngọc ở Bình-đông,
Lớn nhỏ trong làng thủy mẫn trông.
Biết đạo khác bầy con mắt tục,
Dạy dân năm giữ tấm lòng công.
Đặng danh vừa rạng nền nhà cửa,
Vi nghĩa riêng đền nợ núi sông.
Một trận trái gan trời đất thấy,
So xưa nào thẹn tiếng anh-hùng.*

II

Anh-hùng thà thác chẳng đầu Tây,
Một giấc sa-trường phận cũng may.
Viên đạn nghịch thần treo trước mắt,
Lưỡi gươm địch khái nằm trong tay.
Đầu tang ba tháng trời riêng đội,
Lòng giận ngàn thu đất nổi dày.
Tiếc mới một sông ra đất trụi,
Cái xên, con rả nghĩ thương thay !

III

Thương thay tạo-vật khuấy người ta,
Nam đòi làm Tây, chánh lại tà.
Trống nghĩa bảo-an theo sấm rập,
Cờ thù công-tử gượng mây qua.
Én vào nhà khác toan nào kịp,
Hươu thác tay ai vội hỡi xa !
Trong số nên hư từng trước mắt,
Ngươi ôi ! trời vậy linh sao ra !

IV

Sao ra nhậy-nhót giữa vòng danh,
Son đóng chưa khô ấn đốc-binh.
Đuốc gió nhẹ xao đường thủy thạch,
Cỏ hoa ngùi động cửa trâm-anh.
Trên giong lửa cháy cờ tam sắc,
Dưới gảnh đèn lò bản thất tinh.
Dẫu khiến nghe can vùng đất hiểm,
Chờ trời nào đến tuổi vong linh.

V

Vong linh sớm gặp buổi đời suy,
Trăm nét cân-đo ít lỗi-nghì.
Bóng bọt hình-hài vira lỗ thấy,
Ngút mây phú-quới bỗng tan đi.
Sanh năm mươi tuổi ậu chơi mấy,

Quan bảy tám ngày sướng ích chi.
È nổi dạ-dài quan lớn hỏi,
Cớ sao xếu-mều cỡi Ba-tri ?

VI

Ba-tri từ vắng tiếng hơi chàng,
Gió thắm mưa sâu khá xiết than.
Vườn luống trông xuân hué ủ-dột,
Ruộng riềng buồn chủ hóa khô-khan.
Bày ma bất hạnh dường làm nghiệt,
Lũ chó vô cớ cũng mắc nạn.
Người ấy vì ai ra cớ ấy ?
Chạnh lòng trăm họ khóc quan Phan.

VII

Quan Phan thác trọn chữ trung-thần,
Ôm tiết như người cũng nghĩa dân.
Làng đề dành theo ông hữu đạo,
Cõi phàm hồ ngó lũ vô quân.
Lòng son xin có hai vừng tạc,
Giồng Gạch thà không một tấm thân.
Ai khiến cuộc hòa ra cuộc chiến,
Người qua An-lái luống bàng-khuâng.

VIII

Bàng-khuâng ngày xẻ cả than trời,
Ai đổ cho người gánh nạn đời.
Nằm mặt Cối-kẻ đầu chẳng giận,
Cấp dùi Bác-lãng há rằng chơi.
Một sông cung-kiếm rồi vay trả,
Sáu ải tang-thương mặc đời-dời.
Thôi ! mắt cũng cam, còn cũng khổ,
Nay Kim mai Tống thẹn làm người.

IX

Làm người trung-nghĩa đáng bia son
Đứng giữa càn-khốn tiếng chẳng mòn.

PHAN THANH GIẢN

*Cơm áo đèn-bồi ơn đất-nước,
Râu mày giữ vẹn phận tôi-con.
Tinh-thần hai chữ phao sương tuyết,
Khí-phách nghìn thu rở núi non.
Gẫm chuyện ngựa Hồ chim Việt cũ,
Lòng đây tưởng đó mất như còn.*

X

*Như còn chẳng gọi thế rằng cô,
Cái chuyện huê vi trước vẽ đồ.
Sở hồi trót ghi cừu họ Ngũ
Hòn đầu khỏi trả hận thằng Nó.
Vàng tơ sử Mã dôi đường sử,
Búa vôi kinh Lân lấp dấu hồ.
Ngày khác xa-thư về một mối,
Danh thơm người tới cõi hoàng-đô.*

XIII

CÔNG-LUẬN PHẪM-BÌNH

Đã là người của lịch-sử thì trải qua bất cứ thời-đại nào con người vẫn cần phải biết tới lịch-sử, và người của lịch-sử vẫn phải chịu cho muôn đời sau công-luận phẩm-bình.

Nghệ-thuật bình-phẩm người của lịch-sử là một nghệ-thuật đòi-hỏi ở nhà phê-bình một kiến-thức sâu-rộng, một tâm-hồn trong-sạch, và ít nhất cũng phải có một cái vốn khá-khá về sử-học. Mà « danh-dự công-bình là bản-tâm nhà viết sử » (*L'honneur de l'équilité est le propre coeur des historiens*).

Từ xưa đến nay, người nước đã viết nhiều về Phan-thanh Giản, có ca-ngợi mà cũng có chê-dè, nhưng ca-ngợi thì chiếm đến chín phần mười. Một phái chê là vì cái biết đã cạn mà lòng lại hẹp nên không thông-cảm nỗi tâm-sự của tiên-nhân, khiến cho tiên-nhân đã nhiều đau-đớn càng thêm đau-đớn. Còn những bậc giàu tinh, lịch-duyet, thì hầu hết đều ngậm-ngùi than-thở chẳng cùng mà biết nghiêng mình trên trang sử cận-đại nước nhà để chia thăm-bực với « người học-trò già họ Phan ở nước Đại-nam » thàn-mến của chúng ta.

Chúng ta đã nghe tiếng nấc của cụ đồ Nguyễn đình Chiểu ở chương trước rồi, giờ xin hãy nghe bao nhiêu người nước chung mỗi cảm-hoài :

I. —

1

Tiến-sĩ Nam-kỳ xướng trước công,
Khôi tinh tổ rạng khắp non sông.
Ba trào phò chúa không người dạ,
Một cõi chần dân chẳng mỗi lòng.
Gặp lúc trời Nam cơn thế biển,
Tách miền biển Việt nghị hòa xong.
Lòng người đã muốn trời không vậy,
Thà thác mình đây dựng chữ trung.

2

Vận nước trong khi cuộc đời-dời,
Ra vai gánh-vác một phương trời.
Thương vua phải chịu lòng đau-đớn,
Vi nước đành cam lụy nhỏ rơi.
Nghĩa nặng chẳng từ cơn yếu-đuối,
Thân già bao quản chốn đua-bơi.
Vài lời dảng sớ liệu mình thác,
Tiếng đề về sau biết mấy đời.

3

Nặng-nặng giữ vẹn tấm lòng ngay,
Nặng nhẹ chẳng từ khô-nhọc thay.
Vi nước thương dân trời đất biết,
Thảo cha ngay chúa quỷ-thần hay.
Tây-kinh phụng sứ cơn già-yếu,
Nam-trấn cầm cờ lúc trở gay.
Biết trước chẳng cho dân chịu thác,
Một mình cho trọn nghĩa lời đây. (1)

II. — Quan Án-sát tỉnh An-giang là Phạm viết Chánh sợ người sau chẳng rõ nỗi-niềm người khnất, nên ám-ức bày lòng :

(1) Ba bài trên đây chưa rõ của ai làm, rất mong được quý bạn đọc chỉ-giáo. (Soạn-giả)

*Phan-công tiết-nghĩa sánh cao dày,
Thương bấy vì dâu khiến chẳng may.
Hết dạ giúp vua trời đất biết,
Nát lòng vì nước quỷ-thần hay.
Tuyệt lương một thàng rau xanh mắt,
Bị cách ba phen lửa đỏ mày.
Chỉ sợ sử-thần biên chẳng ráo,
Tấm lòng ám-ức phải thày-lay.*

và đôi liên điều :

**Sở hàng di biểu lưu thiên địa
Nhất phiến đan tâm phó sử thư.**

Nghĩa :

*Đôi hàng biểu để lòa trời đất
Một tấm lòng son tạc sử xanh.*

III. — Cửa Phương-thành thôn-nữ :

**Nhất tử di toàn tam tỉnh huyết
Cửu truyền bất tử lục châu tâm.**

Nghĩa :

*Một chết cho tròn tinh-mạng dân ba tỉnh
(Thân tuy đã ở) suốt vàng (nhưng) chẳng chết
nơi lòng dân sáu châu.*

IV. —

**Cửu tuyền vị thích quần nhung hám
Nhất nhãn năng toàn lục tỉnh dân.**

Nghĩa :

*Chín suối vẫn chưa nguôi được lòng giận quần
nhưng
Một nhin đi để cho toàn dân sáu tỉnh.*

V. — Cửa Nguyễn thế Hào, Hương-sur ở Phương-chỉ
(An-lão, Kiến-an) :

*Lục bào hoa hốt bạc văn quan,
Trung-liệt kiếm toàn một cụ Phan.*

*Biết rõ thời cơ khôn cứu vãn,
Ngậm cười nuốt giận với giang-san.*

VI. — Cửa Nguyễn đức Qui ở La-khê, Hà-dông :

*Học rộng tài cao chẳng gặp thời,
Cho nên đành chịu bó tay thôi.
Gọi hồn non nước công đà ường,
Thấy cảnh tang-thương lệ ứa rơi.
Liều thuốc tiêu hồn rồi một kiếp,
Tấm lòng ái-quốc giải muôn đời.
« Lương-kê thi-tập » còn lưu đó,
Độc đến ai không cảm nhớ người ? !*

VII. — Văn-tế của Thượng-tân Thị Phan quốc Quang :

1. — Than ôi ! Một tấm lòng son ; — Muôn đời bia tạc.

2. — Cuộc tang-hải nổi chìm mấy lúc, khối tinh-anh càng tỏ rạng lâu lâu ; — Dãy giang-sơn biển-chuyển nhiều khi, hồn trung-liệt vẫn linh-thiêng trạc trạc.

3. — Kinh nhớ tướng-công xưa : Học rất uyên-thâm ; — Tài thêm lỗi-lạc.

4. — Thi tiến-sĩ đỗ hàng tam giáp, ra làm quan đúng bực thanh-liêm ; — Thờ thánh-quân trải khắp ba triều, liệu việc lớn thật tài thông đạt.

5. — Chép biên chánh - yếu, văn tày Thái-sử-công Thiên ; — Bàn-luận quân-cơ, tài sánh Khổng Minh Gia-cát.

6. — Sớ ngăn giá thương dân mà bị trích, hải-hùng thay ! biển-họa lúc ba đào ; — Việc đường xa vì nước phải gian-nan, đau-đớn bấy ! thân già nơi gió cát.

7. — Đi sứ Pháp để lo điều-dinh xin chuộc đất, sự không thành : mình vì thế yếu đơn cô ; — Về tâu vua những sự cơ-xảo giỏi tày trời, ai cũng cãi : họ có tài chi uyên-bác.

8. — Nghĩ mình chỉ không toại chí, đứng tấu chương từ chức, tạ chín trùng cửa bắc xin lui ; — Nhưng vua lòng

chẳng chịu lòng, ấn kinh-lược trao quyền, đem ba tỉnh miền tây ủy-thác.

9. — Mang gánh trên vai ngay-thảo, cầu gió xuôi thuận nẻo cánh bằng ; — Giữ tay chèo giữa lúc ngựa-nghiêng, mong biển lặng êm chịu sóng ngạt.

10. — Bồng dất bằng giòng-tổ nổi, nào thành-tri, nào phủ-khố, giao cho rời khỏi liên-lụy mạng thương-sanh ; — Thôi rường cả cột kèo xiêu, này áo-não, này sắc văn, gói nạp lại để vẹn toàn thân bạch phát.

11. — Tạ di sở đòi hàng giải-tổ, mắt rung rung cửa chùa cách muôn trùng ; — Xót tàn niên bẩy-chục già nua, lòng khăng khăng phận tôi dành một thác.

12. — Minh-sanh dễ chín chữ, không thẹn mình chức lớn quan to ; — Thuốc độc uống một hơi, cho khuất mặt vợ con bạn tác.

13. — Đoái non sông ruột những bàng-hoàng ; — Nhìn cây cỏ hồn như man-mác.

14. — Ôi ! Vật đổi sao dời ; — Người buồn cảnh khác.

15. — Bãi Ngao sóng dợn tiếng dưng dưng ; — Núi Tượng sấm rền nghe chát chát.

16. — Chết với quê-hương chết danh-dự, không thua cùng Gia-định Võ duy Ngụy ; — Chết vì việc nước chết càng thương, còn hơn sống Hà-tiên.....

17. — Bốn ngàn năm lịch-sử, nêu danh cao như núi đá nổi vun-chùn ; — Hăm mấy triệu đồng-bào, nhắc chuyện cũ tợ hồ sen thơm bát-ngát.

18. — Câu thành nhân Khổng-tử nói, vẫn sáng ngời theo nhật nguyệt tinh-thần ; — Chữ thủ nghĩa Mạnh Kha truyền, còn ghi đề với sơn xuyên hà nhạc.

19. — Nay nhân tiết hè gần mãn, hương hoa gọi tỏ lòng thành ; — Đối cùng người trước đã qua, phong-phỉ kinh dâng lễ bạc.

PHAN THANH GIẢN

20. — Hồn phưởng-phất phù-tri cho nước tổ, trong ấm ngoài êm, trên hòa dưới thuận, dài văn-minh được sớm hưởng vinh-quang ; — Hồn anh-linh giúp-đỡ cho giống-nòi, đông thành tây tựu, nam hiệp bắc hòa, đường học-vấn càng thêm tấn-phát.

21. — Ngửa nhờ đức sánh cao dày ; — Xin nhớ mãi không phai lạt.

Hỡi ôi ! thương thay ! Phục duy cần cáo.

Trường sơn Chí, một thiếu-niên tân học nhưng không-nghèo lòng hoài cô, đọc sử cụ Phan cũng đề lộ tâm-tình :

« Than ôi ! Phan tiên-sinh là người thông-quán thức « thời, nhưng phải gặp vận nước đến hồi mù-mịt, lòng « người đang lúc đảo-diễn, nên không muốn hy-sinh vô- « ích dăm ba quản và chẳng nỡ để lụy cho dân-chúng. « Nhưng là một trung-thần khí-tiết, tiên-sinh không muốn « sống sót sau khi tự dâng thành-trì cho người Pháp, bèn « uống thuốc độc tự tử để « đem tấm lòng son sắt mà báo « đền ân nước, cho hết bồn-phận của kẻ làm tòi ».

« Xưa kia, nhà hiền-triết Socrate vâng lệnh trên uống « ci uc » mà chết một cách lạnh-lùng, được người đời ca- « phục ; gần đây, Phan tiên-sinh vâng theo tinh-thần của « kẻ sĩ anh-hùng nâng chén thuốc độc mà không dỗi sắc, « muốn thuở về sau sẽ chiêm-bái cử-chỉ ấy đến thế nào !

« Phan-thanh Giản tiên-sinh, ở nhà đối với cha với vợ « thì một lòng hiếu-nghĩa, ra thờ vua giúp nước lại hết dạ « trung-cang, nên tiên-sinh là một tấm gương soi sáng trời « Việt hơn cả quốc-sử cận kim vậy.

Luật-sư Vương-quang Nhường tỏ cảm-tình :

« Khuất-phục và thanh-cao ! Cả cuộc đời của cụ, tự « lúc sinh đến lúc chết hiển-nhiên có sự tương-phản ấy. « Cụ vốn là con nhà thường dân, mà chỉ nhờ sự cần-cù

« kiên-nhẫn, làm tới chức vị tối-cao trong nước, đậu Tiến-
« sĩ, làm Hiệp-biện đại-học-sĩ, chánh nhất-phẩm, sung
« chức Thượng-thư, nhiều lần được cử làm sứ-thần sang
« Tàu và sang Pháp.

« Số trời hình như đã định trước mạng-vận có vẻ lạ-
« lùng trái-ngược của cụ ; ta thấy cụ làm nên quyền cao
« chức trọng, tưởng chừng như cụ đã sinh ở chốn lâu-đài
« tráng-lệ một bậc phú-hộ nào, hoặc ở nơi dinh-thự một
« bậc đại-thần nào ; nhưng không, chính cụ ở trong một
« cái nhà tranh của một viên tiểu-lại ở tỉnh Vĩnh-long, tại
« làng Bảo-thạnh, tổng Bảo-trị (nay là Ba-trị) phủ Hoảng-
« trị (nay là Bến-tre), tỉnh Long-hồ (tức Vĩnh-long).

« Mà sau này, đến khi Cụ là một vị đại-thần trong
« triều, có chân trong viện Cơ-mật, làm sứ-thần sang Pháp
« và làm Kinh-lược-sứ Nam-kỳ, mà cụ cũng chỉ ở một cái
« nhà tranh « cột bằng gỗ cây vổ già và vách tre bằng đất »
« như lời một người mục-kích đã nói. Thế rồi cụ cũng chết
« trong cái nhà tranh ấy. Rồi trên cái minh-tĩnh lát nữa sẽ
« đặt trên quan-tài cụ ở trong mộ, dùng tưởng cụ bảo hiên
« tất cả các phẩm-chức của cụ không phải là ít, vì cụ đã
« trải thờ ba triều và ở trong hòm sắc của cụ có tới hai-
« mươi-ba đạo sắc. Không, theo ý muốn cụ, chỉ có chín chữ
« thật là đơn-giản mà cảm-động biết bao :

« **Đại-nam hải-nhai lão thư-sinh tánh Phan chi**
« **cửu** ».

(bản dịch của Hải Lượng)

Rồi nhân ngày giỗ cụ Phan, một ký-giả bâng-khuâng cảm nỗi
« *Mây trắng Ngao-châu* » :

« Trọn ngày mồng bốn tháng bảy âm-lich vừa qua, tôi
« đóng cửa năm nhà.

« Để đọc lại mấy đoạn tiểu-sử của Phan Lương-khê
« tiên-sinh, và để thỉnh-thoảng trông lên bức chân-dung
« ngài treo bên án-sách mà thở dài :

PHAN THANH GIẢN

« Phải, tôi thở dài, vì đến nay đã 78 năm, kể từ ngày
« Phan-công nâng chén chinh-khi mà gửi hồn lại cho non
« nước, hãy còn có một đoàn hậu tấn (cũng may là rất ít)
« cho cái gương của tiên-sinh là không đáng kỷ-niệm, bởi
« khi bắt-buộc nhượng lại ba tỉnh chót Vĩnh-long, An-
« giang, Hà-tiên, ngài tỏ ra thiếu tinh-thần chiến-đấu, đi
« lụy cho con cháu về sau.

« Riêng phần chúng tôi, chúng tôi lại có ý-nghĩ khác,
« cho nên hôm nay muốn làm cái chuyện chính trước
« chúng tôi đã có người hăm-hở làm rồi... chúng tôi muốn
« nói đến chuyện ông Ân-sát Nguyễn Thông, chẳng những
« một mình đứng ra bênh-vực cho quan Kinh-lược họ
« Phan mà thôi, lại còn xin với vua Tự-đức truy-phong
« cho ngài, vì ngài đã tỏ ra người dõm-lược, kinh-luân...

« Rồi đến lượt vua Đồng-khánh cũng biểu-dồng-tinh
« với bầy tôi là các ông Trần San, Nguyễn hữu Độ, mà cho
« rằng Phan-thanh Giản là người chí-khi thanh-cao, đáng
« phục-hồi tước-phẩm, đáng đem thờ ở miếu công-thần...
« Nhưng mà chúng tôi thấy vô-ích. Vì thời-gian đã định-
« luận rồi. Và lịch-sử cũng đã phê-phán rồi !

« Phầm-tiết ba triều cao vợi như núi, sá gì là học chưa
« chín nồi cơm. Văn-chương nhất đại, rạn-rỡ như găm
« hoa, kẻ chi bợn ăn theo thuở ở theo thời.

« Cho nên hôm nay, ngồi tưởng-nhớ đến cụ, mà lòng
« chúng tôi thấy tự-hào thêm, bởi người Việt-nam chân-
« chính nào cũng cảm thấy, dầu công-vụ không thành,
« nhưng cái tự giết của cụ là để muốn làm điều nhân, tức
« là muốn tiết-kiệm máu-huyết của đồng-bào để mưu cầu
« những cuộc tranh-đấu về sau.

« Nhớ đến Phan Lương-khê ta nên nhớ điều này trước
« hơn hết, đề khởi bồi lộ quốc-sử và phản-bội tiền-nhân ».

(Diễn-Tin 12-8-1945)

Hay lắm vậy. Phê như thế mới là khéo phê, bình như thế mới là cao tài bút-pháp.

Phan Lương-khê có phải là một bậc tầm-thường mà bất cứ ai cũng làm được như thế đâu. Đừng suy-nghĩ thiên-cận mà làm chết người xưa một lần nữa như những ai đã khur-khur ôm cái luận-diệu hẹp-hòi : cụ Phan phản-bội tinh-thần quốc-gia, làm hỏng cái tinh-thần kháng chiến ? Kia, đoạn-kết trên bài báo « Diên Tin » đã trả lời. Và nếu ta biết rằng khi sang Pháp, cụ Phan được tiếp rước niềm-nở, chính Ngoại-tướng Pháp là Achille Fould đến thăm sứ-bộ ta ở quán số 17 đường Lord Byron, Ngoại-tướng đã trân-trọng bỏ găng tay mặt ra và yêu-cầu cụ Phan đưa tay ra bắt, rồi ân-cần thiết-tha nói một câu . . . đã ghi vào lịch-sử : « Xin ngày hãy thực-hành cái tục chào của Tây-phương chúng tôi, để chúng ta tỏ tinh huynh-đệ với nhau ». Người ngay-thẳng và thành-thật như cụ Phan, cảm-dộng với lời ân-cần mặt-thiết ấy biết bao nhiêu. Mà ai lại không tưởng với cái tinh « huynh-đệ » ấy thì có đâu chuyện xâm-chiếm nữa mà chi ? Và rồi ai bội-tín ? Ai ngậm cười khinh-bĩ ? Cái chết của cụ Phan thêm tăng giá cho Việt-nam, mà là một vết nhợ của lịch-sử của ai ai. Ví chẳng cụ Phan không chết mà chống, còn đâu có cái hay cho linh-hồn đất nước này từng có nhiều gương cao-quý, còn đâu có mãnh-lực nhiệm-mầu xui cho lòng người bi mà phần dẽ rồi quật-khởi mãi và quật-khởi mãi vì những gương sáng soi lòng, kích-thích.

Sát thân thành nhân. Chi-sĩ xưa nay đều thế cả. Cái quan-luận-dịnh. Tha hồ ai công-luận phẩm-bình. Nhưng xin nhớ rằng : « Người xưa đã từng đau-dớn hơn ta ».

Ông Lê thọ Xuân, một nhà học-giả chân-chính, một nhà sử-học đã được mọi người công-nhận và Nam-triều đã tưởng thưởng huy-chương mà cũng còn chép miệng

than dài nữa là : « Khăn áo chỉnh-tề, ngồi đọc sách mà chờ chết, cái chết của kinh thánh truyện hiền, cái chết thái nhiên khiến cho bao nhiêu nhân-sĩ phải sa nước mắt ».

Hơn nữa, ông Lê thọ Xuân đã tỏ bày cảm-tưởng trong cuộc dẫn-dắt chúng ta đi thăm mộ cụ Phan :

« Trên khoảng đất trống, giữa con giồng cao, ở làng Bảo-thạnh, tổng Bảo-trị, quận Ba-tri, hạt Bến-tre, một ngôi mộ vách tô vôi trắng, nền tráng xi-măng. Trừ tấm mộ hình qui-bối ra thì cái gì cũng làm theo kiểu-cách mới cả. Trên vách hiên có hai chữ « Truy tư », hai bên có đôi liễn :

**Xuân lộ thu sương cảm
Sơn hoa dã thảo bi.**

« Phía trước có tấm bình-phong, mặt ngoài đắp hình « sen le và đôi liễn :

**Giang-san chung tú khí
Âu-Ấ mộ oai linh.**

« Mặt trong đắp hình tùng lộc và đôi liễn :

**Tiết nghĩa lưu thiên địa
Tinh-thần quán đầu ngư.**

« Sen le, tùng-lộc, đỏ đỏ xanh xanh, in trên phong « trắng, ngó thoáng qua tưởng là mộ của một nhà giàu « nào mới chết. Lăn vào, quỳ xuống đọc tấm mộ bia :

**Nam-kỳ hải nhai lão thư-sinh Phan-công
chi mộ.**

« Phan-công chi mộ. Tánh Phan chi mộ. Bốn chữ sau « nghe cảm người hơn. Hay là nghĩ : Tánh Phan nghe « không có hơi quan ? ».

Hay ! Trộn một đời của « Người học-trò già họ Phan » gồm-tóm ở chín chữ di-chức biên trên tấm minh sinh ấy thôi.

PHAN THANH GIẢN

Ai biết đến hay không biết đến, người xưa nào có cần nghĩ tới chi. Nhưng nếu có nhắc đến, xin đừng hiểu khác và làm khác mà phạm tới cái tinh hồn của người xưa đã muốn tự giết mình để làm gương, muốn xa lánh cuộc lợi-danh mà vì đó con người đã phải hư-hèn xấu-xa quá lắm.

== H ẾT ==

Liệt-kê các sách báo tham-khảo

1. VIỆT-NAM SỬ LƯỢC..... của Trần trọng Kim
2. NAM-KỶ LỤC-TỈNH ĐỊA-DU CHỈ của Duy minh Thị
(bản dịch của Thượng-tân Thị)
3. UN PATRIOTE ANNAMITE... par Lê thành Tường
(Essai sur la vie de Phan-thanh Giản)
4. CỤ PHAN-THANH GIẢN.... của Thượng tân Thị
báo « Tân Văn » 1936
5. CỤ PHAN-THANH GIẢN..... của Lê thọ Xuân
báo « Đồng-nai » số 23-24
15-1 — 1er 2-1933
6. NAM-KỶ TUẦN BÁO số đặc biệt
« PHAN-THANH GIẢN »
7. PHAN-THANH GIẢN..... của Vương q. Nhường
(diễn-văn bằng tiếng Pháp đọc ở hội-quan
hội Khuyễn-học tỉnh Vĩnh-long, đăng
báo Tribune Indochinoise số 1084-1089)
8. MAI BÁ HƯƠNG..... của Đông Hồ
báo « Mai » số 35
ngày 31-10-1936
9. 83 NĂM..... của Nguyễn kỳ Nam
10. VÀI ĐOẠN THUẬT SAI TRONG
BÀI PHAN-THANH GIẢN
của Hồ Trầm đăng ở báo
« Nghệ-thuật Việt-nam »... của Huỳnh thúc Kháng
báo « Đông Dương »
số 52 ngày 5-4-1941
11. MỘT MỐI CẢM-HOÀI..... của Trường sơn Chí
Ung ngọc Kỳ
« Nam-kỷ tuần báo »
số Xuân

12. 24-6! NAM-KỶ THUỘC PHÁP, . . . của Lê thọ Xuân
« Mai » số 92
ngày 30-6-1939
13. BẢNG CƠ-CHỨNG TỎ DE
LAGRANDIÈRE đã sắp-đặt sự
nuốt 3 tỉnh miền tây Nam-kỳ. của Thúy Lĩnh và
Lê thọ Xuân
báo « Thần Chung »
ngày 6-6-1949
14. CỤ PHAN-THANH GIẢN không
phải là học-trò cụ Võ Trường
Toản. của Lê thọ Xuân
báo « Tân Văn »
số 87 ngày 2-5-1936
15. VIỆT-NAM CẬN THẾ SỬ . . . của Dương quảng Hàm
16. VIỆT-NAM TÂY-THUỘC SỬ . . . của Đào trinh Nhất
17. THI-PHÁP. của Diên Hương
18. MỘT VỊ ĐẠI NHÂN-VẬT Ở
NAM-KỶ VỀ HỒI HAI NƯỚC
PHÁP, VIỆT MỚI GIAO-TIẾP:
CỤ PHAN-THANH GIẢN của Vũ Trang
« An-nam tạp-chí »
số 22 4-1931

M U C - L U C

	<i>Trang</i>
I. — Sinh trong thời loạn.	9 — 13
II. — Con đường học-vấn.	14 — 19
III. — Nấc thang danh-vọng	20 — 30
IV. — Pháp-Việt giao binh	31 — 45
V. — Nguyễn tri Phương thất - thủ đồn Kỳ - hòa — Phan - thanh Giản vào Nam	46 — 49
VI. — Phan-thanh Giản — Lâm duy Hiệp kỳ hòa - ước (ngày 5 tháng 6 năm 1862)	50 — 55
VII. — Sứ-bộ Việt-nam sang Pháp	56 — 62
VIII. — Cụ Phan lại thương thuyết với Aubaret,	63 — 66
IX. — Cụ Phan lại vào Nam	67 — 73
X. — Nam-kỳ thuộc Pháp !	74 — 78
XI. — Phan-thanh Giản về thăm.	79 — 84
XII. — Trống nghĩa Bảo-an sấm vậy	85 — 93
XIII. — Công-luận phẩm-binh	94 — 104
LIỆT-KÊ CÁC SÁCH BÁO THAM-KHẢO.	105 — 106
MỤC-LỤC.	107

NHÀ XUẤT-BẢN TÂN VIỆT

sáng-lập năm 1937



với sự hợp-tác của các học-giả và
nhà-văn danh-tiếng Trung, Nam, Bắc :
Bùi Kỷ — Trần Trọng Kim — Phan
Văn Hùm — Trần Thanh Mại —
Thi Nham — Đào Trinh Nhất —
Lê Ngọc Trụ — Trúc Khê — Hà Như Chi
— Phạm Trọng Nhân — Tôn Thất Lương —
Nhuộng Tống — Phạm Văn Diêu — Bửu Kế —
Bùi Giáng — Phạm Hoàn Mĩ — Nguyễn Hóa —
Bình Nguyễn Lộc v. v...

đã xuất-bản trên 350 thứ sách
chia ra làm nhiều loại

Hiện còn những thứ mới

I. — SÁCH GIÁO-KHOA — BẬC TRUNG-HỌC

A. — LOẠI BIÊN-KHẢO VÀ PHIÊN-DỊCH

1. — *Việt-nam sử-lược* của Trần trọng Kim
(Nam Việt 150. — ngoài Nam Việt 160.)
2. — *Việt-nam văn-phạm* của ba ông :
Phạm Duy Khiêm Bùi Kỷ và Trần trọng Kim.
(Giá N. V. 55đ. — Các nơi 58đ.)
3. — *Quốc-văn cụ-thể* của Ưu Thiên Bùi Kỷ
(Giá 42đ — Ngoài Nam Việt 45đ)
4. — *Việt Thi* của Trần trọng Kim
(Giá 42 đ — Ngoài Nam Việt 45đ)
5. — *Đường Thi* của Trần trọng Kim
(Đang in lần thứ hai)
6. — *Việt-nam Thi-Văn giảng-luận*
của Hà như Chi — giáo-sư trường Quốc-học Huế.

TẬP I

Từ khởi-thi đến cuối thế-kỷ 18. Gồm có những
luận-đề về : Truyện cổ-tích — Ca-dao và Tục-ngữ —
Truyện Trinh Thử — Truyện Trê Cóc — Nguyễn Trãi
— Vua Lê Thánh-tông — Nguyễn bính Khiêm —
Nguyễn Hăng — Lê quý Đôn — Đoàn thị Diệu —

Ôn như Hầu — Nguyễn huy Tự — Lê thị Ngọc Hân
— Phạm Thái
(Dùng trong các lớp *Đệ-ngũ* và *Đệ-tam bậc Trung-học*
(In lần thứ ba — Giá N. V. 85đ Các nơi 90đ.)

TẬP II

Thế-kỷ thứ 19. Gồm có những luận-dề về: Nguyễn Du—
Hồ xuân Hương — Bà huyện Thanh-quan — Nguyễn
công Trứ — Cao bá Quát — Cao bá Nhạ — Phan
huy Vịnh — Nguyễn đình Chiếu — Tôn thọ Tường —
Chu mạnh Trinh — Nguyễn Khuyến — và Trần tế
Xương.
(Dùng trong các lớp *Đệ-tứ* và *Đệ-nhi bậc Trung-học*
(In lần thứ hai N. V. 120 đ. các nơi 130 đ.)

7. — *Việt-nam văn-học giảng-bình* của Phạm văn Diêu
— giáo-sư trường Quốc-học — Huế. Một khoa bản
đáp-ứng mọi mong chờ của các bạn học-sinh *Đệ-tứ* và
Đệ-nhi bậc Trung-học
(Giá 50đ — Ngoài Nam Việt 55đ)
8. — *Hóa-học* (lớp *Đệ-tứ Trung-học*) của Phạm văn Hương
và Phạm văn Thoại (giáo-sư trường Quốc-học — Huế
(Giá N. V. 50đ. — Các nơi 53đ.)
9. — *Lịch-sử Việt-nam (lớp Đệ-thất)* của Phạm Hoàn
Mĩ và một nhóm bạn giáo-sư biên-soạn
(Giá N. V. 35đ — Các nơi 37đ.)

SẮP CÓ BÁN :

Lịch-sử Việt-nam (Lớp Đệ-lục)

B. — LOẠI CỜ VĂN CHÚ-THÍCH

1. — *Truyện Thúy Kiều* của Nguyễn Du
do Bùi Kỳ và Trần trọng Kim hiệu-khảo
(Giá N. V. 55đ. — Các nơi 58đ.)
2. — *Truyện Hoa Tiên* của Nguyễn huy Tự
do cụ Tôn thất Lương chú-thích
(Đang in lần thứ hai)
3. — *Chinh-phụ ngâm khúc* của Đoàn thị Điểm
do cụ Tôn thất Lương chú-thích
(Giá N. V. 42đ. — Các nơi 44đ.)
4. — *Cung-oán ngâm khúc*
do cụ Tôn thất Lương chú-thích (lần thứ tư)
(Giá Nam Việt 16đ. — Các nơi 17đ.)

5. — *Lục Vân Tiên* của Nguyễn đình Chiểu sửa bản P. J B. Trương vĩnh Ký phát-hành có thêm phần chú-thích
(Giá N. V. 42đ. — Các nơi 45đ.)
6. — *Truyện Tré Cóc*
do cụ Bùi Kỳ hiệu-dính
(Giá N. V. 12đ. — Các nơi 13đ.)
7. — *Truyện Trinh Thử*
(Giá N. V. 12đ. — Các nơi 13đ.)
8. — *Lục-súc tranh công*
do cụ Bùi Kỳ hiệu-dính
(Giá N. V. 8đ. — Các nơi 9đ.)
9. — *Truyện Phan Trần* do Thi Nham chú-thích
(Giá N. V. 16đ. — Các nơi 17đ.)
10. — *Nguyễn Cư Trinh* với quyền *Sãi Vãi* do hai ông Lê ngọc Trụ và Phan văn Luật chú-thích và dẫn-giải
(Giá 20đ — Ngoài Nam Việt 22đ)
11. — *Hoa điều tranh nãng*
do cụ Bùi Kỳ hiệu-dính
(Giá N. V. 7đ. — Các nơi 8đ.)
12. — *Hạnh Thục Ca* của Nguyễn nhược Thi
do cụ Trần trọng Kim phiên-dịch và chú-thích
(Giá 12đ. — Ngoài Nam Việt 13đ.)
13. — *Ngư Tiều vấn đáp Y-thuật* của cụ ĐỒ CHIỀU (tác-giả *Lục Vân Tiên*) do Phan Văn Hùm hiệu-dính và chú-thích. — Nhược Tống tặng bình bô chú.
(Đang in lần thứ hai)
14. — *Nhị Độ Mai* do Thi Nham đính-chính và chú-thích.
(Giá N. V. 42đ. — Các nơi 45đ.)
15. — *Bích-câu kỳ ngộ* do Thi Nham
đính-chính và chú-thích
(Giá N. V. 16đ. — Các nơi 17đ.)
16. — *Nữ Tú-Tài* và *Bần-nữ thân* do Thi Nham chú-thích
(Giá 16đ. — Ngoài Nam Việt 17đ.)
17. — *Gia-huấn ca* do Thi Nham chú-thích
(Giá 12đ. — Ngoài Nam Việt 13đ.)
18. — *Nhị-thập tứ hiếu* do Cao huy Giu chú-thích
(Giá 12đ. — Ngoài Nam Việt 14đ.)
19. — *Quan-Âm Thị Kính* do Thi Nham chú-thích
(Giá N. V. 12đ. — Các nơi 13đ.)

CÁC NGÀI HIỆU-TRƯỞNG CÁC TRƯỜNG
CÁC NGÀI PHỤ - HUYNH HỌC - SINH

nên khuyến - khích
các con em đọc các
thứ sách trong

TỦ SÁCH « NHỮNG MẢNH GUƠNG — TÂN VIỆT »

ĐÃ CÓ BÁN

- | | |
|--|-------------|
| 1. — Nguyễn Thái Học | giá 40đ |
| 2. — Phan Chu Trinh | giá 42đ |
| 3. — Phan Văn Trị | giá 20đ |
| 4. — Huỳnh Mẫn Đạt | giá 18đ |
| 5. — Phan Bội Châu | giá 52đ |
| 6. — Nguyễn Đình Chiểu | giá 48đ |
| 7. — Phan Đình Phùng | giá 67đ |
| 8. — Lương Ngọc Quyến | giá 25đ |
| 9. — Trên giòng sông Vị
(Trần Tế Xương) | giá 25đ |
| 10. — Hàn Mạc Tử | giá 50đ |
| 11. — Tôn Thọ Tường | giá 28đ |
| 12. — Phan Thanh Giản | giá 25đ |
| 13. — Võ Trường Toản | giá 20đ |
| 14. — Nguyễn Khuyến | } (đang in) |
| 15. — Nguyễn Trường Tộ | |

Nhà xuất-bản TÂN VIỆT

235, Phan Thanh Giản — Saigon

PHAN THANH GIẢN
của Nam Xuân Thọ do
nhà TẤN VIỆT xuất-
bản và giữ bản quyền —
in lần thứ hai xong ngày
15-9-1957 giấy phép xuất-
bản số 969 T.X.B. của
nhà T.T. Nam-phần V.N.
